

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG LONG

PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CÀM QUYỀN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC VÀ MỘT SỐ
GỢI MỞ ĐỐI VỚI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG LONG

**PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC VÀ MỘT SỐ
GỢI MỞ ĐỐI VỚI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

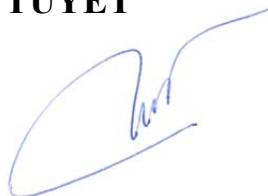
**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
Mã số: 9310201**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS.TSKH PHAN XUÂN SƠN



2. TS. TRẦN ÁNH TUYẾT



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Hoàng Long

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	8
1.1. Những công trình nghiên cứu dưới góc độ lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản	8
1.2. Những công trình nghiên cứu về thực trạng phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay	21
1.3. Những công trình nghiên cứu về một số gợi mở từ phương thức lãnh đạo cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.....	31
1.4. Giá trị của các công trình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	38
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN	40
2.1. Khái niệm, nội dung phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản	40
2.2. Phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc - Cơ sở chính trị và pháp lý.....	52
2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc xác lập và triển khai phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản	55
Chương 3: PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2025	59
3.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2025	59
3.2. Phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2025 - Thực trạng và những vấn đề đặt ra	63

3.3. Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2025	69
3.4. Thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc	80
Chương 4: NHỮNG GIÁ TRỊ GỢI MỞ TỪ NGHIÊN CỨU PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY	95
4.1. Điểm tương đồng và khác biệt của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam	95
4.2. Yêu cầu hoàn thiện phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay	113
4.3. Những giá trị gợi mở về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.....	127
KẾT LUẬN	163
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN	167
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	168
PHỤ LỤC	182

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AIIB	Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á
BRI	Sáng kiến Vành đai và Con đường
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
HTCT	Hệ thống chính trị
PAPI	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh
SOEs	Doanh nghiệp nhà nước
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
WB	Ngân hàng Thế giới
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Phân biệt phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền	49
Bảng 3.1. Số người nghèo ở nông thôn Trung Quốc theo chuẩn quốc gia, 2012-2020	76

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 4.1. Chỉ số cảm nhận tham nhũng của Việt Nam giai đoạn 2012-2024	120
Hình 4.2. Chu trình thực thi hiệu quả chính sách	146
Hình 4.3. Kết quả tổng hợp tỉ lệ người dân trả lời ba vấn đề hệ trọng họ cho rằng Nhà nước cần tập trung giải quyết trong thời gian tới	155

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong khoa học chính trị hiện đại, vấn đề đảng chính trị và phương thức thực thi quyền lực của đảng cầm quyền là nội dung quan trọng để lý giải cơ chế vận hành của hệ thống chính trị và năng lực quản trị quốc gia. Về phương diện lịch sử - thể chế, đảng chính trị là thiết chế hình thành trong bối cảnh phát triển của đời sống chính trị hiện đại, gắn với quá trình tổ chức và thực thi quyền lực chính trị. Từ góc độ thể chế, đảng cầm quyền giữ vai trò lãnh đạo, chi phối hệ thống chính trị, đặc biệt là nhà nước; thông qua nhà nước và bằng các thiết chế quyền lực nhà nước để thực hiện mục tiêu, chiến lược chính trị của mình, đồng thời vận hành quyền lực theo những nguyên tắc và phương thức khác nhau tùy thuộc điều kiện quốc gia và tương quan lực lượng chính trị - xã hội [45, tr.5].

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, đảng cộng sản cầm quyền giữ vai trò đặc thù, vừa là trung tâm định hướng chính trị, vừa là hạt nhân tổ chức quyền lực, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển và hiệu lực quản trị. Trên nền tảng lý luận Mác - Lênin, chính đảng của giai cấp công nhân tổ chức lực lượng và định hướng đấu tranh cách mạng; khi trở thành đảng cầm quyền, trọng tâm hoạt động của Đảng là lãnh đạo xây dựng, tổ chức và quản trị nhà nước, trong đó vấn đề then chốt không chỉ là “lãnh đạo cái gì” mà còn là “lãnh đạo như thế nào” [34], [58]. Nếu nhận thức và vận dụng không phù hợp phương thức lãnh đạo, cầm quyền sẽ nảy sinh các hệ quả tiêu cực như chồng chéo chức năng giữa đảng và nhà nước, bao biện làm thay, làm suy giảm hiệu lực quản trị và ảnh hưởng đến tính chính danh của đảng cầm quyền [45, tr.37].

Trong số các đảng cộng sản cầm quyền hiện nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc là trường hợp đáng chú ý. Từ sau Đại hội XVIII năm 2012 đến nay, đặc biệt dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Tập Cận Bình, Đảng Cộng sản Trung

Quốc đã đẩy mạnh xây dựng Đảng toàn diện, tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất; thúc đẩy quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng; đồng thời tăng cường thể chế hóa vai trò lãnh đạo của Đảng trong toàn bộ hệ thống chính trị và quản trị quốc gia. Những điều chỉnh này không chỉ mang tính kỹ thuật tổ chức quyền lực, mà còn phản ánh sự thay đổi trong nhận thức về phương thức cầm quyền của một đảng cộng sản trong điều kiện mới. Nhiều nội dung được xác lập trong giai đoạn này, như tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, nhấn mạnh chính đốn Đảng, coi trọng kiểm soát quyền lực, nâng cao năng lực cầm quyền và gắn phương thức lãnh đạo với yêu cầu hiện đại hóa quản trị quốc gia, vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển trong giai đoạn sau [19]. Nghiên cứu kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc không chỉ có ý nghĩa phản ánh một giai đoạn lịch sử cụ thể, mà còn cho phép nhận diện đầy đủ hơn những xu hướng mang tính dài hạn trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền trong bối cảnh mới của quản trị quốc gia, chuyển đổi mô hình phát triển và điều chỉnh quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, xã hội. Thực tế cho thấy, kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc không thể được tiếp cận như một mô hình để sao chép. Giá trị của việc nghiên cứu trường hợp này trước hết nằm ở khả năng cung cấp thêm cơ sở so sánh, giúp nhận diện rõ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn của phương thức lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện đảng cộng sản cầm quyền. Trên cơ sở đó, có thể rút ra những gợi mở có chọn lọc đối với Việt Nam, phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý, lịch sử và văn hóa của đất nước.

Từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài ***“Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số gợi mở đối với Đảng Cộng sản Việt Nam”*** làm luận án tiến sĩ ngành Chính trị học, góp phần cung cấp cơ sở so sánh để nhận diện yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền ở Việt Nam trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền và hiện đại hóa quản trị quốc gia.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc giai đoạn 2012-2025; trên cơ sở đó rút ra một số giá trị gợi mở có thể tham khảo đối với việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

Thứ nhất, làm rõ một số vấn đề lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của đảng cộng sản và khung phân tích đối với trường hợp Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Thứ hai, phân tích phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc giai đoạn 2012-2025 trên các phương diện chủ yếu; chỉ ra thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra.

Thứ ba, từ kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc, rút ra một số giá trị gợi mở có thể tham khảo đối với việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc giai đoạn 2012-2025.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: luận án nghiên cứu phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2025, từ Đại hội XVIII đến giai đoạn sau Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc tính đến hết năm 2025. Việc lựa chọn giai đoạn 2012-2025 xuất phát từ những lý do chủ yếu sau:

Thứ nhất, năm 2012 là thời điểm diễn ra Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đánh dấu sự mở đầu một giai đoạn mới trong tư duy và thực tiễn lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Tập Cận Bình. Từ thời điểm này, nhiều nội dung có tác động trực tiếp đến phương thức lãnh đạo, cầm quyền được nhấn mạnh và triển khai mạnh mẽ hơn, như tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng; quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện; phòng, chống tham nhũng; kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; thể chế hóa vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị; gắn phương thức cầm quyền với hiện đại hóa hệ thống và năng lực quản trị quốc gia.

Thứ hai, giai đoạn 2012-2025 bao quát tương đối đầy đủ tiến trình vận động của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc qua ba dấu mốc chính trị quan trọng: sau Đại hội XVIII, qua Đại hội XIX và đến giai đoạn sau Đại hội XX. Đây là khoảng thời gian đủ dài để nhận diện không chỉ các chủ trương, định hướng chính trị, mà còn cả quá trình triển khai trong thực tiễn, những kết quả đạt được, các vấn đề nảy sinh và xu hướng điều chỉnh trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Thứ ba, mốc năm 2025 được lựa chọn cho phép quan sát các chuyển động mới sau Đại hội XX trong bối cảnh Trung Quốc tiếp tục thúc đẩy hiện đại hóa quản trị quốc gia, xây dựng Đảng, kiểm soát quyền lực, phát triển dân chủ toàn diện và điều chỉnh quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và xã hội. Do đó, phạm vi 2012-2025 vừa bảo đảm tính lịch sử - cụ thể, vừa bảo đảm tính thời sự, giúp luận án có cơ sở phân tích tương đối toàn diện về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay.

Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu trong phạm vi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và có sự liên hệ, so sánh với thực tiễn tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Việc vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng trong luận án thể hiện ở chỗ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc được xem xét như một chỉnh thể vận động, trong đó các yếu tố chính trị, thể chế, pháp luật, tổ chức, xã hội và quản trị có quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Luận án không tiếp cận phương thức lãnh đạo, cầm quyền như một hiện tượng tĩnh tại, đơn tuyến, mà phân tích nó trong các mối quan hệ biện chứng giữa Đảng và Nhà nước; giữa lãnh đạo chính trị và quản lý hành chính; giữa tập trung quyền lực và kiểm soát quyền lực; giữa ổn định chính trị và đổi mới quản trị; giữa yêu cầu củng cố vai trò cầm quyền của Đảng với yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Cách tiếp cận này giúp luận án nhận diện cả mặt thành tựu, hạn chế, mâu thuẫn nội tại và xu hướng vận động trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Việc vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử thể hiện ở chỗ luận án đặt phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong điều kiện lịch sử cụ thể của Trung Quốc giai đoạn 2012-2025. Luận án phân tích sự điều chỉnh phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc gắn với bối cảnh sau Đại hội XVIII, sự thay đổi trong mô hình phát triển, yêu cầu hiện đại hóa quản trị quốc gia, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường xây dựng Đảng và yêu cầu duy trì tính chính danh của Đảng cầm quyền. Trên cơ sở đó, luận án xem xét phương thức lãnh đạo, cầm quyền như một quá trình lịch sử được hình thành, điều chỉnh, kiểm nghiệm và phát triển trong thực tiễn, chứ không phải là những nguyên tắc bất biến, tách rời khỏi điều kiện kinh tế - xã hội và bối cảnh chính trị cụ thể.

Từ hai cơ sở phương pháp luận trên, luận án quán triệt các nguyên tắc nghiên cứu cơ bản: khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể và phát triển. Nguyên tắc khách quan đòi hỏi việc đánh giá phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc phải dựa trên tư liệu, văn kiện, công trình nghiên cứu và thực tiễn vận động của hệ thống chính trị Trung Quốc, tránh cách tiếp cận phiến diện hoặc mô tả một chiều. Nguyên tắc toàn diện yêu cầu phân tích đồng thời cả phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền, cả cơ chế chính trị và cơ chế pháp lý - thể chế, cả kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra. Nguyên tắc lịch sử - cụ thể giúp luận án lý giải các đặc điểm của phương thức lãnh đạo, cầm quyền trong bối cảnh cụ thể của Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2025. Nguyên tắc phát triển giúp nhận diện xu hướng vận động, điều chỉnh và khả năng thích ứng của phương thức lãnh đạo, cầm quyền trước những yêu cầu mới của quản trị quốc gia.

Đặc biệt, khi rút ra một số giá trị gợi mở đối với Việt Nam, luận án không tiếp cận kinh nghiệm Trung Quốc như một mô hình để sao chép, mà xem đó là nguồn tham khảo có điều kiện. Những gợi mở từ trường hợp Trung Quốc chỉ được xem xét trên cơ sở đối chiếu với đặc điểm chính trị, pháp lý, lịch sử, văn hóa và yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cách tiếp cận này bảo đảm tính khoa học, thận trọng và phù hợp với mục tiêu của luận án là nghiên cứu so sánh để rút ra giá trị tham khảo, không đồng nhất kinh nghiệm của Trung Quốc với con đường đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền ở Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, phương pháp nghiên cứu tài liệu, dùng để khảo cứu văn kiện của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam, các công trình khoa học trong và ngoài nước, cùng các tài liệu chính thống có liên quan đến đề tài.

Thứ hai, phương pháp phân tích và tổng hợp, dùng để xử lý, hệ thống hóa và khái quát các vấn đề lý luận và thực tiễn về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Thứ ba, phương pháp lịch sử và logic, dùng để xem xét sự hình thành, phát triển và điều chỉnh phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong sự vận động lịch sử cụ thể, từ đó rút ra logic phát triển của đối tượng nghiên cứu

Thứ tư, phương pháp chuyên gia để lấy ý kiến các chuyên gia về những ưu điểm, hạn chế trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và những gợi ý trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

5. Những đóng góp mới của luận án

Về phương diện lý luận, luận án đã góp phần hệ thống hóa, cụ thể hóa và phát triển khung lý luận về phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của đảng cộng sản cầm quyền trong điều kiện mới.

Về phương diện thực tiễn, luận án chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của mô hình cầm quyền Trung Quốc. Việc nhận diện đồng thời cả thành tựu và hạn chế cho phép đánh giá mô hình cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc một cách khách quan, tránh xu hướng mô tả hoặc ca ngợi đơn tuyến.

Trên cơ sở so sánh phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, luận án đánh giá phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam từ góc độ lý luận và thực tiễn quốc tế, qua đó gợi mở những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hiện đại hóa quản trị quốc gia.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình nghiên cứu đã công bố của tác giả có liên quan đến luận án, và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 4 chương, 14 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU DƯỚI GÓC ĐỘ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẢM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

1.1.1. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Trong công trình “*The leadership of the communist party of China*” [62] (Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc) tác giả Boer, R. đã nghiên cứu và làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc như một đặc trưng chủ yếu của hệ thống dân chủ xã hội chủ nghĩa Trung Quốc. Nội hàm vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc là đặc điểm trung tâm của thể chế chính trị Trung Quốc. Đảng Cộng sản Trung Quốc được mô tả là lực lượng chính trị chủ đạo, đứng trên mọi cơ quan nhà nước và định hướng đường lối chính trị - kinh tế - xã hội. Khái niệm “lãnh đạo” ở đây bao gồm không chỉ nắm quyền trong bộ máy nhà nước, mà còn định hình hệ tư tưởng, chiến lược phát triển và thể chế cạnh tranh chính trị đặc thù. Bài viết đã phân tích và làm rõ căn cứ lý luận lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc là chủ nghĩa Mác gắn với những điều kiện thực tiễn ở Trung Quốc - “Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác”. Việc xem vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc là “hạt nhân then chốt” của hệ thống giúp lý giải cách mà các quyết định quan trọng về chiến lược quốc gia được hình thành. Các cơ quan lãnh đạo cấp cao (Tổng Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị) đóng vai trò định đoạt chiến lược và chính sách dài hạn cho đất nước.

Khẳng định những biến đổi phức tạp trong thời đại ngày nay, để có thể thích ứng được và kiên định con đường chủ nghĩa xã hội, các Đảng Cộng sản cần kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin. Bàn đến vai trò quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bàn về sự kiên định nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác -

Lênin vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản nói chung, trong đó có Đảng Cộng sản Trung Quốc, được bàn đến trong một số công trình tiêu biểu sau: “*The course of the communist party of China of leading Chinese people to conquer difficulties over the past century, and its summation of experience, and implication of the times*” (Quá trình lãnh đạo nhân dân Trung Quốc vượt qua khó khăn trong thế kỷ qua của Đảng Cộng sản Trung Quốc, sự tổng kết kinh nghiệm và hàm ý thời đại) [80]; “*The Historical Process and Basic Experience of Upholding and Strengthening the Communist Party of China Leadership Since Reform and Opening up*” (Quá trình lịch sử và kinh nghiệm cơ bản về việc kiên trì và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc kể từ khi cải cách và mở cửa) [71], “*Why has Marxism, which originated in the West, succeeded in China?*” (Tại sao chủ nghĩa Mác, có nguồn gốc từ phương Tây, lại thành công ở Trung Quốc?) [76]...

Tác giả Zhou, Q. trong công trình “*The course of the communist party of China of leading Chinese people to conquer difficulties over the past century, and its summation of experience, and implication of the times*” (Quá trình lãnh đạo nhân dân Trung Quốc vượt qua khó khăn trong thế kỷ qua của Đảng Cộng sản Trung Quốc, sự tổng kết kinh nghiệm và hàm ý thời đại) [80], đã khẳng định: Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn kiên định lấy chủ nghĩa Mác làm kim chỉ nam tư tưởng, không ngừng giải phóng tư duy, củng cố niềm tin lý luận và hình thành nên những kinh nghiệm quý báu trong việc lãnh đạo nhân dân chinh phục mọi trở ngại, khó khăn, thử thách và cuối cùng giành được những thắng lợi mang tính lịch sử.

Trong công trình “*Communist parties in transition: structures, leaders, and processes of democratization in Eastern Europe*” (Các đảng cộng sản trong quá trình chuyển đổi: cấu trúc, nhà lãnh đạo và quá trình dân chủ hóa ở Đông Âu) [65], Ishiyama, J. T. đã nghiên cứu, phân tích và chỉ ra rằng: không phải tất cả đảng cộng sản đều biến mất sau 1989, mà nhiều đảng tìm

cách tồn tại, thích nghi và cạnh tranh bằng chiến lược mới. Thành công trong chuyển đổi không chỉ phụ thuộc vào môi trường chính trị, mà còn nằm ở cấu trúc tổ chức và cách lãnh đạo nội bộ điều chỉnh quá trình thay đổi trên đường tới dân chủ. Thực tế hiện nay còn nhiều đảng đã cố gắng thích nghi với các điều kiện chính trị mới. Bài viết này lập luận rằng: cách thức các Đảng Cộng sản tự chuyển đổi thành các đảng chính trị có thể "tuân thủ luật chơi" thích ứng với bối cảnh thế giới với nhiều biến động là: các Đảng Cộng sản đã không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền thích ứng với bối cảnh điều kiện mới.

Các tác giả Tsang, S., & Cheung, O. với công trình "*Has Xi Jinping made China's political system more resilient and enduring?*" (Liệu Tập Cận Bình có làm cho hệ thống chính trị Trung Quốc trở nên kiên cường và bền vững hơn hay không?) [74], kết quả nghiên cứu khảo sát các bài phát biểu và tác phẩm của Tập Cận Bình kể từ khi ông lên nắm quyền vào năm 2012, công trình đã chỉ ra rằng: tầm nhìn chính trị của Tập Cận Bình được xây dựng trên cơ sở vận dụng mô hình chủ nghĩa Mác trong khuôn khổ chính trị đặc trưng của Trung Quốc thời hậu Đặng Tiểu Bình - bằng việc kết hợp yếu tố "cá nhân lãnh tụ mạnh" hạt nhân lãnh đạo. Mục tiêu của sự điều chỉnh nhằm đổi mới Đảng Cộng sản Trung Quốc, cụ thể hóa một Đảng Cộng sản theo chủ nghĩa Mác nhằm thực thi sự lãnh đạo toàn diện, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế, Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác, bồi dưỡng chủ nghĩa dân tộc lấy Đảng làm trung tâm, tăng cường tính chính danh của chế độ, và khẳng định vai trò lãnh đạo toàn cầu của Trung Quốc trên trường quốc tế. Kết quả nghiên cứu này đã khẳng định cơ sở nền tảng lý luận của những kết quả đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Yu, B. với công trình "*Why has Marxism, which originated in the West, succeeded in China?*" [76] đã lý giải Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác như một quá trình trong đó những người cộng sản Trung Quốc vừa kế thừa vừa phát

triển lý luận Mác-xít trên cơ sở điều kiện lịch sử, xã hội và văn hóa cụ thể của Trung Quốc. Theo tác giả, giá trị của chủ nghĩa Mác không nằm ở việc áp dụng nguyên trạng những kết luận được hình thành từ kinh nghiệm Tây Âu, mà ở việc vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của nó để giải quyết những vấn đề cụ thể của từng quốc gia và từng thời kỳ. Từ góc độ đó, Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác thể hiện mối quan hệ giữa tính kế thừa và tính sáng tạo: nền tảng Mác - Lênin được duy trì, nhưng các nội dung và phương thức vận dụng được phát triển phù hợp với thực tiễn Trung Quốc. Chuỗi phát triển từ Tư tưởng Mao Trạch Đông đến các lý luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc được Yu, B. xem là những bước tiếp tục bổ sung và phát triển nền tảng lý luận đó trong những điều kiện lịch sử mới. Đối với nghiên cứu phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đóng góp của Yu, B. nằm ở việc làm rõ một logic lý luận quan trọng: kiên trì nền tảng tư tưởng nhưng không đồng nhất sự kiên trì với việc sao chép mô hình; lý luận phải được cụ thể hóa thông qua thực tiễn, đồng thời thực tiễn trở thành nguồn của sự điều chỉnh và phát triển lý luận. Theo đó, Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác có thể được xem là một cơ sở lý luận giải thích tính kế thừa, tính thích ứng và tính đổi mới trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc qua các thời kỳ.

Tập trung nghiên cứu về cơ sở lý luận phương thức lãnh đạo cầm quyền của Đảng của Trung Quốc được bàn đến ở một số công trình tiêu biểu sau: “加强党的执政能力建设若干问题学习问答” (Hỏi đáp một số vấn đề về tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng) [112] “中国共产党与中国社会主义” (Đảng Cộng sản Trung Quốc và chủ nghĩa xã hội Trung Quốc) [103]; “现代化进程中党的领导制度与执政方式新论” (Bàn luận mới về phương thức cầm quyền và chế độ lãnh đạo của Đảng trong tiến trình hiện đại hóa) [88]; “论政党建设与执政能力” (Bàn về xây dựng đảng và năng lực

cầm quyền) [90]; “中国共产党执政理念研究” (Nghiên cứu về quan điểm cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [110]; “中国共产党的执政能力与领导哲学” (Năng lực cầm quyền và triết lý lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [98]... Những công trình trên về cơ bản giải quyết những câu hỏi lớn về cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Nghiên cứu cơ sở lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, khái niệm, đặc điểm, mô hình phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc được bàn đến ở một số công trình tiêu biểu như: Nghiên cứu phân tích và làm rõ cơ sở lý luận, quá trình nhận thức và đổi mới tư duy về lý luận đảng lãnh đạo, cầm quyền, khái niệm, đặc điểm phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc được bàn đến ở một số công trình tiêu biểu như: “中国共产党执政理念探讨” [99] (Thảo luận về quan điểm cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc); “关于中国共产党执政理念的深度解析” [100] (*Phân tích sâu sắc triết lý lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc*), “中国共产党的执政能力与领导哲学” (Năng lực cầm quyền và triết lý lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [98]... các công trình đã góp phần hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề cơ bản liên quan đến lý luận về đảng cầm quyền trong điều kiện hiện đại. Các nghiên cứu đã xác định rõ nội hàm của các khái niệm trung tâm: quan niệm cầm quyền, năng lực cầm quyền, phương thức lãnh đạo và triết lý lãnh đạo, qua đó phân biệt tương đối rõ giữa phương diện tư tưởng, năng lực thực thi và phương thức tổ chức quyền lực. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng khung phân tích về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của đảng.

Cuốn sách “中国化马克思主义执政理论创新与发展的现实逻辑” (Logic hiện thực của sự đổi mới và phát triển lý luận cầm quyền của chủ

nghĩa Mác được Trung Quốc hóa) [95]; “中国共产党传统执政方式的历史沿革与经验教训” (Lịch sử phát triển của phương thức cầm quyền truyền thống của Đảng Cộng sản Trung Quốc và những bài học kinh nghiệm) [85]; “中国共产党执政道路相关概念分析” (Phân tích các khái niệm liên quan đến đường lối cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [106]; “论中国共产党执政方式的特点” (Bàn về đặc điểm phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [106]; “试论中国共产党执政模式的基本特点” (Bàn về đặc điểm cơ bản của mô hình cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [111] ... Các công trình góp phần hệ thống hóa và phân tích rõ các khái niệm liên quan đến đường lối cầm quyền, phương thức cầm quyền, mô hình cầm quyền và năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Các nghiên cứu này có ý nghĩa trong việc đặt nền tảng cho việc xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu về đảng cầm quyền trong điều kiện một đảng duy nhất lãnh đạo.

Nghiên cứu làm rõ những cơ sở lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền, phương thức cầm quyền theo pháp luật của Đảng Cộng sản Trung Quốc được bàn đến ở một số công trình tiêu biểu như: “转型时期中国共产党执政党合法性基础探析” (Phân tích cơ sở tính hợp pháp của Đảng cầm quyền Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời kỳ chuyển đổi) [89]; “中国共产党依宪执政理论研究” (Nghiên cứu lý thuyết về sự cầm quyền theo Hiến pháp của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [82]; “共产党依法执政是依法治国的关键” (Việc Đảng Cộng sản cầm quyền theo pháp luật là yếu tố then chốt trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền và quản trị quốc gia bằng pháp luật) [109]; “中国共产党依宪执政的基本要求与着力点论析” (Phân tích yêu cầu cơ bản, trọng tâm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc quản lý nhà nước theo hiến pháp) [107]; “中国共产党依宪执政论析” (Luận giải về

cầm quyền theo hiến pháp của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [87]; “论习近平的依宪执政思想” (Luận bàn về tư tưởng cầm quyền theo hiến pháp của Tập Cận Bình) [83] ...các công trình đã nghiên cứu, phân tích cho thấy Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn coi trọng việc xây dựng Nhà nước pháp trị, coi đây là điều kiện cơ bản để bảo vệ dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Trong quá trình tìm tòi, thử nghiệm xây dựng Nhà nước pháp trị, Đảng Cộng sản Trung Quốc đặc biệt quan tâm tới mối quan hệ thống nhất hữu cơ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước pháp trị hướng tới cấu trúc hệ thống pháp luật đồng bộ, hiện đại của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, tăng cường tiến trình cải cách ở Trung Quốc hướng tới mục tiêu thực phục hưng vĩ đại của dân tộc. Tại Đại hội XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định, Nhà nước pháp quyền là chiến lược cơ bản để Đảng lãnh đạo nhân dân điều hành đất nước.

Trong các nghiên cứu “民主执政：中国共产党执政方式的新取向” (Cầm quyền dân chủ: Định hướng mới trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [102]; “我国“依宪执政”与“西方宪政民主”的本质区别” (Sự khác biệt cơ bản giữa “cầm quyền theo hiến pháp” và “dân chủ lập hiến của phương Tây” ở Trung Quốc) [84] ...các tác giả đã phân tích và làm rõ Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước pháp quyền quản trị đất nước, xã hội bằng pháp luật là nguyên tắc cơ bản của hệ thống chính trị - xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, là đặc trưng làm nên sự khác biệt giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc với dân chủ tư bản chủ nghĩa.

Trong công trình “中国共产党道路探索的回看、比较与远眺” (Tổng kết, so sánh và định hướng tương lai trong quá trình tìm kiếm con đường phát triển của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [91], tác giả đã trình bày kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc lãnh đạo và thúc đẩy

"dân chủ nhân dân toàn quá trình" như một phương thức lãnh đạo dựa trên nền tảng dân chủ.

Trong công trình “当代中国的国家治理观” (Quan điểm về quản trị đất nước của Trung Quốc đương đại) [108] bàn về sự đổi mới, điều chỉnh phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua việc thực hiện hiện đại hóa hệ thống quản trị quốc gia và phương thức điều hành đất nước trong bối cảnh mới.

Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc cho thấy: Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thiết lập một mô hình cầm quyền đặc thù, vừa giữ vững quyền lực tuyệt đối, vừa không ngừng hiện đại hóa tư duy. Lý luận về đảng lãnh đạo, cầm quyền của Đảng không chỉ là sự kế thừa tư tưởng Mác-Lênin mà còn là sự tiếp cận lý thuyết quản trị hiện đại nhằm hoàn thiện phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc đáp ứng với yêu cầu mới trong thời đại ngày nay.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam

Ở Việt Nam, nghiên cứu làm rõ các khái niệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo, cầm quyền được bàn đến trong một số công trình tiêu biểu sau: “*Tư tưởng của V.I.Lênin về nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản*” [58], “*Khái niệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và mục đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng*” [48], “*Chủ trương của Đảng về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền*” [59]...các công trình đã nghiên cứu, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề Đảng cầm quyền trong điều kiện giai cấp công nhân giành và giữ chính quyền, đã phân tích làm rõ tư tưởng của V.I. Lênin đối với nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản. Các nghiên cứu khẳng định, theo V.I. Lênin, nội dung cầm quyền của Đảng Cộng sản không chỉ giới hạn ở

việc nắm giữ quyền lực nhà nước, mà quan trọng hơn là lãnh đạo toàn diện đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân lao động. Phương thức cầm quyền của Đảng phải được thực hiện thông qua Nhà nước, thông qua pháp luật, đồng thời gắn chặt với việc phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và mối liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân. Một điểm nhấn quan trọng trong các công trình này là yêu cầu Đảng cầm quyền phải thường xuyên tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, coi đây là điều kiện quyết định sự tồn tại và vai trò cầm quyền của Đảng. Đồng thời, các công trình khẳng định, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền là yêu cầu khách quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo. Nội dung đổi mới được xác định trên nhiều phương diện như: lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, chủ trương; tăng cường thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật; đổi mới công tác cán bộ; phát huy vai trò giám sát của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Bài viết, *“Khái niệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và mục đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng”* [48], nghiên cứu về khái niệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và mục đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đã góp phần làm rõ sự khác biệt và mối quan hệ biện chứng giữa hai phạm trù này. Các tác giả thống nhất cho rằng, Đảng lãnh đạo là phạm trù mang tính phổ quát, phản ánh vai trò định hướng chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng đối với xã hội; trong khi đó, Đảng cầm quyền là hình thức phát triển cao của Đảng lãnh đạo, chỉ xuất hiện khi Đảng nắm giữ chính quyền nhà nước. Mục đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng không phải là duy trì quyền lực tự thân, mà là phục vụ lợi ích của giai cấp, của nhân dân và của dân tộc, thực hiện các mục tiêu chiến lược đã được xác định trong cương lĩnh, đường lối của Đảng. Các công trình cũng chỉ ra rằng, việc nhận thức đúng đắn các khái niệm này có ý nghĩa quan

trọng trong việc tránh đồng nhất vai trò của Đảng với chức năng quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay Nhà nước. Bài viết có giá trị lý luận sâu sắc khi góp phần làm sáng tỏ những vấn đề nền tảng trong nhận thức về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị. Trước hết, bài viết đã phân tích và làm rõ sự khác biệt mang tính bản chất giữa Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền, mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền. Bài viết làm rõ khái niệm Đảng lãnh đạo biểu hiện ở khả năng định hướng, thuyết phục và dẫn dắt xã hội. Đảng cầm quyền là phạm trù gắn với quyền lực nhà nước, thể hiện ở việc tổ chức thực thi đường lối, chính sách thông qua các thiết chế pháp lý và bộ máy nhà nước. Sự phân định này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn giúp định hình rõ hơn nội hàm và phương thức thực hiện vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong thực tiễn.

Bài viết khẳng định tính tất yếu và tính liên tục của vai trò lãnh đạo của Đảng, nhấn mạnh rằng dù trong bất kỳ điều kiện lịch sử nào - khi chưa nắm chính quyền hay khi đã trở thành đảng cầm quyền - chức năng lãnh đạo vẫn là bản chất xuyên suốt, quyết định sự tồn tại và phát triển của Đảng. Khi Đảng cầm quyền, vai trò lãnh đạo không bị thay thế mà được thể chế hóa và thực thi thông qua quyền lực nhà nước, qua đó bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả của sự lãnh đạo trong đời sống xã hội.

Các công trình nghiên cứu về Đảng cầm quyền, thể chế đảng cầm quyền và cầm quyền khoa học đã tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ lý luận và thực tiễn khác nhau, góp phần làm sáng tỏ bản chất, nội hàm, điều kiện và phương thức thực hiện quyền cầm quyền của Đảng trong bối cảnh hiện đại, được đề cập đến ở một số công trình tiêu biểu sau: “*Thể chế đảng cầm quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” [45]; “*Nhận thức các khái niệm Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo ở nước ta hiện nay*” [26]; “*Một số nhận thức về Đảng Cộng sản cầm quyền*” [61], “*Cuộc đấu tranh cho sự kiên trì và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của những người cộng sản Trung Quốc*” [38]; “*Cầm quyền khoa*

học” [30]....Các tác giả Đặng Đình Tân và Đặng Minh Tuấn trong cuốn sách *“Thế chế đảng cầm quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* [45] đã đi sâu phân tích và chứng minh những vấn đề cơ bản về thế chế của đảng cầm quyền trong xã hội. Tác giả Dương Trung Ý, trong bài viết *“Một số nhận thức về Đảng Cộng sản cầm quyền”* [61] nghiên cứu và chỉ ra sự phát triển nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về Đảng cầm quyền; Mục đích và trách nhiệm của đảng cầm quyền; nội dung và phương thức cầm quyền.

Tác giả Lý Lương Đồng với công trình *“Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc”* [25] đã phân tích quá trình phát triển và thay đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong các giai đoạn cách mạng (từ năm 1924 đến nay). Tác giả có những phân tích sâu sắc về sự tích cực tìm tòi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền từ cải cách mở cửa đến nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đây là một ấn bản công phu, kỹ lưỡng và có giá trị khoa học, là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng để tác giả tiếp cận lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản. Bằng những phương pháp nghiên cứu lý thuyết, luận án có nhiệm vụ phân tích, kế thừa những luận điểm khoa học trong các công trình trên để bổ sung, phát triển lý luận phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, mối quan hệ của phương thức lãnh đạo, cầm quyền và những bài học lịch sử về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của các Đảng Cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Trong bài viết *“Cuộc đấu tranh cho sự kiên trì và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của những người cộng sản Trung Quốc”* [38] của tác Trình Ân Phú Viện Khoa học xã hội Trung Quốc. Trong công trình đã nghiên cứu làm rõ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc là: chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông hệ thống lý luận của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc và chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới của

Tập Cận Bình, các nhà lãnh đạo chính trị và giới học giả luôn kiên trì và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin tiến cùng thời đại. Bài viết làm rõ yêu cầu nghiên cứu nghiêm túc chủ nghĩa Mác - Lênin, phê phán những quan điểm sai trái; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là công cụ nhận thức khoa học; nêu rõ nhiệm vụ của những người mácxít Trung Quốc chân chính trong việc kiên trì và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong thế kỷ XXI trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

Tác giả Hoàng Văn Hồ trong cuốn sách “*Cầm quyền khoa học*” [30], với 3 phần nội dung quan trọng làm rõ nội dung cầm quyền khoa học của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Phần thứ nhất: tập trung làm rõ nội hàm cầm quyền khoa học, quy luật cầm quyền khoa học, tư tưởng cầm quyền khoa học, phương pháp cầm quyền khoa học. Phần thứ hai: đi sâu phân tích làm thế nào để nắm vững và vận dụng tốt cầm quyền khoa học, làm thế nào để giảm chi phí cầm quyền, nâng cao hiệu quả cầm quyền. Phần thứ ba: nêu vấn đề xây dựng năng lực cầm quyền của đảng cầm quyền và xây dựng đảng cầm quyền.

Nghiên cứu “*Quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc về Trung Quốc hóa, thời đại hóa Chủ nghĩa Mác*” [46] của tác giả Đinh Văn Thụy khi phân tích sự phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tập trung làm rõ nội hàm và những thành quả lý luận, thực tiễn của quá trình Trung Quốc hóa, thời đại hóa chủ nghĩa Mác; trong khi Trịnh Thị Hằng với công trình “*Tiến trình Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác trước và sau cải cách, mở cửa*” [29] tiếp cận theo tiến trình lịch sử và chỉ ra rằng quá trình Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác trải qua những giai đoạn khác nhau, không phải lúc nào cũng vận động theo một đường thẳng. Các công trình này tương đồng với các nghiên cứu quốc tế ở việc coi sự kết hợp giữa lý luận và hoàn cảnh cụ thể của Trung Quốc là yếu tố xuyên suốt, nhưng nhấn mạnh nhiều hơn đến tiến trình lịch sử của sự phát triển lý luận.

Như vậy, xét từ phương diện cơ sở lý luận của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được hình thành trên nền tảng kế thừa chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời không ngừng Trung Quốc hóa và thời đại hóa chủ nghĩa Mác. Trung Quốc hóa và thời đại hóa chủ nghĩa Mác là một mắt xích quan trọng để giải thích sự điều chỉnh phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc qua các thời kỳ. Vì thế, xét từ phương diện phương thức lãnh đạo, cầm quyền, ý nghĩa của Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác không chỉ nằm ở việc hình thành lý luận mới, quan trọng hơn, quá trình này tạo ra một logic vận động giữa lý luận và thực tiễn. Trung Quốc hóa và thời đại hóa chủ nghĩa Mác trở thành khâu trung gian nối nền tảng tư tưởng với thực tiễn lãnh đạo, cầm quyền. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin thể hiện nền tảng tư tưởng và tính liên tục của hệ thống lý luận, thì Trung Quốc hóa và thời đại hóa chủ nghĩa Mác thể hiện cơ chế chuyển hóa nền tảng tư tưởng ấy thành những nhận thức lý luận, chủ trương và phương thức giải quyết các vấn đề cụ thể của Trung Quốc trong từng thời kỳ. Trong “*Điều lệ Đảng Cộng sản Trung Quốc*” - (Được sửa đổi một phần tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2022) [77] đã trực tiếp xác định việc thích ứng chủ nghĩa Mác với bối cảnh Trung Quốc và yêu cầu của thời đại là một quá trình tìm kiếm, nhận thức và vận dụng chân lý; đồng thời gắn quá trình đó với việc kết hợp những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với thực tiễn cụ thể của Trung Quốc và văn hóa truyền thống ưu tú Trung Hoa. Trong “*Toàn văn báo cáo trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc*”, Đảng Cộng sản Trung Quốc khẳng định “kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin” cùng với Tư tưởng Mao Trạch Đông, Lý luận Đặng Tiểu Bình, tư tưởng “Ba đại diện”, quan điểm phát triển khoa học và Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới [77].

Nhìn chung, các công trình nêu trên đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo, phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền, phương thức lãnh đạo, cầm quyền từ nhận thức khái niệm, cấu trúc thể chế đến phương thức và năng lực cầm quyền trong bối cảnh mới của Đảng Cộng sản. Các công trình nêu trên đã xây dựng được nền tảng lý luận quan trọng cho việc nghiên cứu vấn đề Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện mới. Tuy nhiên, một số nghiên cứu vẫn chủ yếu dừng lại ở bình diện lý luận chung, chưa đi sâu phân tích các mô hình, cơ chế cụ thể hoặc đánh giá thực tiễn đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền trong từng lĩnh vực, từng cấp độ của hệ thống chính trị. Đây chính là khoảng trống khoa học cần tiếp tục được nghiên cứu và bổ sung trong các công trình tiếp theo.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ THỰC TRẠNG PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC HIỆN NAY

1.2.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Tác giả Guo, D. trong bài viết “*Xi’s leadership and party-centred governance in China*” (Sự lãnh đạo của Tập Cận Bình và mô hình quản trị lấy Đảng làm trung tâm ở Trung Quốc) [64], đã khẳng định vai trò của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong hệ thống quản trị quốc gia, làm rõ đặc trưng mô hình quản trị lấy Đảng làm trung tâm và dựa trên pháp quyền của Trung Quốc và phong cách lãnh đạo của Tập Cận Bình dưới góc nhìn so sánh. Đồng thời, phân tích các giai đoạn lãnh đạo khác nhau của Đảng Cộng sản Trung Quốc trên cơ sở mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, giữa “nhân trị” (rule of man) và “pháp trị” (rule of law). Từ đó, bài viết làm rõ những đổi mới trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình, đặc biệt là quá trình xây dựng nhà nước dựa trên pháp quyền và xây dựng Đảng dựa trên kỷ luật nghiêm minh.

Trong luận án “*The Chinese Communist Party's capacity to rule: legitimacy, ideology, and party cohesion*” (Năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc: tính chính danh, hệ tư tưởng và sự gắn kết của đảng) [78], tác giả Zeng, J. đã tập trung nghiên cứu năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong bối cảnh Trung Quốc đương đại, trong đó tập trung làm rõ sự thích ứng về tư tưởng và quá trình thể chế hóa việc chuyển giao quyền lực đóng vai trò then chốt trong việc duy trì tính chính danh của Đảng và sự đoàn kết nội bộ, từ đó khẳng định bản chất của Đảng Cộng sản Trung Quốc - một chính đảng cộng sản vốn tự cho mình là công cụ hiện thực hóa xã hội cộng sản. Luận án cho thấy Đảng Cộng sản Trung Quốc không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền nâng cao hiệu quả trong lãnh đạo công cuộc hiện đại hóa ở Trung Quốc nhằm khẳng định tính chính danh và năng lực của một đảng cầm quyền.

Các tác giả Shi, G., & Chen, S. trong công trình “*The Historical Process and Basic Experience of Upholding and Strengthening the Communist Party of China Leadership Since Reform and Opening up*” (Quá trình lịch sử và kinh nghiệm cơ bản về việc kiên trì và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc kể từ khi cải cách và mở cửa) [71], bài viết đã phân tích những căn cứ điều kiện lịch sử của từng giai đoạn phát triển của Đảng Cộng sản Trung Quốc, những nhiệm vụ lịch sử mà Đảng gánh vác, cũng như quá trình tìm tòi và thực tiễn trong việc kiên trì và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua tiến trình đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc kể từ khi tiến hành công cuộc cải cách và mở cửa cho đến nay.

Những nghiên cứu về tư tưởng, vai trò của Tập Cận Bình đối với đường lối lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với sự phát triển của Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay, tiêu biểu như: “Has Xi Jinping made China's political system more resilient and enduring?” (Liệu Tập

Cận Bình có làm cho hệ thống chính trị Trung Quốc trở nên kiên cường và bền vững hơn hay không?) [74]; “China’s Governance in the “New Era” of Xi Jinping” (Quản trị Trung Quốc trong “Kỷ nguyên mới” của Tập Cận Bình) [69]; “Xi’s leadership and party-centred governance in China” (Sự lãnh đạo của Tập Cận Bình và mô hình quản trị lấy Đảng làm trung tâm ở Trung Quốc) [64] ...

Các tác giả Perry, E. J. trong bài viết “*China’s Governance in the “New Era” of Xi Jinping*” (Quản trị Trung Quốc trong “Kỷ nguyên mới” của Tập Cận Bình) [69], khẳng định những biến chuyển sâu sắc trong chính sách và thực tiễn của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong suốt 75 năm lịch sử đầy biến động của quốc gia này đã nhấn mạnh tầm quan trọng mang tính quyết định của vai trò lãnh đạo chính trị. Sự phát triển mạnh mẽ của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là thành tựu của những chuyển biến quan trọng trong việc đổi mới quản trị Đảng, quản trị quốc gia hiện đại của các thể hệ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặc biệt gắn vai trò của Tập Cận Bình.

Tác giả Guo, D. trong bài viết “*Xi’s leadership and party-centred governance in China*” (Sự lãnh đạo của Tập Cận Bình và mô hình quản trị lấy Đảng làm trung tâm ở Trung Quốc) [64], đã làm rõ: Kể từ khi Tập Cận Bình đảm nhiệm cương vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc vào năm 2012, Trung Quốc đã chứng kiến những biến đổi sâu sắc về chính trị. Mặc dù nhiều biện pháp chính trị do ông khởi xướng nhận được sự ủng hộ rộng rãi của công chúng và được truyền thông ca ngợi là những thành công lớn trong công cuộc đổi mới và phát triển toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Song cũng không ít học giả theo khuynh hướng trái chiều cho rằng phong cách lãnh đạo của Tập Cận Bình thể hiện xu hướng quay trở lại mô hình thời Mao Trạch Đông. Trái ngược hoàn toàn với những quan điểm phê phán này, một bộ phận học giả khác nhận định rằng sự lãnh đạo của Tập Cận Bình đã thúc đẩy hình thành một chính phủ trong sạch và hiệu quả hơn, đồng thời thể hiện sự phục hưng của truyền thống cộng sản, đặc biệt là các nguyên tắc

“tuyên quần chúng” và “dân chủ nhân dân”. Trong bài viết này, bài viết tập trung khảo sát vai trò của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong hệ thống quản trị quốc gia, đặc biệt dưới thời lãnh đạo của Tập Cận Bình và làm rõ mô hình quản trị của Trung Quốc hiện nay có đặc trưng như thế nào, và phong cách lãnh đạo của Tập Cận Bình - một mô hình quản trị lấy Đảng làm trung tâm và dựa trên pháp trị.

Nghiên cứu làm rõ những đổi mới trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc dựa trên pháp luật được đề cập đến trong một số công trình tiêu biểu sau: *“The communist party leadership and rule of law: a tale of two reforms”* [79]; *“Upholding the Leadership of The Communist Party of China Over Comprehensive Law-Based Governance of China”* [68] ...

Tác giả Zhang, Q. trong bài viết *“The communist party leadership and rule of law: a tale of two reforms”* [79] (Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và pháp quyền: Câu chuyện về hai cuộc cải cách). Năm 1987, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Triệu Tử Dương đã đề xuất chủ trương tách biệt giữa Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, giống như các nỗ lực cải cách trước đó, sáng kiến này đã bị ngăn trở và dần rơi vào quên lãng sau sự kiện trấn áp năm 1989. Bài viết này so sánh bản thiết kế cải cách nói trên với một chương trình cải cách mang định hướng trái ngược: xu hướng tập trung hóa quyền lực chính trị và tư pháp dưới thời Tập Cận Bình. Kể từ năm 2013, tiến trình cải cách này đã song hành cùng các chiến dịch chống tham nhũng quy mô lớn và việc siết chặt có hệ thống các quyền dân sự và chính trị. Bài viết đặt vấn đề với tính hợp lý của khái niệm “pháp quyền trong chế độ chuyên chế” khi được vận dụng vào bối cảnh cải cách đương đại của Trung Quốc, đồng thời lập luận rằng nếu thiếu đi sự ủng hộ đáng tin cậy từ cơ sở xã hội, các cải cách giám sát theo mô hình “từ trên xuống” sẽ không thể đạt được các mục tiêu đã đề ra, và cải cách tư

pháp cũng sẽ không thể có bước tiến thực chất. Bài viết kết luận rằng việc khôi phục nguyên tắc tách biệt giữa Đảng và bộ máy hành chính là con đường duy nhất để cải cách pháp lý ở Trung Quốc có thể đạt được tiến triển thực sự trong khuôn khổ thể chế hiện hành.

Nghiên cứu làm rõ thực trạng, kinh nghiệm trong đổi mới lãnh đạo, cầm quyền, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời đại mới cải cách, mở cửa với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc của Trung Quốc như: “现代化进程中党的领导制度与执政方式新论” (Bàn luận mới về phương thức cầm quyền và chế độ lãnh đạo của Đảng trong tiến trình hiện đại hóa) [88]; “科学执政民主执政依法执政:中国共产党执政方式问题研究” (Cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ và cầm quyền theo pháp luật: Nghiên cứu về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [104]; “论政党建设与执政能力” (Bàn về xây dựng đảng và năng lực cầm quyền) [90]; “中国政治文明视野下的党的执政能力建设” [94] (*Xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng trong tầm nhìn văn minh chính trị Trung Quốc*); “中国共产党领导方式和执政方式现代化研究” (Nghiên cứu hiện đại về phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [101]; “中国化马克思主义执政理论创新与发展的现实逻辑” (Logic hiện thực của sự đổi mới và phát triển lý luận cầm quyền của chủ nghĩa Mác được Trung Quốc hóa) [95]; “党政领导干部选拔任用工作” [81] (Công tác lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo chính đảng)... Các tác giả đã nghiên cứu, phân tích thực trạng phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ đó nhấn mạnh làm rõ một số bài học kinh nghiệm trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc là: Xây dựng CNXH phải kiên trì dựa vào nhân dân, vì nhân dân, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Trung Quốc có vai trò quyết định thành công trong xây dựng CNXH, chỉ có Đảng Cộng sản mới có thể lãnh đạo

nhân dân Trung Quốc giành được thắng lợi độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội, mới có thể mở ra con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, thực hiện chấn hưng dân tộc, làm giàu đất nước và nhân dân hạnh phúc”.

Nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa quyền lãnh đạo và quyền chấp chính của Đảng, làm rõ nội hàm chính trị và yêu cầu của quyền chấp chính trong thời đại mới, được bàn đến trong công trình “党的领导逻辑中的执政权：政治内涵与时代要求 (Quyền cầm quyền trong logic lãnh đạo của Đảng: nội hàm chính trị và yêu cầu của thời đại) [104], nghiên cứu khẳng định sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng là cốt lõi của quan điểm quản trị quốc gia đương đại của Trung Quốc. Theo quan điểm logic lãnh đạo của Đảng, để thực hiện quyền lực cầm quyền của Đảng trong thời đại mới, cần phải thống nhất hữu cơ sự lãnh đạo và quyền lực cầm quyền của Đảng, cần có sự thống nhất hữu cơ giữa vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản về chính trị và giám sát của Đảng đối với các cơ quan nhà nước, đội ngũ cán bộ đảng viên; lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phải phù hợp với thực tiễn đổi mới đất nước và lãnh đạo, dân chủ và thượng tôn pháp luật là chìa khoá quan trọng để giành được lòng tin của nhân dân.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam

Tác giả Nguyễn Xuân Cường với bài viết “*Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*” [15], đã khái quát hóa quá trình Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo đất nước qua 3 thời kỳ. Bước sang thế kỷ XXI, trước những biến đổi của tình hình thế giới, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức xác nhận tư tưởng ba đại diện, tư tưởng ba đại diện ra đời là vũ khí lý luận tăng cường công tác xây dựng Đảng và đặt ra yêu cầu đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của

Đảng Cộng sản Trung Quốc bao gồm tinh thần tiên tiến, bản chất đảng là “lập đảng vị công, cầm quyền vị dân”.

Tác giả Nguyễn Huy Quý với bài viết *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, gọi mở đối với Việt Nam”* [42], ở công trình này, các tác giả đã phân tích phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong tiến trình lịch sử. Đây là những nguồn tài liệu quan trọng để luận án luận giải phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Nghiên cứu mô hình đảng cầm quyền ở Trung Quốc có những công trình: *“Về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc”* [2]; *“Công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng từ sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc”* [16]; *“Đảng Cộng sản Trung Quốc với vấn đề cải cách, hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng”* [44]; *“Mô hình đảng chính trị của Trung Quốc và những giá trị tham khảo để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”* [1]; *“Một số cải cách chính trị của Trung Quốc”* [36]; *“Một số vấn đề cải cách mở cửa của Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam”* [60], *“Trung Quốc với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”* [43]... Các công trình trên nghiên cứu, phân tích và làm rõ các vấn đề cơ bản về cải cách, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền và nâng cao năng lực cầm quyền, từ việc nhận thức lại phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, quá trình cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng. Đồng thời, các tác giả đã chỉ ra kinh nghiệm cơ bản để nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc: không ngừng nâng cao năng lực điều hành kinh tế thị trường XHCN; không ngừng nâng cao năng lực phát triển nền chính trị dân chủ XHCN; không ngừng nâng cao năng lực xây dựng nền văn hóa tiên tiến XHCN; không ngừng nâng cao năng lực điều hòa xã hội; không ngừng nâng cao năng lực ứng phó với tình hình quốc tế và xử lý các công việc quốc tế.

Trong bài viết “*Sự thống nhất hữu cơ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ đất nước và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc hiện nay*” [3], đã chỉ ra mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước pháp quyền quản trị đất nước, xã hội bằng pháp luật là ba mặt chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong mối quan hệ hữu cơ này, Đảng lãnh đạo là đặc điểm cốt lõi của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, là bảo đảm cơ bản để nhân dân làm chủ đất nước và Nhà nước pháp quyền, không có Đảng Cộng sản lãnh đạo thì việc làm chủ đất nước của nhân dân, cũng như việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không thể thực hiện được. Nhân dân làm chủ đất nước là bản chất và cốt lõi của nền chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa. Quyền làm chủ đất nước của nhân dân là điểm xuất phát và cũng là điểm kết thúc của công cuộc xây dựng nền chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Nhà nước pháp quyền quản lý đất nước bằng pháp luật là con đường, phương tiện để thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Quản lý nhà nước theo pháp luật là dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng nhân dân quản lý công việc nhà nước thông qua nhiều kênh, hình thức phù hợp với quy định của Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm mọi công việc của Nhà nước được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật.

Tập trung nghiên cứu về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc bằng công tác xây dựng, phát triển đội ngũ đảng viên, kiểm tra, giám sát trong đảng được bàn đến trong một số công trình tiêu biểu sau: “*Công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng từ sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc*” [16] của tác giả Nguyễn Xuân Cường, Trần Thu Minh; “*Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ Đại hội XVIII đến nay*” [17] của các tác giả Nguyễn Xuân Cường và Đặng Thị Thúy Hà; “*Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trung Quốc*” [39] của tác giả Nguyễn Thị Phương; “*Công tác phát triển đảng viên hiện nay*

của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số mở cho Việt Nam” [50] của tác giả Trần Ánh Tuyết...

Trong bài viết *“Công tác phát triển đảng viên hiện nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số gợi mở cho Việt Nam*” [50], tác giả Trần Ánh Tuyết nghiên cứu và chỉ ra rằng: công tác phát triển đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nay đã có những nét mới và đạt được kết quả ban đầu. Bên cạnh việc làm rõ những chủ trương, đường lối và biện pháp của Đảng Cộng sản Trung Quốc, bài viết phân tích thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong công tác phát triển đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay.

Nghiên cứu về vấn đề quản trị đảng nghiêm minh được bàn đến trong một số công trình tiêu biểu sau: *“Quản lý Đảng nghiêm minh, toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ Đại hội XVIII đến nay*” [27]; *“Quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện: Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau đại hội XVIII*” [21]...

Tác giả Phạm Văn Đức, Trần Ánh Tuyết trong bài viết *“Quản lý Đảng nghiêm minh, toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ Đại hội XVIII đến nay*” [27], nghiên cứu đã chỉ ra rằng: Từ Đại hội XVIII đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quán triệt thực hiện yêu cầu cũng như mục tiêu quản lý Đảng nghiêm minh, toàn diện; điều này đã trở thành điểm nổi bật, thúc đẩy công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, được tiến hành theo hướng tích cực hơn và giành được những thành tựu nhất định. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiếp tục có những đổi mới trên phương diện phát triển lý luận và thực tiễn xây dựng Đảng, đúc rút được nhiều kinh nghiệm, góp phần làm rõ vấn đề cơ bản là “xây dựng một đảng như thế nào và làm thế nào để xây dựng Đảng?” nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới. Trong phạm vi bài viết, tác giả đã nghiên cứu, làm rõ, phát triển lý luận xây dựng Đảng, đổi mới thực tiễn xây dựng Đảng về chính trị, công tác xây dựng tư tưởng và tác phong, tổ chức

xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng kỷ luật, cải cách thể chế, giám sát, phòng, chống tham nhũng. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã coi quản lý Đảng nghiêm minh, toàn diện là nguyên tắc cơ bản, then chốt của công tác xây dựng Đảng; từ đó, có sự bao quát rộng hơn trên các phương diện xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tác phong, xây dựng tổ chức, kỷ luật, đưa xây dựng chế độ thành nội dung xuyên suốt các phương diện, thúc đẩy phòng chống tham nhũng, như: Đặt xây dựng Đảng về chính trị lên vị trí thống lĩnh hàng đầu, xây dựng kỷ luật được đặt ở vị trí cao hơn, xây dựng Đảng về tư tưởng, tác phong gắn chặt với xây dựng chế độ pháp quy, tăng cường giám sát, kiện toàn hệ thống giám sát để “nhốt quyền lực vào trong chiếc lồng chế độ”, mục tiêu nhằm dần hình thành cơ chế không thể, không dám và không muốn tham nhũng.

Trong cuốn *“Quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện: Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau đại học XVIII”* [21] do Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức biên soạn đã phân tích thực trạng, những thành tựu đạt được cùng những bài học kinh nghiệm rút ra trong chiến lược quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện mà Đảng Cộng sản Trung Quốc, đứng đầu là Tổng Bí thư Tập Cận Bình, kiên trì theo đuổi từ Đại hội XVIII đến nay trên các lĩnh vực: Xây dựng chính trị, xây dựng tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở, công tác nhân tài, công tác xây dựng tác phong, xây dựng kỷ luật, đấu tranh chống tham nhũng, xây dựng chế độ trong Đảng và thực hiện trách nhiệm quản trị Đảng.

Các công trình nghiên cứu về thực trạng đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc cho thấy: Trong giai đoạn lịch sử xây dựng và phát triển đất nước với mục tiêu xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nghiên cứu và xác định xây dựng mô hình Đảng Cộng sản lãnh đạo, cầm quyền hiện đại hóa, khoa học, có tính linh hoạt, có tính tổ chức cao, dân chủ và thượng tôn pháp

luật. Việc xây dựng và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản hiện nay đã mang lại sự ổn định và phát triển cho Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay.

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ MỘT SỐ GỢI MỞ TỪ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1.3.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Tác giả Zhou, Q. trong bài viết “*The course of the communist party of China of leading Chinese people to conquer difficulties over the past century, and its summation of experience, and implication of the times*” (Quá trình lãnh đạo nhân dân Trung Quốc vượt qua khó khăn trong thế kỷ qua của Đảng Cộng sản Trung Quốc, sự tổng kết kinh nghiệm và hàm ý thời đại) [80], đã phân tích những kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bài viết đã chỉ ra những kinh nghiệm quý báu trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước là: Đảng cộng sản cần luôn kiên định lấy chủ nghĩa Mác làm kim chỉ nam tư tưởng, không ngừng giải phóng tư duy, củng cố niềm tin lý luận và hình thành nên những kinh nghiệm quý báu trong việc lãnh đạo nhân dân chinh phục mọi trở ngại. Bước sang thời đại mới, Đảng cộng sản cần tiếp tục dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân rộng rãi, củng cố “bốn niềm tin” (tức: niềm tin vào con đường, lý luận, chế độ và văn hóa xã hội chủ nghĩa), đồng thời không ngừng đổi mới, hoàn thiện sự kết hợp giữa xây dựng Đảng về tư tưởng và quản trị Đảng bằng thể chế, qua đó mở ra hành trình mới trong sự nghiệp xây dựng toàn diện một quốc gia xã hội chủ nghĩa hiện đại.

Các tác giả Shi, G., & Chen, S. trong công trình “*The Historical Process and Basic Experience of Upholding and Strengthening the Communist Party of China Leadership Since Reform and Opening up*” [71] (Quá trình lịch sử và kinh nghiệm cơ bản về việc kiên trì và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc kể từ khi cải cách và mở cửa) đã khẳng định vai trò

lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc là ưu thế lớn nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc, là bảo đảm nền tảng cho việc thực hiện hiệu quả mọi công tác của Đảng và Nhà nước, đồng thời là điểm then chốt quyết định sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế, đoàn kết dân tộc của Trung Quốc. Là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt sự nghiệp vĩ đại của chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, thực tiễn kiên trì và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng kể từ thời kỳ cải cách và mở cửa đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu. Đó là: xác lập hạt nhân lãnh đạo của Đảng; đặt công tác xây dựng chính trị của Đảng lên vị trí hàng đầu; kiên định nguyên tắc Đảng đảng lãnh đạo toàn diện; không ngừng củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; đồng thời kiên trì tinh thần tự cải cách, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, trong đó nhấn mạnh việc thực hiện quản lý Đảng một cách nghiêm minh, toàn diện.

Tác giả Lin, L. trong bài viết “*Upholding the Leadership of The Communist Party of China Over Comprehensive Law-Based Governance of China*” (Duy trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với việc quản lý nhà nước toàn diện dựa trên pháp luật của Trung Quốc) [68] khẳng định: Chúng ta phải kiên định và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc nhằm thúc đẩy quản trị đất nước toàn diện dựa trên pháp luật và xây dựng một quốc gia được điều hành bằng pháp luật tốt và quản trị tốt. Chúng ta cần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa Đảng và pháp luật, kiên trì nguyên tắc thống nhất giữa sự lãnh đạo của Đảng và việc quản trị theo pháp luật, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản được lồng ghép vào toàn bộ quá trình và mọi phương diện của công cuộc quản trị đất nước toàn diện dựa trên pháp luật.

1.3.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam

Tác giả Nguyễn Huy Quý với bài viết “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, gợi mở đối với Việt Nam*” [42], đã phân tích quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc qua

các giai đoạn lịch sử, từ thời kỳ Đảng Tiểu Bình đến các kỳ Đại hội sau này. Trọng tâm của quá trình này là cải cách chế độ tổ chức, chế độ công tác, mở rộng dân chủ trong Đảng, khắc phục tình trạng Đảng bao biện, làm thay chính quyền, đồng thời từng bước phân định rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước. Đồng thời tác giả đưa ra một số vấn đề gợi mở Việt Nam có thể tham khảo:

Một là, cải cách, đổi mới chế độ tổ chức, vấn đề trọng tâm là dân chủ trong đảng, trong lãnh đạo của đảng đối với xã hội, phải phân công rõ ràng công việc của Đảng với công việc của chính quyền khắc phục tình trạng Đảng bao biện làm thay.

Hai là, không để quyền lực quá tập trung, thực hiện chủ trương phân tách Đảng với chính quyền "Đảng chính phân khai" thực hiện phân quyền không để quyền lực quá tập trung, cải cách bộ máy chính quyền, xây dựng chế độ cán bộ, công chức, cải cách dân chủ, cầm quyền một cách hợp pháp, lấy dân chủ trong Đảng để thúc đẩy dân chủ trong nhân dân, lấy đoàn kết trong đảng để thực hiện đoàn kết dân tộc.

Ba là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải xuất phát từ điều kiện cụ thể của đất nước.

Trong bài viết “*Những vấn đề chung về sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*” [32], tác giả Nguyễn Văn Huyền làm rõ Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam tuy có những nét khác nhau, song có tính chất, đặc điểm giống nhau là Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn dân thực hiện sự nghiệp chủ nghĩa xã hội của mỗi nước. Đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc thì việc sáng tạo ra lý luận cầm quyền khoa học của Đảng là nhiệm vụ chính trị trung tâm. Do vậy, Đảng phải định ra cương lĩnh cầm quyền lấy tư tưởng ba đại diện và xã hội hài hòa để nhận thức và định ra cương lĩnh của Đảng. Theo tác giả, để nâng cao trình độ, năng lực cầm quyền Đảng cần nắm được những năng lực lớn, đó là: năng lực phán đoán tình thế; năng lực điều

hành nền kinh tế; năng lực đối phó với các tình huống phức tạp; năng lực cầm quyền theo pháp luật và năng lực nắm vững toàn cục.

Nghiên cứu phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc bằng công tác xây dựng đảng, cải cách, hệ thống chính trị, xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ đảng viên, phòng chống tham nhũng... được bàn đến ở một số công trình tiêu biểu sau: *“Công tác phát triển đảng viên hiện nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số mở cho Việt Nam”* [50]; *“Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và ý nghĩa tham khảo đối với Việt Nam”* [56]; *“Kinh nghiệm xây dựng đội ngũ cán bộ ở Trung Quốc”* [14]; *“Một số kinh nghiệm trong công tác cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay”* [52]; *“Mô hình đảng chính trị của Trung Quốc và những giá trị tham khảo để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”* [1]; *“Một số cải cách chính trị của Trung Quốc”* [36]; *“Một số vấn đề cải cách mở cửa của Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam”* [60]; *“Bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời kỳ cải cách, mở cửa”* [28]; *“Công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam”* [51]; *“Vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình và gợi mở đối với Việt Nam”* [49] ...từ những phân tích đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc để thích ứng với những thay đổi của tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển đất nước với mục tiêu chủ nghĩa xã hội và thực hiện “giấc mộng Trung Hoa”, các tác giả đã phân tích và làm rõ một số bài học kinh nghiệm đối với đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bài viết *“Công tác phát triển đảng viên hiện nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số gợi mở cho Việt Nam”* [50], phân tích và làm rõ những gợi mở đối với Việt Nam: Đảng Cộng sản Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu

và hoàn thiện các quy định hướng dẫn liên quan đến công tác phát triển đảng viên, hình thành hệ thống quản lý việc thực thi chức trách để đảm bảo nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; chú trọng hoàn thiện quy định, quy chế về giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện và quản lý đảng viên trong các doanh nghiệp và khu vực ngoài nhà nước. Đối với Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 về thi hành Điều lệ Đảng và hướng dẫn 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ có thể khảo cứu kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc là nhấn mạnh hơn nữa đặt tiêu chuẩn chính trị lên hàng đầu trong việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên nói riêng, công tác phát triển đảng viên nói chung.

Trong nghiên cứu *“Vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình và gợi mở đối với Việt Nam”* [49] của tác giả Trần Ánh Tuyết, trên cơ sở bàn về chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ cán bộ đảng viên từ đại hội XVIII, thực tiễn xây dựng đạo đức trong đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc, bài viết đã phân tích làm rõ những gợi mở cho Việt Nam: Tổ chức đảng các cấp nghiêm túc việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cho cán bộ đảng viên; thúc đẩy đổi mới cơ chế giáo dục, thực hiện sự thống nhất chặt chẽ giữa giáo dục tính đảng và giáo dục đạo đức, kết hợp hữu cơ giữa đào tạo kỹ năng nghiệp vụ với giáo dục, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức cán bộ đảng viên; xác định rõ tiêu chuẩn và yêu cầu đối với cán bộ đảng viên phù hợp với tình hình mới, nâng cao tầm quan trọng của đạo đức và khích lệ cán bộ đảng viên tự giác rèn luyện, tu dưỡng nâng cao đạo đức, hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ đảng viên, có cơ chế thưởng phạt cụ thể; chú ý đến việc sử dụng các công nghệ và phương tiện truyền thông hiện đại trong công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức cho cán bộ đảng viên; thúc đẩy đổi mới cơ chế quản lý đảng, siết chặt “chiếc lồng” thể

chế, coi việc xây dựng kiện toàn hệ thống các luật, quy định về đạo đức là bảo đảm quan trọng trong việc hình thành đạo đức của cán bộ đảng viên.

Bài viết “*Bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời kỳ cải cách, mở cửa*” [28] của các tác giả Phạm Hoàng Hà, Nguyễn Văn Quyết phân tích những bài học kinh nghiệm chủ yếu về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong xây dựng CNXH thời kỳ cải cách mở cửa, đó là: xây dựng CNXH phải dựa vào nhân dân, vì hạnh phúc của nhân dân; xác định bước đi một cách hợp lý; có quan điểm lịch sử cụ thể trong vận dụng chủ nghĩa Mác; giữ vững “giới hạn” trong cải cách mở cửa; sự lãnh đạo của Đảng cộng sản có vai trò quyết định sự thành công.

Trong cuốn “*Quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện: Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau đại học XVIII*” [21] do Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức biên soạn, trên cơ sở phân tích và làm rõ những thành tựu quan trọng đạt được trong quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện mà Đảng Cộng sản Trung Quốc, đứng đầu là Tổng Bí thư Tập Cận Bình, kiên trì theo đuổi từ Đại hội XVIII đến nay, đã phân tích và làm rõ cùng những bài học kinh nghiệm rút ra trong chiến lược quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện trên các lĩnh vực: Xây dựng chính trị, xây dựng tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở, công tác nhân tài, công tác xây dựng tác phong, xây dựng kỷ luật, đấu tranh chống tham nhũng, xây dựng chế độ trong Đảng và thực hiện trách nhiệm quản trị Đảng. Nghiên cứu về một số gợi mở từ phương thức lãnh đạo cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với Đảng Cộng sản Việt Nam các tác giả đã làm rõ một số giá trị, ý nghĩa đối với Việt Nam trên các phương diện: công tác tổ chức và phát triển đảng viên, tăng cường giám sát, kiểm tra, tăng cường dân chủ và lãnh đạo, cầm quyền hiện đại, thượng tôn pháp luật...

Trong bài viết “*Một số kinh nghiệm trong công tác cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay*” [52], Trần Ánh Tuyết đã khẳng định đúng

trước những yêu cầu mới của thực tiễn của công cuộc cải cách và phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có những bước tiến mới trong công tác cán bộ. Bài viết đã nghiên cứu, phân tích và làm rõ đường lối chủ trương, biện pháp của Đảng cộng sản Trung Quốc trong công tác cán bộ bao gồm: Kiên trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn đối với cán bộ trong thời kỳ mới; Tăng cường hoàn thiện các quy định, quy trình trong công tác lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ; chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ ưu tú. Bài viết, cũng nghiên cứu đánh giá về một số kết quả đạt được và hạn chế trong công tác lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ hiện nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ đó, bài viết khẳng định: với những điểm tương đồng của Việt Nam về những hạn chế đang phải đối mặt hiện nay về công tác cán bộ, những kinh nghiệm trong công tác cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, để chúng ta có thể tham khảo, có thêm cơ sở đề ra phương hướng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có tố chất cao, đủ năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới.

Các nghiên cứu nhấn mạnh về nền dân chủ nhân dân toàn quá trình của Trung Quốc, đi sâu phân tích làm rõ lịch sử phát triển, trình tự chế độ và sự tham gia thực tiễn; con đường thực hiện, ưu thế nổi bật, tương lai của nền dân chủ nhân dân và vai trò của nền dân chủ nhân dân toàn quá trình trong nền văn minh chính trị của nhân loại như: “*Nền dân chủ nhân dân toàn quá trình của Trung Quốc*” [31] của Lâm Kiến Hoa. Trên cơ sở bàn về những bước tiến trong việc thực hiện “dân chủ nhân dân toàn quá trình” trong bài viết “*Thực hiện dân chủ nhân dân toàn quá trình ở Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” [9], tác giả Đào Ngọc Báu đã phân tích và chỉ ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho Việt Nam khi bàn về dân chủ.

1.4. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Những giá trị từ các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Một là, các công trình khoa học nước ngoài và trong nước có liên quan đến đề tài luận án đã nêu, phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền; đặc điểm, vai trò lãnh đạo, cầm quyền, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới với xu hướng toàn cầu hoá hội nhập quốc tế, xây dựng phát triển kinh tế thị trường, khoa học công nghệ phát triển vũ bão, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp các nghiên cứu hiện nay về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản chủ yếu dừng lại ở bình diện lý luận chung; những phân tích chuyên sâu về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản trong bối cảnh mới hiện nay và việc đánh giá thực tiễn đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản nhằm thực hiện cầm quyền khoa học ở các lĩnh vực, cấp độ khác nhau của hệ thống chính trị vẫn còn hạn chế.

Hai là, một số công trình khoa học liên quan đã tập trung làm rõ nội dung lãnh đạo, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc; bước đầu làm rõ đặc điểm, các yếu tố trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thực tiễn đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nghiên cứu đánh giá những thành tựu, hạn chế của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, các nghiên cứu đã khẳng định sự cần thiết phải đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, nội dung và phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc là tất yếu khách quan, hiện thực mục tiêu xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc.

Ba là, một số công trình khoa học bước đầu nghiên cứu, làm rõ một số vấn đề gợi mở từ nghiên cứu những vấn đề cải cách chính trị, tăng cường xây

dựng đảng với thực hiện quản lý đảng nghiêm minh toàn diện, phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên chất lượng cao thích ứng yêu cầu của tình hình mới, xây dựng và hoàn thiện siết chặt chiếc lồng thép nhằm ngăn ngừa, phòng chống tham nhũng từ sớm từ xa, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Trung Quốc đối với Việt Nam hiện nay.

1.4.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Một là, những vấn đề lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản. Trong đó, tập trung nghiên cứu làm rõ các khái niệm nền tảng như “phương thức lãnh đạo”, “phương thức cầm quyền”, mối quan hệ giữa lãnh đạo và cầm quyền, cũng như các nguyên tắc, công cụ và cơ chế thực thi quyền lực của đảng trong hệ thống chính trị. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiến hành xây dựng và hoàn thiện khung phân tích lý thuyết về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Hai là, nghiên cứu phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn 2012-2025, đồng thời phân tích và làm rõ thực trạng phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong hệ thống chính trị, các nguyên tắc cốt lõi trong phương thức, lãnh đạo cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ đó, luận án nghiên cứu, đánh giá những thành tựu, những vấn đề đặt ra về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn 2012-2025.

Ba là, nghiên cứu sự tương đồng và khác biệt về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, quan điểm lý luận và những vấn đề đặt ra trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó, phân tích và đánh giá làm rõ những giá trị gợi mở từ nghiên cứu phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

2.1. KHÁI NIỆM, NỘI DUNG PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

2.1.1. Khái niệm, nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản

2.1.1.1. Khái niệm phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Trong khoa học chính trị, lãnh đạo được hiểu là hoạt động định hướng, dẫn dắt, tổ chức và huy động các lực lượng xã hội nhằm thực hiện những mục tiêu chính trị nhất định. Đối với chính đảng, lãnh đạo trước hết thể hiện ở việc xác lập cương lĩnh, đường lối, mục tiêu chiến lược; tổ chức lực lượng; định hướng hành động; và tạo ra sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong hệ thống chính trị và xã hội.

Trong học thuyết Mác - Lênin, vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản gắn với tính tiên phong của chính đảng của giai cấp công nhân. C. Mác và Ph. Ăngghen xác định những người cộng sản đại biểu cho lợi ích chung của phong trào vô sản. Họ không có lợi ích riêng tách khỏi lợi ích của giai cấp. Quan hệ giữa đảng và quần chúng vì thế là quan hệ chính trị, tổ chức và lợi ích, không chỉ là quan hệ chỉ huy [35, tr.98-99].

Đảng lãnh đạo là chính đảng giữ vai trò định hướng chính trị và tổ chức lực lượng nhằm thực hiện mục tiêu của mình trong một phạm vi xã hội nhất định. Địa vị ấy được thể hiện qua khả năng xây dựng đường lối, tập hợp lực lượng và tổ chức hành động. Một đảng có thể lãnh đạo phong trào khi chưa nắm chính quyền. Trong điều kiện đảng cộng sản cầm quyền, phạm vi lãnh đạo còn bao gồm Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị [48; 59].

Phương thức lãnh đạo không phải là yếu tố bất biến mà luôn vận động, đổi mới cùng với sự phát triển của điều kiện kinh tế - xã hội, yêu cầu xây dựng Nhà nước và sự phát triển của khoa học, công nghệ. Bản chất của đổi mới phương thức lãnh đạo không phải là thay đổi vai trò lãnh đạo của Đảng

mà là đổi mới cách thức thực hiện vai trò lãnh đạo để nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lãnh đạo của Đảng gắn với trách nhiệm đối với nhân dân. Di chúc đặt yêu cầu giữ gìn Đảng trong sạch, rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và thực hiện trách nhiệm phục vụ nhân dân. Những yêu cầu này xác định nội dung chính trị, đạo đức của sự lãnh đạo, chứ không trao cho tổ chức đảng quyền đứng trên nhân dân hoặc thay thế mọi hoạt động của Nhà nước [37].

Một đặc điểm có ý nghĩa phương pháp luận là đối tượng lãnh đạo của Đảng có tính đa dạng. Đảng vừa lãnh đạo trong nội bộ Đảng, vừa lãnh đạo đối với Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang và các tổ chức kinh tế - xã hội. Do vậy, phương thức lãnh đạo không thể áp dụng máy móc và đồng nhất cho mọi đối tượng. Mỗi nhóm đối tượng có chức năng, nhiệm vụ và cơ chế vận hành khác nhau, vì thế phương thức tác động của Đảng phải linh hoạt, phù hợp, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc tổ chức của Đảng [59].

V.I. Lênin đặc biệt chú ý sự thay đổi nhiệm vụ của đảng sau khi giành chính quyền. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XI Đảng Cộng sản Nga, Người đặt vấn đề năng lực quản lý, trình độ văn hóa và khả năng kiểm tra việc chấp hành. Đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo phải học cách tổ chức công việc, sử dụng chuyên gia và chịu trách nhiệm về kết quả. Quyền lãnh đạo không tự tạo ra tri thức chuyên môn hoặc năng lực điều hành [33].

Phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản là tổng thể các hình thức, phương pháp, cơ chế và công cụ mà Đảng sử dụng để thực hiện vai trò lãnh đạo đối với hệ thống chính trị và xã hội, thông qua việc hoạch định đường lối, chủ trương, lãnh đạo công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng và đảng viên nhằm thực hiện cương lĩnh, đường lối và mục tiêu chính trị của Đảng. Trong điều kiện có chính quyền, các phương thức ấy được thực hiện phù hợp với chức năng của Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

2.1.1.2. Nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, nội dung phương thức lãnh đạo có thể được khái quát theo các nhóm trọng tâm: lãnh đạo bằng công tác chính trị; lãnh đạo bằng công tác tư tưởng; lãnh đạo bằng đạo đức, nêu gương; lãnh đạo bằng công tác tổ chức và cán bộ; lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.

Thứ nhất, Đảng lãnh đạo bằng công tác chính trị. Đây là nội dung nền tảng, gắn với việc xác lập cương lĩnh, đường lối, chiến lược phát triển và các chủ trương lớn. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, điểm cốt lõi của lãnh đạo chính trị là cơ chế chuyển hóa định hướng chính trị thành năng lực thực thi thông qua Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối thành chính sách và pháp luật để xác lập căn cứ cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, đồng thời định hướng tổ chức thực hiện bằng bộ máy công quyền. Sự phân định này hạn chế chồng chéo giữa lãnh đạo và quản lý nhà nước [59].

Thứ hai, Đảng lãnh đạo bằng công tác tư tưởng. Công tác tư tưởng là phương thức bảo đảm nền tảng lý luận và sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong Đảng, đồng thời tạo đồng thuận chính trị - xã hội trong nhân dân. Nội dung công tác tư tưởng bao gồm giáo dục lý luận, định hướng dư luận, thuyết phục và vận động quần chúng, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng và củng cố niềm tin xã hội đối với mục tiêu phát triển [59].

Thứ ba, Đảng lãnh đạo bằng đạo đức và nêu gương. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng đạo đức của Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Yêu cầu tu dưỡng, cần kiệm liêm chính và chí công vô tư trong Di chúc gắn trực tiếp với trách nhiệm của một đảng cầm quyền [37]. Sự gương mẫu được thể hiện trong chấp hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ và quan hệ với nhân dân. Đó là cách tác động bằng hành vi và uy tín, không phải một hình thức ban hành mệnh lệnh hành chính.

Thứ tư, Đảng lãnh đạo bằng công tác tổ chức và cán bộ. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, công tác tổ chức và cán bộ giữ vai trò then chốt vì đây là phương thức trực tiếp chuyển hóa đường lối và ý chí chính trị thành năng lực tổ chức thực thi trong toàn bộ hệ thống chính trị. Thông qua việc xây dựng cơ

cấu tổ chức, phân công chức năng, tuyển chọn, đào tạo, bố trí, sử dụng và kiểm soát cán bộ, Đảng bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo và tính thông suốt trong điều hành. Vì vậy, phương thức lãnh đạo bằng công tác tổ chức và cán bộ thực chất là cơ chế hiện thực hóa quyền lực chính trị thông qua con người và tổ chức cụ thể.

Thứ năm, Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra và giám sát. Đây là cơ chế bảo đảm kỷ luật và tính thống nhất trong toàn Đảng, đồng thời là phương thức quan trọng để kiểm soát quá trình thực thi quyền lực. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, Đảng phát hiện và xử lý kịp thời những sai lệch trong tổ chức thực hiện, qua đó bảo đảm các quyết định lãnh đạo được thực hiện đúng định hướng, đúng mục tiêu và đúng quy định. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, kiểm tra và giám sát còn có ý nghĩa đặc biệt trong kiểm soát quyền lực, phòng ngừa lạm quyền và bảo đảm kỷ luật trong hoạt động của hệ thống chính trị.

Phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản là một hệ thống thống nhất giữa định hướng chính trị, tổ chức thực thi, xây dựng đồng thuận, nêu gương đạo đức và kiểm soát quyền lực. Các yếu tố chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đạo đức và kiểm tra, giám sát gắn bó chặt chẽ với nhau, cùng tham gia thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện cầm quyền.

2.1.2. Khái niệm, nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản

2.1.2.1. Khái niệm phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản

Đảng cầm quyền là chính đảng nắm giữ hoặc tham gia thực hiện quyền lực nhà nước thông qua những cơ chế xác định của chế độ chính trị. Việc cầm quyền có thể do một đảng đảm nhiệm hoặc diễn ra trong liên minh nhiều đảng. Ở những chế độ có sự phân chia quyền lực, đảng tham gia chính phủ không vì thế nắm toàn bộ thẩm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nghiên cứu của Strøm về các đảng trong nền dân chủ nghị viện phân biệt việc tham gia chính phủ, nắm giữ chức vụ và tác động đến chính sách [73, tr.566-568]. Do đó, nắm tất cả các quyền của Nhà nước không phải điều kiện chung để xác định một đảng là đảng cầm quyền.

Đối với đảng cộng sản, cầm quyền gắn với quá trình lãnh đạo nhân dân

xây dựng và sử dụng chính quyền để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Chủ thể lãnh đạo chính trị là Đảng. Chủ thể ban hành và thực hiện quyết định nhà nước là cơ quan, người có thẩm quyền theo pháp luật. Một cán bộ đồng thời giữ chức vụ trong Đảng và Nhà nước thực hiện hai loại trách nhiệm khác nhau. Tư cách đảng viên không thay thế căn cứ pháp lý của chức vụ nhà nước [59; 86, tr.71-72].

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đảng cầm quyền gắn với trách nhiệm chính trị và đạo đức trước nhân dân. Di chúc yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên giữ gìn đạo đức cách mạng và Đảng phải xứng đáng với trách nhiệm lãnh đạo, phục vụ nhân dân [37]. Cầm quyền vì thế không chỉ là duy trì địa vị tổ chức. Nó bao hàm trách nhiệm về việc sử dụng quyền lực, về đời sống của nhân dân và về những sai phạm phát sinh trong hoạt động công quyền.

Có thể hiểu phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản là tổng thể các hình thức, phương pháp, cơ chế và công cụ mà Đảng sử dụng để thực hiện vai trò cầm quyền khi đã nắm chính quyền nhà nước. Nếu phương thức lãnh đạo thiên về định hướng chiến lược, xác lập mục tiêu chính trị và tổ chức lực lượng, thì phương thức cầm quyền thiên về thể chế hóa đường lối thành hiến pháp, pháp luật, chính sách; tổ chức bộ máy nhà nước; bố trí đội ngũ cán bộ; lãnh đạo quá trình thực thi chính sách; và kiểm soát quyền lực trong hệ thống công quyền.

Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản chỉ xuất hiện khi Đảng đã giành và nắm giữ chính quyền nhà nước. Vì vậy, khái niệm cầm quyền có ý nghĩa phân biệt rõ thời kỳ Đảng chưa nắm chính quyền với thời kỳ Đảng đã trở thành lực lượng chi phối hoạt động của bộ máy chính quyền và hệ thống công quyền. Trong điều kiện đảng cầm quyền, những đường lối, chủ trương liên quan đến hoạt động nhà nước được thể chế hóa thông qua Nhà nước, pháp luật, chính sách và hoạt động của đội ngũ cán bộ trong bộ máy công quyền. Do đó, phương thức cầm quyền không phải là tập hợp biện pháp kỹ thuật đơn thuần, mà là cơ chế tổ chức và thực thi quyền lực chính trị thông qua Nhà nước.

Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản là tổng thể cách thức, cơ chế và quy trình Đảng sử dụng để lãnh đạo việc tổ chức, thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước. Các hoạt động này được tiến hành thông qua tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ và những thủ tục hiến định, pháp định. Đặc trưng phân biệt của cầm quyền nằm ở mối liên hệ trực tiếp với quyền lực công và trách nhiệm thực hiện quyền lực đó. Phạm vi lãnh đạo rộng hơn phạm vi tổ chức bộ máy nhà nước, còn cầm quyền không đồng nghĩa với quản lý hành chính.

2.1.2.2. Nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản

Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản chỉ hình thành và vận hành trong điều kiện Đảng đã giành và nắm giữ chính quyền nhà nước. Nếu phương thức lãnh đạo nhấn mạnh vai trò định hướng chính trị, thì phương thức cầm quyền tập trung vào cách thức Đảng tổ chức, vận hành và kiểm soát quyền lực nhà nước trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Cầm quyền có đặc trưng cơ bản là thực hiện quyền lực chính trị chủ yếu thông qua Nhà nước; do đó, nội dung phương thức cầm quyền trước hết phải gắn với việc Đảng giữ vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và thông qua Nhà nước để tổ chức, vận hành, kiểm soát quyền lực nhà nước theo mục tiêu, đường lối đã được xác lập [59]. Việc Đảng cầm quyền không đồng nghĩa với việc Đảng trực tiếp thay thế Nhà nước thực hiện các chức năng quản lý xã hội, mà thể hiện ở chỗ Đảng giữ vai trò định hướng, chi phối chính trị đối với bộ máy nhà nước thông qua các cơ chế hợp hiến, hợp pháp. Nội dung phương thức cầm quyền được thể hiện ở các hoạt động sau:

Thứ nhất, tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước. Phương thức cầm quyền của Đảng trước hết được thực hiện thông qua việc lãnh đạo và chi phối bộ máy nhà nước. Đảng cầm quyền thông qua việc định hướng để Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật và chính sách, bảo đảm sự thống nhất giữa định hướng chính trị của Đảng và hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước. Nếu pháp luật và thể chế tạo ra khuôn khổ pháp lý cho quyền lực nhà nước, thì bộ máy hành chính là công cụ trực tiếp đưa pháp luật và chính sách vào đời sống xã hội. Vì vậy, cầm quyền

thông qua tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước không chỉ đòi hỏi năng lực lãnh đạo chính trị, mà còn gắn chặt với yêu cầu trách nhiệm giải trình, kỷ luật hành chính và hiệu lực thực thi.

Thứ hai, giới thiệu và bố trí đảng viên vào các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước. Một nội dung trọng yếu của phương thức cầm quyền là việc bố trí đảng viên giữ các vị trí chủ chốt trong cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Việc giới thiệu nhân sự của Đảng phải được phân biệt với bầu, phê chuẩn hoặc bổ nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, khi thực thi quyền lực trong bộ máy nhà nước, đảng viên hành động với tư cách là chủ thể thực thi quyền lực nhà nước, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước nhân dân về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Do đó, việc thực thi quyền lực của đảng viên trong bộ máy nhà nước phải được đặt trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, thể chế hóa cương lĩnh, đường lối của Đảng thành quy phạm pháp luật và chính sách của Nhà nước. Đây là nội dung cốt lõi của phương thức cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đảng cầm quyền không thực thi quyền lực bằng cách dùng nghị quyết nội bộ thay cho pháp luật, mà thông qua việc lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật và chính sách công. Khi đường lối chính trị đã được thể chế hóa thành pháp luật, nó trở thành chuẩn mực pháp lý có tính bắt buộc đối với các chủ thể trong xã hội.

Thứ tư, lãnh đạo tổ chức thực thi chính sách nhà nước. Sau khi được thể chế hóa, đường lối và chính sách phải được tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Phương thức cầm quyền vì vậy gắn liền với năng lực lãnh đạo quá trình triển khai chính sách, bảo đảm sự đồng bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị và hiệu lực thực thi trong đời sống xã hội. Thực thi chính sách không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản lý, mà còn là biểu hiện trực tiếp của năng lực cầm quyền, thể hiện ở hiệu quả quản trị và mức độ đáp ứng lợi ích của nhân dân.

Thứ năm, thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị, trong đó có đội ngũ công chức, viên chức nhà nước. Phương thức cầm quyền của Đảng gắn liền với công tác tổ chức và quản lý đội ngũ cán bộ trong bộ máy nhà nước. Thông qua việc bố trí, quản lý, đào tạo, đánh giá và kiểm soát đội ngũ cán bộ, Đảng bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Trong chế độ một đảng cầm quyền, công tác cán bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi quyền lực chính trị muốn được thực thi hiệu quả phải thông qua con người, tổ chức và thiết chế cụ thể.

Bên cạnh các nội dung trên, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng là bộ phận không thể thiếu của phương thức cầm quyền. Cơ chế này góp phần bảo đảm cho quyền lực được thực thi đúng mục tiêu, đúng thẩm quyền, hạn chế nguy cơ lạm quyền và duy trì tính chính danh của quyền lực cầm quyền. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, kiểm soát quyền lực không chỉ dựa vào pháp luật nhà nước, mà còn gắn với kỷ luật Đảng, giám sát của nhân dân và trách nhiệm chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên [59].

Giới thiệu nhân sự tập trung vào chuẩn bị, lựa chọn người đảm nhiệm chức vụ. Quản lý cán bộ bao gồm đào tạo, sử dụng, đánh giá và xử lý trách nhiệm trong quá trình công tác. Cùng với tổ chức bộ máy, thể chế hóa và thực thi chính sách, công tác cán bộ nhà nước là một nội dung của phương thức cầm quyền. Kiểm soát quyền lực gắn với từng nội dung này [59].

2.1.3. Cơ sở lý luận của mối quan hệ giữa phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản

Trong lịch sử chính trị hiện đại, mô hình đảng cộng sản cầm quyền là một dạng thức đặc thù, vừa kế thừa học thuyết Mác - Lênin về chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, vừa được bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng ở từng quốc gia. Một trong những đặc trưng cơ bản của mô hình này là sự gắn bó giữa hai phạm trù “lãnh đạo” và “cầm quyền”. Lãnh đạo thể hiện ở việc xác lập đường lối, mục tiêu chính trị và tổ chức lực lượng; còn cầm quyền thể hiện ở việc nắm giữ, tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước để hiện thực hóa đường lối đó trong đời sống xã hội.

Về mặt lý luận, lãnh đạo và cầm quyền không phải là hai khái niệm đồng nhất. Lãnh đạo mang bản chất định hướng chính trị, xác lập mục tiêu chiến lược, xây dựng sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động. Cầm quyền gắn với việc tổ chức thực thi quyền lực nhà nước, thể chế hóa đường lối thành pháp luật, chính sách và vận hành bộ máy công quyền. Nếu không phân biệt hai phạm trù này, rất dễ dẫn đến tình trạng đồng nhất lãnh đạo với quản lý, làm mờ ranh giới giữa định hướng chính trị của Đảng và chức năng quản lý nhà nước [59].

Mối quan hệ giữa lãnh đạo và cầm quyền còn thể hiện ở sự thống nhất về chủ thể và mục tiêu. Cả hai phương thức đều do Đảng Cộng sản thực hiện và đều hướng tới mục tiêu thực hiện cương lĩnh, đường lối, xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hai phương thức này có sự khác biệt tương đối về đối tượng và cách thức tác động. Phương thức lãnh đạo có phạm vi rộng hơn, tác động tới toàn bộ hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân; trong khi đó, phương thức cầm quyền gắn trực tiếp hơn với bộ máy nhà nước, hệ thống công quyền và quá trình tổ chức, vận hành quyền lực công.

Cơ chế gắn kết giữa lãnh đạo và cầm quyền được thể hiện thông qua quan hệ Đảng - Nhà nước - xã hội. Đảng xác lập đường lối, chủ trương và định hướng chính trị; Nhà nước thể chế hóa các định hướng đó thành Hiến pháp, pháp luật, chính sách và tổ chức thực thi; xã hội là không gian tiếp nhận, tham gia, giám sát và phản hồi đối với quá trình thực hiện quyền lực. phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền tạo thành một chu trình vận hành quyền lực gồm: định hướng chính trị, thể chế hóa pháp lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh chính sách.

Sự khác nhau giữa hai phương thức bộc lộ rõ ở căn cứ quyết định và tư cách chủ thể. Nghị quyết của cấp ủy xác lập chủ trương và trách nhiệm của tổ chức đảng. Quyết định của cơ quan nhà nước phải dựa trên thẩm quyền pháp luật. Trong công tác cán bộ, kết luận về phương án nhân sự thuộc hoạt động lãnh đạo; quyết định bầu hoặc bổ nhiệm làm phát sinh chức vụ nhà nước

thuộc quá trình thực hiện cơ chế cầm quyền. Trong kiểm tra, xử lý kỷ luật đảng khác với xử phạt hành chính hoặc xét xử. Những hoạt động này có thể nối tiếp nhau nhưng không thay thế nhau [18; 20; 86, tr.71-72].

Bảng 2.1. Phân biệt phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền

Nội dung	Phương thức lãnh đạo	Phương thức cầm quyền
Trọng tâm tác động	Xác lập phương hướng; tổ chức, thuyết phục và tập hợp lực lượng.	Lãnh đạo tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước theo cơ chế của chế độ.
Phạm vi	Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và quần chúng.	Trực tiếp gắn với bộ máy công quyền và quan hệ thực hiện quyền lực nhà nước.
Quyết định chủ yếu	Cương lĩnh, nghị quyết, chủ trương; kết luận về tổ chức, cán bộ.	Chủ trương được thực hiện thông qua lập pháp, quyết định chính sách, bầu và bổ nhiệm theo thẩm quyền.
Căn cứ và trách nhiệm	Điều lệ, quy định của Đảng; trách nhiệm lãnh đạo trước tổ chức và nhân dân.	Hiến pháp, pháp luật và quy trình nhà nước; trách nhiệm pháp lý, công vụ và trách nhiệm chính trị có liên quan.
Dấu hiệu phân biệt	Ai xác định chủ trương, bằng cách nào và đối với lực lượng nào?	Chủ trương được chuyển thành quyết định nhà nước nào, ai có thẩm quyền và ai chịu trách nhiệm thực hiện?

Nguồn: Tổng hợp từ tác giả

Quản trị quốc gia cũng cần được phân biệt với quản trị nhà nước. Quản trị quốc gia bao gồm quá trình tổ chức, phối hợp giữa Nhà nước và các chủ thể xã hội trong giải quyết công việc chung. Quản trị nhà nước nhấn mạnh hoạt động tổ chức và vận hành của hệ thống công quyền. Quản lý hành chính

là hoạt động chấp hành, điều hành của cơ quan hành chính. Uông Sĩ Khải phân tích quản trị quốc gia Trung Quốc từ quan hệ giữa Nhà nước và xã hội, trong đó có sự tham gia của chính đảng, các tổ chức và công dân [96, tr.28-31]. Vì vậy, tổ chức đảng tại doanh nghiệp tư nhân thuộc phạm vi lãnh đạo xã hội, không làm cho doanh nghiệp trở thành một bộ phận của bộ máy nhà nước.

2.1.4. Một số cách tiếp cận nghiên cứu về đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền

Strøm phân tích ba mục tiêu của đảng: tìm kiếm phiếu bầu, chức vụ và ảnh hưởng chính sách. Ông đồng thời chỉ ra sự ràng buộc của tổ chức đảng và thiết chế chính trị đối với lựa chọn của người lãnh đạo [73, tr.566-568]. Cách tiếp cận này phân biệt được địa vị trong chính phủ với phạm vi quyền lực mà đảng thực sự có thể sử dụng.

Nghiên cứu quốc tế về Trung Quốc không chỉ sử dụng mô hình cạnh tranh bầu cử. Leutert và Eaton khảo sát sự vận động của bốn cơ chế trong quản trị doanh nghiệp nhà nước: thiết kế bộ máy, quản lý cán bộ, tổ chức đảng và các cuộc vận động. Hai tác giả cho rằng những điều chỉnh dưới thời Tập Cận Bình có nhiều yếu tố tiếp nối giai đoạn trước, đồng thời tăng trọng lượng của sự lãnh đạo thông qua tổ chức đảng [66, tr.200-202, 215-217]. Koss giải thích sự phát triển tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân bằng việc sử dụng lại và điều chỉnh các hình thức tổ chức đã có trong lịch sử [63]. Những công trình này đặt trọng tâm vào cơ chế vận hành, không chỉ vào tên gọi hoặc số lượng chính đảng.

Trong nghiên cứu mác xít, vấn đề đảng cầm quyền được xem xét gắn với tính chất giai cấp của quyền lực nhà nước và vai trò của quần chúng nhân dân. C. Mác và Ph. Ăngghen đặt hoạt động của những người cộng sản trong lợi ích chung của phong trào vô sản [35, tr.98-99]. V.I. Lênin chú trọng năng lực tổ chức sau khi giành chính quyền, đặc biệt là việc sử dụng cán bộ, chuyên gia và kiểm tra công việc [33]. Vì thế, sự tồn tại của một chính đảng trong bộ

máy cầm quyền chưa giải thích đầy đủ mục đích và phương thức sử dụng quyền lực của đảng đó.

Ở Việt Nam, Trần Khắc Việt phân tích phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền trong quan hệ mật thiết, đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm của đảng đối với Nhà nước. Sự khác biệt được thể hiện rõ hơn ở việc lãnh đạo thể chế hóa đường lối và bố trí nhân sự chủ chốt của cơ quan nhà nước [59]. Cách giải thích này phù hợp với bối cảnh một đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Nó không phải định nghĩa có thể áp dụng nguyên trạng cho mọi đảng tham gia chính phủ ở các chế độ khác.

Trong học thuật Trung Quốc, Lưu Hồng Lãm và Đàm Nhã Đan phân tích quyền cầm quyền trong quan hệ với quyền lãnh đạo. Hai tác giả nhấn mạnh tính chính trị của quyền cầm quyền, đồng thời đặt ra yêu cầu hợp pháp và đúng thủ tục. Quyền lãnh đạo không trực tiếp thay thế thẩm quyền của cơ quan nhà nước; chủ trương và phương án nhân sự cần được thực hiện qua thủ tục xác định [86, tr.70-72]. Ưông Sĩ Khải tiếp cận cùng vấn đề từ khả năng tổ chức quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và xã hội, gắn quản trị với lợi ích công và quyền của công dân [96, tr.28-31].

Sự khác biệt giữa các cách tiếp cận nằm ở đối tượng, câu hỏi và căn cứ giải thích. Nghiên cứu về liên minh chính phủ chú ý việc phân chia chức vụ và ảnh hưởng chính sách. Nghiên cứu mác xít nhấn mạnh quan hệ giai cấp, mục tiêu xã hội và trách nhiệm của chính đảng đối với nhân dân. Nghiên cứu về Đảng Cộng sản Trung Quốc còn chú ý sự lãnh đạo toàn diện, cầm quyền lâu dài và tương tác giữa quy định của Đảng với pháp luật nhà nước. Tuy nhiên, giữa các hướng nghiên cứu vẫn có những vấn đề chung: tuyển chọn cán bộ, tổ chức thực thi, giới hạn thẩm quyền và kiểm soát quyền lực.

Các nghiên cứu Trung Quốc cũng đặt vấn đề đổi mới phương pháp nghiên cứu. Vu Hồng Quân và Doãn Tuấn khảo sát 4.467 công trình được CNKI thu nhận trong thời kỳ từ tháng 11-2012 đến tháng 6-2020. Hai tác giả

nhận thấy sự phổ biến của nghiên cứu quy phạm, đồng thời lưu ý hạn chế về nghiên cứu thực chứng [105, tr.5-7]. Nhận xét này cho thấy việc xuất phát từ nền tảng lý luận mác xít không loại trừ yêu cầu khảo sát tài liệu, tổ chức và hoạt động cụ thể. Những khẳng định về bản chất, mục tiêu của đảng cần được phân biệt với bằng chứng về cách thức thực hiện trong từng thời kỳ.

2.2. PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO VÀ PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC - CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ

2.2.1. Sự phát triển lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc

Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn gắn liền với sự vận động lịch sử của quốc gia này trong thế kỷ XX. Lý luận này được bổ sung trong quá trình cách mạng, xây dựng chính quyền và cải cách, mở cửa. Các vấn đề về quan hệ Đảng - Nhà nước, tổ chức cán bộ và pháp luật được đặt ra trong những điều kiện lịch sử khác nhau [42, tr.11-13].

Trong thời kỳ cách mạng và những năm đầu xây dựng chính quyền, tổ chức, vận động quần chúng là nội dung nổi bật của phương thức lãnh đạo. Nguyễn Huy Quý chỉ ra sự tập trung cao độ trong lãnh đạo tại các vùng giải phóng và việc tổ chức đảng kiêm nhiệm nhiều công việc quân sự, chính quyền, đoàn thể. Sau năm 1949, các hình thức tổ chức quyền lực nhà nước và hợp tác chính trị được xây dựng, nhưng quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng với hoạt động của chính quyền vẫn có những biến động [42, tr.11-12]. Bởi vậy, không thể đồng nhất toàn bộ lịch sử lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc với một phương thức duy nhất.

Đặng Tiểu Bình kế thừa nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, nhưng phát triển lý luận phương thức cầm quyền theo hướng thích ứng với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong thời bình. Ông khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện bảo đảm ổn định chính trị, song đồng thời nhấn mạnh yêu cầu cải cách

thể chế để nâng cao hiệu quả quản trị. Theo khảo cứu của Nguyễn Huy Quý, cải cách thể chế lãnh đạo được đặt ra cùng với yêu cầu khắc phục tập trung quyền lực quá mức và phân rõ công việc của Đảng với công việc của chính quyền. Sự phân định này gắn với việc khôi phục nguyên tắc lãnh đạo tập thể và tăng cường pháp chế [42, tr.12-13].

Tư tưởng Ba đại diện gắn việc xây dựng Đảng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, văn hóa và lợi ích căn bản của đông đảo nhân dân. Điều lệ Đảng Cộng sản Trung Quốc ghi nhận tư tưởng này trong hệ thống tư tưởng chỉ đạo. Cùng với việc mở rộng cơ sở xã hội, Điều lệ vẫn xác định tính chất đội tiên phong của giai cấp công nhân. Do đó, sự điều chỉnh về đại diện xã hội không đồng nghĩa với việc văn kiện chính thức từ bỏ tính chất giai cấp của Đảng [20].

Trong thời kỳ Hồ Cẩm Đào, xây dựng năng lực cầm quyền được đặt trong yêu cầu cầm quyền khoa học, dân chủ và theo pháp luật. Quan điểm phát triển khoa học nhấn mạnh phát triển lấy con người làm gốc, toàn diện và bền vững. Những nội dung này được hệ thống hóa trong tư tưởng chỉ đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc [20]. Cầm quyền được gắn với việc giải quyết nhiệm vụ phát triển và tổ chức quyền lực theo quy tắc, thay vì chỉ đề cập địa vị của đảng trong hệ thống chính trị.

Tập Cận Bình tiếp tục phát triển lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện mới. Báo cáo Đại hội XX đặt việc hoàn thiện thể chế lãnh đạo toàn diện trong quan hệ với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển dân chủ nhân dân toàn quá trình và quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện. Lãnh đạo chính trị, tổ chức thực hiện và kiểm soát quyền lực được trình bày như những nội dung có quan hệ với nhau [10].

Tiến trình phát triển lý luận thể hiện sự thay đổi trọng tâm theo nhiệm vụ lịch sử. Vấn đề vận động quần chúng và tổ chức cách mạng được tiếp nối bằng yêu cầu quản lý nhà nước, cải cách thể chế và xây dựng năng lực cầm

quyền lâu dài. Những hình thức đã có không mất đi hoàn toàn khi hình thức mới xuất hiện. Chúng được điều chỉnh và sử dụng trong quan hệ với pháp luật, bộ máy và đội ngũ cán bộ. Đây cũng là điểm mà nghiên cứu lịch sử thể chế về doanh nghiệp nhà nước và tổ chức đảng tại doanh nghiệp tư nhân chú ý [63; 66, tr.215-217].

2.2.2. Cơ sở chính trị, pháp lý về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc

2.2.2.1. Cơ sở chính trị

Cơ sở chính trị của phương thức lãnh đạo, cầm quyền được xác lập trong Điều lệ và các văn kiện của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Điều lệ năm 2022 quy định tính chất của Đảng, mục tiêu, tư tưởng chỉ đạo và nguyên tắc tập trung dân chủ. Sự lãnh đạo được thực hiện đối với các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế và xã hội, gắn với chức năng của từng tổ chức. Cũng trong Điều lệ, Đảng phải hoạt động trong phạm vi Hiến pháp và pháp luật, đồng thời bảo đảm các cơ quan nhà nước và tổ chức có liên quan thực hiện chức trách của mình [20].

Báo cáo Đại hội XX xác định yêu cầu thống nhất giữa sự lãnh đạo của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân và quản lý đất nước theo pháp luật. Trong cách tiếp cận chính thức của Trung Quốc, ba nội dung này thuộc cùng quá trình xây dựng chính trị xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo không được diễn giải chỉ bằng vị trí của tổ chức, mà còn gắn với trách nhiệm thực hiện mục tiêu phát triển và bảo đảm dân sinh [10]. Đó là căn cứ chính trị để xem xét việc ban hành chủ trương và tổ chức thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu.

2.2.2.2. Cơ sở pháp lý

Về cơ sở pháp lý, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật và thiết chế nhà nước. Hiến pháp Trung Quốc khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Điều 1 Hiến pháp, sau sửa đổi năm 2018, quy định sự lãnh đạo của

Đảng Cộng sản Trung Quốc là đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Điều 2 xác định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Điều 5 yêu cầu các chính đảng và tổ chức tuân thủ Hiến pháp, pháp luật [18].

Pháp luật nhà nước và quy định nội bộ Đảng khác nhau về chủ thể ban hành, đối tượng điều chỉnh và trách nhiệm phát sinh. Quy định của Đảng điều chỉnh tổ chức đảng, đảng viên và hoạt động lãnh đạo theo phạm vi xác định. Pháp luật quy định thẩm quyền của cơ quan nhà nước, quyền, nghĩa vụ của tổ chức và công dân. Khi một hành vi đồng thời vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật, trách nhiệm kỷ luật không loại trừ trách nhiệm pháp lý. Sự phối hợp giữa hai hệ quy phạm không làm mất sự khác nhau về căn cứ và thủ tục áp dụng [18; 20; 86, tr.71-72].

Về tổ chức quyền lực, Hiến pháp quy định địa vị và thẩm quyền của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Quốc vụ viện, cơ quan giám sát, tòa án và viện kiểm sát. Hoạt động lãnh đạo phải gắn với việc các thiết chế này thực hiện quyền hạn được giao. Quy định về lãnh đạo toàn diện vì vậy không thể được hiểu thành việc tổ chức đảng trực tiếp ban hành mọi quyết định quản lý, xét xử hoặc giám sát nhà nước [18; 20].

2.3. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC XÁC LẬP VÀ TRIỂN KHAI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

2.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển

Về cơ sở thực tiễn, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc gắn chặt với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và những yêu cầu quản trị trong từng giai đoạn lịch sử. Từ sau cải cách mở cửa, Trung Quốc chuyển sang phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, kéo theo những biến đổi sâu sắc về cơ cấu xã hội, lợi ích và quan hệ quyền lực. Điều đó đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh phương thức lãnh đạo, cầm quyền theo hướng nâng cao năng lực quản trị, tăng cường thể chế và kiểm soát quyền lực.

Theo quan điểm duy vật lịch sử, tổ chức quyền lực chính trị có quan hệ với cơ sở kinh tế và sự biến đổi của cơ cấu xã hội. Sự phát triển của thị trường, các hình thức sở hữu và phân công lao động làm xuất hiện những quan hệ lợi ích đa dạng. Đảng cầm quyền phải tổ chức việc nhận diện, điều hòa và giải quyết các quan hệ ấy. Uông Sĩ Khải phân tích sự biến đổi kinh tế và nhu cầu tham gia chính trị như những điều kiện của quá trình phát triển dân chủ nhân dân toàn quá trình ở Trung Quốc [97, tr.31-34].

Quy mô dân số, chênh lệch phát triển giữa các vùng và mức độ phân hóa xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến cách tổ chức thực hiện chính sách. Một nhiệm vụ đặt ra chung trên phạm vi quốc gia có thể đòi hỏi biện pháp khác nhau ở đô thị, nông thôn hoặc địa bàn khó khăn.

2.3.2. Cấu trúc hệ thống chính trị và mức độ hoàn thiện pháp luật

Cấu trúc hệ thống chính trị quy định những con đường mà một đảng có thể sử dụng để thực hiện mục tiêu. Trong hệ thống có liên minh chính phủ, sự phân chia chức vụ và thỏa thuận giữa các đảng ảnh hưởng đến phạm vi thực thi chính sách. Trong điều kiện một đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước và xã hội, quan hệ giữa tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, giữa Trung ương và địa phương có ý nghĩa trực tiếp [18; 73, tr.566-568]. Sự giống nhau về mục tiêu chính trị không làm mất những khác biệt này.

Pháp luật xác định thẩm quyền, trình tự quyết định và trách nhiệm công vụ. Mức độ rõ ràng của các quy định ảnh hưởng đến khả năng phân công, phối hợp và kiểm tra. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo, yêu cầu hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật là căn cứ xử lý quan hệ giữa lãnh đạo chính trị với chức trách nhà nước [59; 86, tr.71-72].

2.3.3. Tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ và quan hệ với nhân dân

Phương thức lãnh đạo được thực hiện thông qua tổ chức và con người cụ thể. Trình độ lý luận, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và đạo đức của cán bộ ảnh hưởng đến việc hình thành chủ trương cũng như kết quả thực

hiện. V.I. Lênin đặt yêu cầu học cách quản lý, sử dụng người có chuyên môn và kiểm tra việc chấp hành trong điều kiện đảng nắm chính quyền [33]. Do đó, sự thống nhất về tổ chức cần đi cùng năng lực giải quyết công việc.

Quan hệ với nhân dân ảnh hưởng đến chất lượng thông tin và khả năng tổ chức thực hiện. Chủ trương có thể không phản ánh đúng thực tế khi thông tin chỉ đi theo báo cáo hành chính hoặc nhu cầu của cơ sở không được tiếp nhận. Sự tham gia của nhân dân còn gắn với giám sát việc sử dụng quyền lực và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trách nhiệm phục vụ nhân dân được đặt ngay trong yêu cầu xây dựng đảng cầm quyền [37]. Cách tổ chức tiếp xúc, đối thoại, kiểm tra và giải quyết kiến nghị vì vậy là bộ phận của phương thức lãnh đạo, cầm quyền.

2.3.4. Môi trường quốc tế và điều kiện khoa học - công nghệ

Quan hệ quốc tế ảnh hưởng đến mục tiêu, nguồn lực và điều kiện thực hiện chính sách. Hợp tác kinh tế, cạnh tranh công nghệ và những vấn đề an ninh đòi hỏi sự phối hợp giữa nhiều lĩnh vực. Trong Báo cáo Đại hội XX, Đảng Cộng sản Trung Quốc gắn phát triển với an ninh và đặt nhiệm vụ tăng cường năng lực khoa học, công nghệ trong chương trình hiện đại hóa [10]. Vị thế và mức độ tham gia kinh tế quốc tế của mỗi nước khác nhau, nên yêu cầu tổ chức lãnh đạo cũng không hoàn toàn giống nhau.

Công nghệ số làm thay đổi tốc độ thu nhận thông tin, phương thức điều hành và khả năng cung cấp dịch vụ công. Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ phụ thuộc vào chất lượng dữ liệu, năng lực cán bộ và quy định về trách nhiệm. Dữ liệu tập trung có thể hỗ trợ phối hợp, nhưng sai lệch trong dữ liệu hoặc áp dụng chỉ tiêu máy móc vẫn có thể làm sai quyết định. Khảo cứu của Koss về tổ chức đảng trong khu vực doanh nghiệp cho thấy công nghệ mới được sử dụng cùng những hình thức tổ chức đã có, chứ không tự thay thế chúng [63].

Tiểu kết chương 2

Lãnh đạo và cầm quyền là hai phương diện có quan hệ hữu cơ trong hoạt động của đảng cộng sản. Lãnh đạo thể hiện ở việc xác lập đường lối, tổ chức lực lượng và định hướng hành động của các chủ thể xã hội. Cầm quyền gắn trực tiếp với việc lãnh đạo tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Sự khác biệt tập trung ở căn cứ quyền hạn, tư cách chủ thể, loại quyết định và trách nhiệm phát sinh. Một chính đảng tham gia cầm quyền không nhất thiết nắm toàn bộ quyền lực nhà nước trong mọi chế độ chính trị.

Trong lý luận Mác - Lênin, hoạt động của đảng cộng sản gắn với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Khi nắm chính quyền, trách nhiệm chính trị ấy được đặt trong yêu cầu tổ chức thực tiễn, quản lý công việc và kiểm soát việc sử dụng quyền lực. Lãnh đạo bằng đường lối, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, nêu gương và kiểm tra có liên hệ với các hoạt động thể chế hóa, tổ chức bộ máy và thực thi chính sách. Vai trò lãnh đạo của Đảng không xóa bỏ chức năng của Nhà nước hoặc quyền tham gia của nhân dân.

Các cách tiếp cận nghiên cứu có sự khác nhau về đối tượng và trọng tâm giải thích. Nghiên cứu các đảng trong nền dân chủ nghị viện thường chú ý chức vụ, liên minh và ảnh hưởng chính sách. Nghiên cứu mác xít đặt vấn đề cầm quyền trong quan hệ giai cấp, mục tiêu xã hội và vai trò quần chúng. Đối với Trung Quốc, sự lãnh đạo toàn diện và cầm quyền lâu dài được xem xét cùng quan hệ Đảng - Nhà nước - xã hội. Những khác biệt đó không loại trừ các vấn đề chung về tổ chức, trách nhiệm và giới hạn quyền lực.

Phương thức lãnh đạo, cầm quyền chịu ảnh hưởng của trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cấu trúc thể chế, chất lượng cán bộ, quan hệ với nhân dân và môi trường quốc tế. Công nghệ làm thay đổi công cụ hoạt động nhưng không thay thế trách nhiệm chính trị, pháp lý của các chủ thể. Trong trường hợp Trung Quốc, Điều lệ Đảng và Hiến pháp cùng xác lập vai trò lãnh đạo, đồng thời quy định chức trách của hệ thống công quyền. Sự thống nhất giữa lãnh đạo chính trị và tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước được bảo đảm bằng những cơ chế cụ thể, không phải bằng sự đồng nhất Đảng với Nhà nước.

Chương 3

PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2025

3.1. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2025

3.1.1. Bối cảnh quốc tế

3.1.1.1. *Những biến đổi của bối cảnh chính trị thế giới*

Bối cảnh chính trị thế giới trong giai đoạn 2012-2025 có những biến đổi sâu sắc, tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Báo cáo Đại hội XX nhận định môi trường quốc tế có nhiều biến động và đặt vấn đề kết hợp phát triển với an ninh. Trong nhận thức chính thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc, những biến động đó liên quan đến việc xác lập mục tiêu dài hạn và tổ chức ứng phó với rủi ro [10].

Thứ nhất, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, đặc biệt là cạnh tranh Mỹ - Trung, làm gia tăng áp lực đối với việc hoạch định đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại. Điều này đòi hỏi Đảng Cộng sản Trung Quốc phải tăng cường năng lực lãnh đạo chiến lược, nâng cao hiệu quả điều phối giữa phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh quốc gia và mở rộng ảnh hưởng quốc tế. Các nhiệm vụ này được đặt trong chương trình tăng cường phối hợp giữa kinh tế, khoa học - công nghệ và an ninh nêu tại Đại hội XX [10].

Tác động của bối cảnh quốc tế đến phương thức lãnh đạo thể hiện ở yêu cầu điều phối những lĩnh vực trước đây thường được xử lý theo chức năng riêng của từng cơ quan. Định hướng đối ngoại có liên hệ với hoạt động kinh tế và phát triển công nghệ. Phương án cải cách năm 2018 chuyển Tiểu tổ lãnh đạo công tác đối ngoại Trung ương thành Ủy ban Công tác đối ngoại Trung

ương. Sự điều chỉnh về tổ chức tạo đầu mối lãnh đạo, phối hợp công tác đối ngoại ở cấp Trung ương Đảng [5].

Toàn cầu hóa bước vào giai đoạn điều chỉnh với xu hướng gia tăng bảo hộ, phân tách chuỗi cung ứng và cạnh tranh công nghệ. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng tăng cường năng lực tự chủ chiến lược, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế. Đây là những yêu cầu được phản ánh trong phần về phát triển và an ninh của Báo cáo Đại hội XX [10].

3.1.1.2. Cạnh tranh công nghệ

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển nhanh của chuyển đổi số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi phương thức quản trị quốc gia. Đối với Trung Quốc, yêu cầu tự chủ khoa học - công nghệ được đặt cùng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và phát triển nhân lực. Báo cáo Đại hội XX dành nội dung riêng cho giáo dục, khoa học, công nghệ và nhân tài [10].

Một trong những lĩnh vực quan trọng trong cạnh tranh Mỹ-Trung giai đoạn 2015-2022 là công nghệ cao gồm bán dẫn, AI, 5G, Internet of Things, năng lượng sạch. Sự liên hệ giữa nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng công nghệ đòi hỏi phối hợp giữa các cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp.

Cải cách năm 2023 thành lập Ủy ban Khoa học và công nghệ Trung ương, đồng thời tổ chức lại Bộ Khoa học và công nghệ. Ủy ban thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, xem xét các chiến lược và vấn đề lớn; chức năng văn phòng được giao cho Bộ Khoa học và công nghệ [6]. Tổ chức này phân biệt cấp xác định chủ trương với cơ quan thực hiện công việc quản lý. Cạnh tranh công nghệ vì thế có liên hệ cụ thể với việc điều chỉnh cơ chế lãnh đạo và phân công trong bộ máy nhà nước, chứ không chỉ với sự gia tăng đầu tư.

3.1.1.3. Xu hướng đa cực hóa và mở rộng hợp tác quốc tế

Sự thay đổi tương quan giữa các trung tâm kinh tế, chính trị làm cho quan hệ quốc tế có thêm nhiều hình thức hợp tác và cạnh tranh. Trong Báo

cáo Đại hội XX, Đảng Cộng sản Trung Quốc đặt hoạt động đối ngoại trong yêu cầu thúc đẩy hợp tác quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia. Văn kiện đồng thời đề cập việc xây dựng quan hệ đối tác, hợp tác đa phương và phát triển hợp tác Vành đai và Con đường [10]. Những định hướng này liên quan đến hoạt động của cơ quan ngoại giao, bộ quản lý kinh tế, chính quyền địa phương và doanh nghiệp.

Bối cảnh quốc tế trong giai đoạn nghiên cứu đặt Trung Quốc trước những áp lực lớn, từ cạnh tranh chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ, cạnh tranh công nghệ cao đến các thách thức an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, biến đổi khí hậu và an ninh năng lượng. Tuy nhiên, sự dịch chuyển của trật tự quốc tế theo hướng đa cực cũng mở ra những cơ hội chiến lược để Trung Quốc nâng cao vị thế. Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất nhằm nâng cao năng lực phản ứng chính sách và khả năng thích ứng của hệ thống chính trị. Cơ chế điều phối công tác đối ngoại được quy định trong cải cách năm 2018 là một biểu hiện về mặt tổ chức của yêu cầu đó [5].

3.1.2. Bối cảnh trong nước

3.1.2.1. Mục tiêu phát triển của Trung Quốc

Mục tiêu phát triển đặt ra yêu cầu tổ chức thực hiện vượt ra ngoài một nhiệm kỳ hoặc một ngành quản lý. Báo cáo Đại hội XX xác định nhiệm vụ xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa hiện đại và nêu các mục tiêu đến năm 2035, giữa thế kỷ XXI. Những nội dung về phát triển chất lượng cao, khoa học - công nghệ, dân sinh và bảo vệ môi trường được đặt trong cùng chương trình phát triển [10].

Trong các văn kiện chính trị, Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định mục tiêu “Hai trăm năm” như một lộ trình chính trị - phát triển. Mốc đầu tiên là năm 2021, hoàn thành công cuộc xây dựng “xã hội khá giả toàn diện” (全面建成小康社会), và mốc thứ hai là năm 2049, kỷ niệm 100 năm thành lập

nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, với mục tiêu trở thành cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa. Báo cáo Đại hội XX tổng kết mục tiêu thứ nhất và xác định nhiệm vụ tiếp tục thực hiện mục tiêu thứ hai [10].

Đời sống kinh tế - xã hội cũng làm thay đổi yêu cầu đối với tổ chức lãnh đạo. Nhiệm vụ giảm nghèo gắn với chênh lệch phát triển giữa các vùng và khả năng tiếp cận dịch vụ công. Sự phát triển của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước đặt ra vấn đề tổ chức đảng và quan hệ lao động trong những hình thức sở hữu khác nhau. Đối với bộ máy nhà nước, yêu cầu đặt ra là kết hợp chỉ đạo thống nhất với biện pháp phù hợp từng địa bàn. Chính sách hỗ trợ theo đối tượng trong giảm nghèo và việc xây dựng tổ chức đảng tại doanh nghiệp là hai biểu hiện khác nhau của quá trình này [57, tr.32-33; 63].

3.1.2.2. Yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền

Trong giai đoạn 2012-2017, các sáng kiến chính trị, chương trình kinh tế và cải cách thể chế của ông dần được hệ thống hóa trong các bài phát biểu, văn bản của Đảng và nhà nước. Nhân dịp Đại hội XIX, Tư tưởng Tập Cận Bình lần đầu được đưa vào Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng. Điều lệ được sửa đổi tại Đại hội XX tiếp tục xác định nội dung này trong hệ thống tư tưởng chỉ đạo [20].

Việc đưa Tư tưởng Tập Cận Bình vào Điều lệ xác định căn cứ tư tưởng cho hoạt động của tổ chức đảng. Điều này đồng nghĩa với việc mọi đảng viên và tổ chức Đảng đều phải học tập, quán triệt và vận dụng tư tưởng đó trong thực tiễn. Công tác giáo dục lý luận, xây dựng tổ chức, cán bộ và kiểm tra được đặt trong yêu cầu thực hiện Điều lệ và các nghị quyết của Đảng [20].

Báo cáo Đại hội XX đặt ra yêu cầu tiếp tục quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, khắc phục quan liêu, hình thức và những hành vi làm tổn hại lợi ích của nhân dân. Văn kiện đồng thời thừa nhận các nguy cơ trong điều kiện cầm quyền lâu dài còn tồn tại [10]. Yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm

quyền vì thế xuất phát từ cả nhiệm vụ phát triển đất nước và những vấn đề trong tổ chức thực hiện, sử dụng quyền lực.

Quan điểm lãnh đạo toàn diện giữ vị trí trung tâm trong Tư tưởng Tập Cận Bình, khẳng định rằng Đảng Cộng sản Trung Quốc thực hiện sự lãnh đạo ở tất cả các cấp và trên mọi lĩnh vực: từ kinh tế, ngoại giao, quốc phòng, an ninh, văn hóa, giáo dục cho tới hệ thống pháp quyền và các tổ chức quần chúng. Điều lệ năm 2022 yêu cầu Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm các cơ quan nhà nước thực hiện chức trách của mình [20].

Cầm quyền khoa học, dân chủ và theo pháp luật được đặt trong yêu cầu quyết định có căn cứ, tiếp nhận ý kiến nhân dân và thực hiện đúng thẩm quyền. Quyết định Trung ương năm 2014 về quản lý đất nước theo pháp luật xác định việc lãnh đạo lập pháp, bảo đảm chấp hành pháp luật và gương mẫu tuân thủ pháp luật. Phân công giữa cơ quan đảng và cơ quan nhà nước là một bộ phận của việc thực hiện yêu cầu đó [4].

Trong yêu cầu hiện đại hóa quản trị quốc gia, việc nắm quyền không chỉ dừng lại ở duy trì địa vị chính trị, mà phải gắn liền với năng lực quản lý, để giải quyết các vấn đề xã hội. Quan hệ giữa Nhà nước và xã hội, việc cung cấp dịch vụ công và bảo đảm quyền của công dân được Uông Sĩ Khải xem là những nội dung của quản trị quốc gia Trung Quốc [96, tr.28-31].

3.2. PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2025 - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.2.1. Lãnh đạo bằng công tác chính trị

Phương thức lãnh đạo bằng công tác chính trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc trước hết thể hiện ở việc Trung ương Đảng xác lập và thống nhất những định hướng chiến lược lớn cho toàn bộ tiến trình phát triển đất nước trong “thời đại mới”. Từ sau Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh yêu cầu kiên trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, kiên trì con đường chủ nghĩa

xã hội đặc sắc Trung Quốc và thúc đẩy mục tiêu xây dựng toàn diện đất nước xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa. Các định hướng này được trình bày trong báo cáo chính trị tại Đại hội XX [10].

Phương thức lãnh đạo bằng công tác chính trị được thực hiện chủ yếu thông qua Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Bộ Chính trị, đồng thời được cụ thể hóa bằng hoạt động của các tiểu tổ lãnh đạo trung ương và sau đó là các ủy ban trung ương phụ trách các lĩnh vực trọng yếu. Việc mở rộng vai trò của các thiết chế này cho thấy phương thức lãnh đạo chính trị không dừng ở cấp định hướng nghị quyết, mà được tổ chức thành các cơ chế điều phối xuyên ngành, giúp Trung ương Đảng giữ vai trò trực tiếp hơn trong xử lý các vấn đề phức tạp. Cải cách năm 2018 xác định việc tổ chức lại các tiểu tổ lãnh đạo về cải cách, an ninh mạng, tài chính - kinh tế và đối ngoại thành các ủy ban Trung ương [5].

Đến năm 2023, cơ chế lãnh đạo đối với tài chính và khoa học - công nghệ tiếp tục được điều chỉnh. Ủy ban Tài chính Trung ương được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thiết kế tổng thể, phối hợp và giám sát việc triển khai đối với lĩnh vực tài chính. Ủy ban Khoa học và công nghệ Trung ương được giao xem xét chiến lược, quy hoạch và các vấn đề lớn về khoa học - công nghệ [6]. Hai trường hợp này cho thấy chủ trương lãnh đạo được thực hiện thông qua thiết chế có đối tượng công việc và chức năng xác định.

công tác chính trị trong phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc giai đoạn này được biểu hiện tập trung ở ba điểm: một là, xác lập mục tiêu phát triển lớn; hai là, định hướng thứ tự ưu tiên chính sách; ba là, tổ chức các thiết chế điều phối để bảo đảm sự thống nhất trong toàn hệ thống.

3.2.2. Lãnh đạo bằng công tác tư tưởng

Công tác tư tưởng tiếp tục là một phương thức lãnh đạo có vị trí đặc biệt quan trọng. Đảng Cộng sản Trung Quốc coi công tác tư tưởng là phương thức bảo đảm sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong toàn Đảng, đồng thời tạo nền tảng đồng thuận chính trị trong xã hội [10; 20].

Một nội dung nổi bật của công tác tư tưởng trong giai đoạn này là việc hệ thống hóa và thể chế hóa Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới vào Điều lệ Đảng tại Đại hội XIX và tiếp tục được củng cố tại Đại hội XX [20].

Công tác tư tưởng được triển khai thông qua một hệ thống thiết chế tương đối đầy đủ, trong đó nổi bật là Ban Tuyên truyền Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, hệ thống trường đảng, các viện nghiên cứu lý luận, các cơ quan báo chí - xuất bản, hệ thống giáo dục chính trị và mạng lưới tuyên truyền trong toàn bộ hệ thống chính trị [5]. Trong cải cách năm 2018, Ban Tuyên truyền Trung ương được giao thống nhất quản lý công tác báo chí, xuất bản và điện ảnh. Trường Đảng Trung ương và Học viện Hành chính quốc gia được tổ chức lại theo một cơ cấu chung [5].

Ở bình diện thực tiễn, công tác tư tưởng còn gắn với việc bảo vệ tính chính thống của hệ tư tưởng và củng cố vai trò của Đảng trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, truyền thông và không gian mạng. Báo cáo Đại hội XX xác định việc vận dụng chủ nghĩa Mác gắn với thực tiễn Trung Quốc và văn hóa truyền thống. Đây là nội dung của quan điểm Trung Quốc hóa, thời đại hóa chủ nghĩa Mác được sử dụng trong công tác lý luận và giáo dục chính trị [10].

Công tác tư tưởng tác động chủ yếu bằng giáo dục, thuyết phục và tổ chức sinh hoạt chính trị. Những hoạt động này hướng đến nhận thức, thái độ và hành động của đảng viên, quần chúng. Chúng không làm phát sinh thẩm quyền quản lý nhà nước cho cơ quan tuyên truyền hoặc trường đảng. Khi một chủ trương cần được thực hiện bằng quyết định hành chính, cơ quan nhà nước vẫn phải ban hành và tổ chức thi hành theo thẩm quyền.

3.2.3. Lãnh đạo bằng đạo đức và nêu gương

Từ sau Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu chỉnh đốn tác phong, phản đối chủ nghĩa hình thức, quan liêu, hưởng lạc và xa hoa. Việc thực hiện “tám quy định” và đấu tranh chống bốn biểu

hiện về tác phong là những biểu hiện rõ nét của phương thức lãnh đạo bằng đạo đức và nêu gương trong thực tiễn. Ở đây, vấn đề đạo đức không chỉ được hiểu là phẩm chất cá nhân theo nghĩa thông thường, mà là chuẩn mực sử dụng quyền lực, chuẩn mực tác phong công vụ và chuẩn mực hành vi chính trị của cán bộ lãnh đạo. Tám quy định được Bộ Chính trị thông qua ngày 4/12/2012, gồm các yêu cầu cụ thể về khảo sát thực tế, hội họp, văn bản, đi công tác và tiết kiệm [11].

Yêu cầu xây dựng Đảng về đạo đức gắn với việc chuẩn mực hóa hành vi sử dụng quyền lực, trong đó trọng tâm là kiểm soát tác phong, nâng cao trách nhiệm chính trị và tăng cường tính gương mẫu của đội ngũ cán bộ lãnh đạo [11; 20].

Trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu và đội ngũ lãnh đạo chủ chốt được nhấn mạnh như một yêu cầu quan trọng trong chỉnh đốn Đảng. Tám quy định áp dụng trước hết đối với Bộ Chính trị. Cách xác định đối tượng như vậy đặt trách nhiệm thay đổi tác phong từ cấp lãnh đạo, không chỉ yêu cầu cán bộ cấp dưới chấp hành [11].

Quy định về cán bộ cơ sở nông thôn sửa đổi năm 2025 cụ thể hóa yêu cầu liêm chính trong những quan hệ gần với đời sống dân cư. Văn bản đề cập việc sử dụng quyền hạn, quản lý tài sản và tiền của tập thể, thực hiện chính sách hỗ trợ và quan hệ với người dân [8]. Nêu gương ở đây gắn với hành vi thực hiện nhiệm vụ, không chỉ với lời tuyên bố hoặc phong trào tuyên truyền. Trách nhiệm đạo đức được đặt cùng trách nhiệm tổ chức và pháp lý.

lãnh đạo bằng đạo đức và nêu gương trong giai đoạn này được thể hiện ở chỗ Đảng sử dụng chuẩn mực đạo đức chính trị, tác phong công vụ và trách nhiệm nêu gương như những phương tiện để định hướng cách thức sử dụng quyền lực.

3.2.4. Lãnh đạo bằng công tác tổ chức và cán bộ

Trong toàn bộ phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, công tác tổ chức và cán bộ tiếp tục giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là

phương thức trực tiếp chuyển hóa đường lối, chủ trương và ý chí chính trị của Đảng thành năng lực tổ chức thực thi trong toàn bộ hệ thống đảng - nhà nước - xã hội [5; 20].

Từ sau Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc tăng cường công tác cán bộ theo hướng vừa đề cao tiêu chuẩn chính trị, vừa nhấn mạnh năng lực thực thi. Trong tuyển chọn, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, tiêu chuẩn chính trị tiếp tục được đặt ở vị trí hàng đầu, đồng thời gắn với yêu cầu liêm chính, trách nhiệm và kết quả công tác [20].

Về thiết chế, công tác tổ chức và cán bộ được triển khai chủ yếu thông qua Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, hệ thống các ban tổ chức các cấp, cơ chế quản lý cán bộ theo cấp bậc, cùng các quy trình đánh giá, đào tạo, luân chuyển và kỷ luật cán bộ. Việc chuyển Cục Công chức quốc gia vào Ban Tổ chức Trung ương năm 2018 làm thay đổi đầu mối quản lý công chức, trong khi những thủ tục tuyển dụng, đánh giá và sử dụng công chức vẫn phải tuân thủ pháp luật [5].

Ở khu vực doanh nghiệp, Leutert và Eaton ghi nhận việc tăng sử dụng luân chuyển và kiêm nhiệm chức vụ trong hệ thống quản lý doanh nghiệp nhà nước. Các tác giả xem đây là sự điều chỉnh những công cụ tổ chức đã có, không phải sự hình thành hoàn toàn mới của vai trò lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế [66, tr.210-213]. Sự thay đổi nhân sự và cơ chế tổ chức được thực hiện trong quan hệ với nhiệm vụ quản lý vốn, tài sản và hoạt động của doanh nghiệp.

Đảng Cộng sản Trung Quốc mở rộng sự hiện diện tổ chức sang khu vực tư nhân. Trong điều kiện khu vực này phát triển, tổ chức đảng được xây dựng tại những môi trường có quan hệ sở hữu, quản lý và lao động khác với cơ quan hành chính. Koss phân tích quá trình này qua sự thích nghi của các hình thức tổ chức, phương thức liên kết đảng viên và nguồn lực hoạt động [63].

Sự phát triển của tổ chức đảng tại doanh nghiệp tư nhân thuộc phương thức lãnh đạo bằng tổ chức. Đảng viên làm việc trong doanh nghiệp chịu trách

nhiệm sinh hoạt và chấp hành kỷ luật đảng; doanh nghiệp vẫn là chủ thể có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật. Tổ chức đảng không làm thay đổi tự động loại hình sở hữu của doanh nghiệp. Điều 18 Luật Công ty sửa đổi năm 2023 quy định hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Trung Quốc trong công ty và điều kiện cần thiết cho hoạt động đó; Điều 3 xác định tư cách pháp nhân của công ty [55].

3.2.5. Lãnh đạo bằng kiểm tra, giám sát

Kiểm tra, giám sát là một phương thức lãnh đạo đặc biệt quan trọng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Từ sau Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc đẩy mạnh phương thức này theo hướng tăng cường kỷ luật tổ chức, kiểm soát quyền lực và phòng ngừa suy thoái trong nội bộ. Thiết chế trung tâm trong phương diện này là Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương, cùng với hệ thống ủy ban kiểm tra kỷ luật các cấp. Điều lệ năm 2022 xác định chức trách của các cơ quan kiểm tra kỷ luật và trách nhiệm chấp hành kỷ luật trong Đảng [20].

Từ sau Đại hội XVIII, các quy định về kiểm tra, giám sát và kỷ luật được bổ sung, sửa đổi. Điều lệ giám sát trong Đảng và hệ thống quy định về trách nhiệm tạo căn cứ cho việc kiểm tra tổ chức đảng, cán bộ và đảng viên. Quy định xử lý kỷ luật sửa đổi năm 2023 tiếp tục quy định các nhóm vi phạm về chính trị, tổ chức, liên chính, quan hệ với quần chúng, công tác và sinh hoạt [7]. Nội dung kiểm tra vì thế bao gồm cả việc chấp hành chủ trương và hành vi sử dụng quyền hạn.

Theo thông báo của Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương và Ủy ban Giám sát quốc gia được công bố tháng 1-2025, trong năm 2024 các cơ quan kiểm tra, giám sát đã lập 877.000 vụ việc và xử lý kỷ luật 889.000 người [54]. Số vụ việc và số người bị xử lý là hai đơn vị thống kê khác nhau. Kết quả này phản ánh hoạt động kiểm tra, xử lý trong năm, không phải số người bị kết án hình sự hoặc thước đo trực tiếp về tỷ lệ tham nhũng trong xã hội.

Việc kiểm tra còn gắn với sửa chữa sau phát hiện vi phạm. Các quy định về cán bộ cơ sở nông thôn năm 2025 xác định trách nhiệm giám sát đối với việc quản lý tiền, tài sản và tài nguyên của tập thể. Các yêu cầu về công khai, trách nhiệm và xử lý vi phạm được đặt trong quan hệ với quyền, lợi ích của người dân [8]. Cơ chế lãnh đạo bằng kiểm tra vì vậy cần được xem xét cả ở yêu cầu chấp hành và việc khắc phục hậu quả, không chỉ ở số lượng quyết định kỷ luật.

lãnh đạo bằng kiểm tra, giám sát của Đảng Cộng sản Trung Quốc được thể hiện ở việc tăng cường thiết chế kiểm tra kỷ luật, mở rộng phạm vi giám sát và biến hoạt động này thành một cơ chế thường xuyên của lãnh đạo đảng cầm quyền. Trách nhiệm của tổ chức đảng và trách nhiệm của cơ quan giám sát nhà nước được thực hiện theo những căn cứ khác nhau, dù có sự phối hợp trong xử lý một vụ việc [18; 20].

3.3. PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2025

Giai đoạn 2012-2025 đánh dấu sự điều chỉnh sâu sắc trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Tập Cận Bình. Nếu phương thức lãnh đạo nhấn mạnh định hướng chính trị, thì phương thức cầm quyền thể hiện ở cách thức Đảng tổ chức, vận hành và kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua các thiết chế và cơ chế thực thi cụ thể. Các hoạt động giới thiệu, bố trí và quản lý cán bộ được xem xét trong cùng nhóm công tác cán bộ nhà nước. Sự phân biệt với phương thức lãnh đạo tập trung ở việc chủ trương được thực hiện qua thẩm quyền, quy trình và quyết định của cơ quan công quyền.

3.3.1. Tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước

3.3.1.1. Cầm quyền thông qua kiểm soát vận hành bộ máy hành chính và điều phối quyền lực nhà nước

Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện rõ phương thức cầm quyền bằng việc kiểm soát chặt chẽ quá trình vận hành của bộ máy hành chính và điều

phối quyền lực nhà nước theo định hướng chính trị thống nhất từ Trung ương. Cải cách năm 2018 và năm 2023 quy định những đầu mối lãnh đạo của Đảng và điều chỉnh chức năng của các cơ quan thuộc Quốc vụ viện [5; 6].

Cơ chế điều phối này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Trung Quốc phải xử lý đồng thời các nhiệm vụ chiến lược dài hạn và các vấn đề quản trị đột xuất. Khi các mục tiêu chính trị - xã hội được chuyển thành chỉ tiêu quản trị cụ thể kèm thời hạn, bộ máy hành chính được đặt trong trạng thái tập trung nguồn lực theo nhiệm vụ ưu tiên, với sự ràng buộc về nhiệm vụ và tiến độ.

Trong giai đoạn nghiên cứu Trung Quốc liên tục thực hiện các đợt sắp xếp, tinh gọn và cải cách cơ cấu bộ máy Đảng và Nhà nước nhằm tăng cường sự lãnh đạo tập trung, tinh giản biên chế và hiện đại hóa quản trị quốc gia. Quá trình này được triển khai đồng bộ ở cả cấp Trung ương và địa phương. Các phương án cải cách xác định cơ quan chủ trì, nội dung chuyển giao chức năng và quan hệ giữa các cơ quan, thay vì chỉ nêu mục tiêu tinh gọn chung [5; 6].

Năm 2018, việc thành lập Ủy ban Giám sát quốc gia gắn với chuyển giao các chức năng giám sát, phòng chống tham nhũng từ một số cơ quan nhà nước. Cơ quan này do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc thành lập và chịu sự giám sát theo Hiến pháp. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương và Ủy ban Giám sát quốc gia làm việc theo cơ chế chung bộ máy, hai danh nghĩa và hai loại chức năng [5; 18]. Đây không phải việc xóa bỏ tư cách pháp lý của một trong hai cơ quan.

3.3.1.2. Đổi mới cơ chế quản trị hành chính

Trong giai đoạn 2012-2025, Đảng Cộng sản Trung Quốc duy trì và tăng cường nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất giữa lãnh đạo chính trị của Đảng và hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước thông qua cơ chế tích hợp giữa hệ thống Đảng và hệ thống hành chính nhà nước. Cơ chế này thể hiện ở việc các vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước ở nhiều cấp độ thường do cán bộ Đảng đảm nhiệm; các định hướng, quy định và văn kiện của Đảng có tác

động trực tiếp đến quá trình xây dựng chính sách, tổ chức thực thi và kiểm tra việc thực hiện chính sách trong bộ máy nhà nước. Cơ chế phối hợp và việc sắp xếp đầu mối được quy định trong phương án cải cách năm 2018 [5].

Từ sau Đại hội XVIII, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh yêu cầu kiên trì sự lãnh đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của Đảng. Khi nguyên tắc này được triển khai vào thực tiễn quản trị nhà nước, cơ chế nhân sự, cơ chế văn kiện Đảng và cơ chế điều phối dọc trở thành những kênh quan trọng để chuyển hóa sự lãnh đạo chính trị thành năng lực tổ chức thực thi trong bộ máy hành chính [5; 20].

Sự điều chỉnh đầu mối đảng không đồng nhất với việc chuyển mọi chức năng quản lý hành chính sang cơ quan đảng. Chẳng hạn, phương án năm 2023 giao Ủy ban Khoa học và công nghệ Trung ương nhiệm vụ lãnh đạo, xem xét các vấn đề lớn, còn Bộ Khoa học và công nghệ thực hiện công việc được giao trong hệ thống cơ quan nhà nước [6]. Phân định chủ thể quyết định giúp xác định trách nhiệm về chủ trương và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Bên cạnh cơ chế bố trí nhân sự, Đảng Cộng sản Trung Quốc thiết lập cơ chế ràng buộc trách nhiệm chính trị đối với người nắm giữ vị trí công quyền nhằm bảo đảm rằng quyền lực nhà nước không chỉ được sử dụng để ban hành mệnh lệnh, mà còn gắn với nghĩa vụ thực hiện mục tiêu và chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên. Các trách nhiệm này được cụ thể hóa trong quy định của Đảng và pháp luật về hoạt động công vụ [7; 20].

Cơ chế ràng buộc trách nhiệm chính trị vận hành thông qua việc gắn kết đánh giá cán bộ với kết quả thực hiện nhiệm vụ và với mức độ tuân thủ kỷ luật. Điều này tạo ra một cấu trúc trong đó trách nhiệm không chỉ được hiểu là trách nhiệm hành chính, mà còn là trách nhiệm chính trị trước tổ chức đảng. Trách nhiệm trước tổ chức đảng không thay thế trách nhiệm pháp luật đối với quyết định hành chính. Một cán bộ có thể phải chịu đồng thời hai loại trách nhiệm khi hành vi vi phạm thuộc cả hai phạm vi [7; 18].

3.3.1.3. Thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước trong doanh nghiệp

Nhà nước thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp thông qua cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ. Đây là quan hệ quản lý vốn và tài sản nhà nước, khác với quản lý hành chính đối với doanh nghiệp nói chung. Điều 168 và Điều 169 Luật Công ty sửa đổi năm 2023 quy định phạm vi công ty có vốn nhà nước và chủ thể thực hiện trách nhiệm của nhà đầu tư. Công ty có tư cách pháp nhân và tài sản riêng theo Điều 3 của Luật [55]. Vì vậy, doanh nghiệp nhà nước không được xếp đồng nhất với cơ quan hành chính.

Vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước được cụ thể hóa trong quy trình xem xét những vấn đề quản lý, kinh doanh quan trọng. Điều 170 Luật Công ty sửa đổi năm 2023 quy định tổ chức đảng đồng thời hỗ trợ cơ quan công ty thực hiện thẩm quyền theo pháp luật [55]. Quan hệ này khác với việc tổ chức đảng trực tiếp thay thế hội đồng quản trị hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 170 Luật Công ty năm 2023 quy định tổ chức Đảng Cộng sản Trung Quốc trong công ty có vốn nhà nước nghiên cứu, thảo luận các vấn đề lớn về kinh doanh, quản lý và hỗ trợ các cơ quan của công ty thực hiện quyền hạn theo pháp luật [55]. Quy định này xác lập quan hệ giữa hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng và hoạt động quyết định, điều hành của thiết chế doanh nghiệp. Việc thảo luận trong tổ chức đảng không thay thế quyết định thuộc thẩm quyền hội đồng quản trị hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Các nghiên cứu về quản trị doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc cho thấy vai trò lãnh đạo của Đảng được thực hiện thông qua sở hữu nhà nước, hệ thống quản lý cán bộ của Đảng, sự tham gia của tổ chức Đảng vào quá trình ra quyết định của doanh nghiệp và cơ chế giám sát nội bộ Đảng [66, tr.211-214]. Việc đưa công tác xây dựng Đảng vào điều lệ doanh nghiệp nhà nước,

cũng như duy trì cơ chế “hai chiều gia nhập, bổ nhiệm chéo” giữa tổ chức Đảng và bộ máy quản trị doanh nghiệp, phản ánh xu hướng thể chế hóa vai trò lãnh đạo của Đảng trong quản trị doanh nghiệp nhà nước [66, tr.211-214].

Quy định xử lý kỷ luật đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước được Quốc vụ viện ban hành năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 1/9/2024. Văn bản xác định đối tượng, hành vi vi phạm, hình thức xử lý và thủ tục áp dụng [41]. Trách nhiệm quản lý doanh nghiệp được cụ thể hóa theo vị trí và hành vi công vụ, không chỉ theo tư cách đảng viên.

3.3.2. Thể chế hoá cương lĩnh, đường lối của Đảng thành quy phạm pháp luật của nhà nước

Trong tiến trình phát triển nhà nước hiện đại của Trung Quốc, giai đoạn 2012-2025 ghi nhận những điều chỉnh trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, khi một trọng tâm là hoàn thiện cơ sở pháp lý và thể chế cho quyền lãnh đạo của Đảng. Cơ sở hiến định, pháp luật nhà nước và quy định của Đảng có những nội dung liên quan nhưng không đồng nhất về hiệu lực [18; 20].

Sửa đổi Hiến pháp năm 2018 bổ sung vào Điều 1 quy định về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sự bổ sung này phải được đặt cùng Điều 2 về quyền lực của nhân dân và Điều 5 về việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật [18]. Cơ sở hiến định của vai trò lãnh đạo được quy định cụ thể hơn, nhưng không có nghĩa thẩm quyền của cơ quan đảng thay thế thẩm quyền nhà nước.

Quá trình thể chế hóa bao gồm việc xây dựng, thẩm tra và ban hành văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Quyết định Trung ương năm 2014 về quản lý đất nước theo pháp luật đặt vấn đề lãnh đạo lập pháp, bảo đảm thực thi và gương mẫu tuân thủ pháp luật [4]. Chủ trương là căn cứ chính trị của quá trình này; văn bản quy phạm pháp luật phải được ban hành đúng trình tự. Pháp luật điều chỉnh tổ chức, công dân theo phạm vi của nó, không chỉ điều chỉnh đảng viên.

Một điểm đặc thù trong mô hình cầm quyền của Trung Quốc là sự tồn tại và tương tác giữa hai hệ quy phạm: quy định nội bộ Đảng và pháp luật nhà nước. Trong mô hình này, quy định nội bộ Đảng không chỉ điều chỉnh hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên, mà còn từng bước được xây dựng thành hệ thống quy phạm phục vụ việc thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Trong khi đó, pháp luật nhà nước điều chỉnh hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trong khuôn khổ quản trị quốc gia. Hai hệ quy phạm này không vận hành hoàn toàn tách biệt, mà có xu hướng liên kết, phối hợp và tác động lẫn nhau trong quá trình hoạch định chính sách, lập pháp và tổ chức thực thi chính sách [72]. Sự liên hệ đó không làm cho văn kiện nội bộ Đảng tự có hiệu lực như một đạo luật. Nội dung lãnh đạo và trách nhiệm pháp lý của cơ quan nhà nước cần được xác định trong từng quá trình lập pháp, thực thi cụ thể.

Trong quan điểm chính trị chính thức, nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, quản trị đất nước theo pháp luật” được xem là một chỉnh thể thống nhất trong diễn ngôn chính trị - pháp lý của Trung Quốc. Ba yếu tố này không được trình bày như các yếu tố cạnh tranh, mà như các thành tố bổ trợ cho nhau: sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò định hướng chính trị; nhân dân làm chủ được xác định là bản chất của nền chính trị xã hội chủ nghĩa; còn quản trị đất nước theo pháp luật là phương thức thể chế hóa và bảo đảm trật tự vận hành của quyền lực nhà nước [10].

Trường hợp giám sát nhà nước cho thấy rõ yêu cầu phân định này. Chức trách của ủy ban kiểm tra kỷ luật được xác lập theo Điều lệ Đảng. Địa vị và thẩm quyền của ủy ban giám sát được quy định trong Hiến pháp và pháp luật. Cơ chế chung bộ máy hỗ trợ phối hợp công việc, nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định thuộc thẩm quyền giám sát nhà nước phải có căn cứ tương ứng [5; 18; 20].

Luật Công ty sửa đổi năm 2023 và quy định xử lý người quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2024 tiếp tục cụ thể hóa một số quan hệ tổ chức, trách nhiệm trong lĩnh vực kinh tế [41; 55]. Như vậy, thể chế hóa không chỉ là ghi nhận vị trí của Đảng. Nó còn bao gồm việc xác lập chức năng, thủ tục và trách nhiệm của các chủ thể thực hiện quyền lực, quản lý nguồn lực công.

3.3.3. Thực thi các chính sách nhà nước

Thực thi chính sách được tiến hành qua hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước và qua những đợt huy động tập trung đối với nhiệm vụ ưu tiên. Hai cách tổ chức này có thể cùng tồn tại trong một lĩnh vực. Quản trị theo chiến dịch, thường được gọi là 运动式治理, nhấn mạnh sự huy động mạnh về tổ chức, nhân lực và trách nhiệm trong thời gian xác định. Thuật ngữ này khác với hoạch định chiến lược dài hạn [70, tr.623-627].

quản trị theo chiến dịch không chỉ là một kỹ thuật hành chính, mà là phương thức tổ chức thực thi chính sách dựa trên sự huy động tập trung của hệ thống Đảng, bộ máy nhà nước và các lực lượng xã hội trong những nhiệm vụ chính trị có tính ưu tiên. Nghiên cứu của Xuan Qin và Catherine Owen cho thấy trong quản trị theo chiến dịch, Đảng Cộng sản Trung Quốc giữ vai trò trung tâm trong quá trình thực thi chính sách; các tổ chức Đảng ở cơ sở không chỉ tham gia phối hợp với bộ máy hành chính, mà còn trực tiếp tổ chức, điều phối và huy động các nguồn lực xã hội để hoàn thành mục tiêu do cấp trên xác lập [70, tr.627-635]. Vì vậy, quản trị theo chiến dịch có thể được xem là biểu hiện của sự kết hợp giữa lãnh đạo chính trị và quản trị nhà nước, trong đó năng lực huy động, khả năng điều phối dọc và mức độ tuân thủ của hệ thống trở thành những tiêu chí quan trọng phản ánh năng lực cầm quyền.

3.3.3.1. Tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo

Cuộc chiến xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2013-2020 được tổ chức theo mục tiêu và thời hạn xác định. Chiến dịch này gắn với mục tiêu “xây dựng xã hội khá giả toàn diện” và hoàn thành “mục tiêu 100 năm lần thứ nhất”. Sách trắng năm

2021 của Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện công bố chuỗi số liệu dân cư nông thôn dưới chuẩn nghèo quốc gia trong các năm 2012-2020 [57, tr.13-14].

Bảng 3.1. Số người nghèo ở nông thôn Trung Quốc theo chuẩn quốc gia, 2012-2020

Năm	Số người nghèo (triệu người)
2012	98,99
2013	82,49
2014	70,17
2015	55,75
2016	43,35
2017	30,46
2018	16,60
2019	5,51
2020	0,00

Nguồn: Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc (2021), Sách trắng về giảm nghèo [57, tr.14].

Số liệu trong bảng phản ánh dân cư nông thôn theo chuẩn nghèo quốc gia được Sách trắng sử dụng. Con số bằng không vào cuối năm 2020 gắn với chuẩn và phạm vi đó, không đồng nghĩa không còn hộ có thu nhập thấp hoặc nguy cơ tái nghèo. Việc phân loại hộ, xác định nguyên nhân nghèo và lựa chọn biện pháp hỗ trợ là nội dung trực tiếp của tổ chức thực hiện [57, tr.13-14, 32-33].

Đặc điểm nổi bật của chiến dịch này là phương châm “chuẩn xác”, bao gồm xác định đúng đối tượng, thiết kế chính sách phù hợp và giám sát chống tái nghèo. Chính sách kết hợp hỗ trợ sản xuất, việc làm, di dời, giáo dục và bảo đảm an sinh tùy đối tượng. Việc xác định hộ được thực hiện qua đề nghị, xem xét, công khai và kiểm tra của các cấp [57, tr.32-33].

Chiến dịch này thể hiện rõ mô hình Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện và xã hội tham gia, trong đó các cấp chính quyền, doanh nghiệp nhà

nước và tổ chức xã hội đều tham gia vào quá trình thực thi. Việc điều động cán bộ đến cơ sở gắn trách nhiệm tổ chức với từng địa bàn, từng hộ thuộc diện hỗ trợ [57, tr.29-30].

3.3.3.2. Huy động lực lượng trong phòng, chống dịch COVID-19

Phản ứng của Trung Quốc trước đại dịch Covid-19 là một trường hợp của quản trị theo chiến dịch trong bối cảnh khủng hoảng. Các quyết định trung ương được thực thi nhanh chóng thông qua cơ chế chỉ đạo dọc, kết hợp với huy động tổ chức Đảng cơ sở để bảo đảm tuân thủ. Nghiên cứu của Qin và Owen cho thấy vai trò trung tâm của tổ chức Đảng cơ sở trong việc triển khai chính sách phòng dịch, kết hợp giữa quản lý thường nhật và huy động khẩn cấp [70, tr.627-635].

Khảo sát của Qin và Owen được thực hiện vào mùa hè năm 2021, gồm 37 cuộc phỏng vấn tại tám khu dân cư thuộc ba quận ở Thượng Hải. Những người được phỏng vấn bao gồm cán bộ ủy ban cư dân, người tham gia hỗ trợ chính quyền, đại diện đơn vị quản lý bất động sản, tình nguyện viên và cư dân [70, tr.622-623]. Các tổ chức cơ sở vừa thực hiện nhiệm vụ quản lý thường xuyên, vừa tiếp nhận nhiệm vụ huy động trong phòng dịch. Đây là trường hợp địa phương và thời điểm cụ thể, không phải một khảo sát đại diện cho toàn Trung Quốc trong toàn bộ đại dịch. Ngày 7/12/2022, cơ chế liên phòng, liên kiểm soát của Quốc vụ viện ban hành thông báo điều chỉnh các biện pháp phòng dịch. Văn bản yêu cầu xác định khu vực nguy cơ hẹp hơn, bảo đảm nhu cầu khám chữa bệnh và không tùy tiện hạn chế hoạt động bình thường của xã hội [13]. Sự thay đổi biện pháp đặt ra yêu cầu chuyển đồng thời mệnh lệnh chỉ đạo, cách tổ chức ở cơ sở và trách nhiệm cung cấp dịch vụ. Năng lực huy động trong một giai đoạn không thay thế khả năng điều chỉnh khi điều kiện đã thay đổi.

3.3.3.3. Trách nhiệm thực hiện và duy trì kết quả chính sách

Trong các chương trình có sự huy động tập trung, Trung ương xác lập mục tiêu và định hướng chính trị; địa phương tổ chức triển khai; toàn bộ hệ

thống được huy động; kết quả được tổng hợp và báo cáo theo tiêu chí thống nhất. Theo cơ chế này, ý chí chính trị của Trung ương được chuyển hóa thành hành động hành chính cụ thể thông qua mạng lưới tổ chức đảng - nhà nước liên kết chặt chẽ.

Một đặc điểm quan trọng của cơ chế vận hành là việc thiết lập các chỉ tiêu định lượng cụ thể làm căn cứ đánh giá, khen thưởng hoặc xử lý trách nhiệm. Tuy nhiên, việc nhấn mạnh thành tích định lượng cũng tiềm ẩn nguy cơ hình thức hóa kết quả, khi các địa phương có xu hướng ưu tiên hoàn thành chỉ tiêu hơn là bảo đảm chất lượng và tính bền vững của chính sách. Nghiên cứu về cơ sở tại Thượng Hải ghi nhận áp lực chỉ tiêu và khối lượng công việc đối với cán bộ ủy ban cư dân [70, tr.637-639].

Về tính bền vững, quản trị theo chiến dịch đặt ra yêu cầu cân bằng giữa khả năng huy động nhanh và việc thể chế hóa kết quả. Nếu thành quả của chiến dịch không được chuyển hóa thành quy trình ổn định và cơ chế pháp lý lâu dài, hệ thống có thể rơi vào tình trạng phụ thuộc vào các đợt huy động cường độ cao mà thiếu nền tảng quản trị thường xuyên. Thông báo thanh tra môi trường tại Ô Hải, Nội Mông, công bố ngày 23/6/2025, cho thấy vấn đề thực hiện sau quyết định xử phạt. Các doanh nghiệp luyện cốc tại đây đã bị xử phạt 64 lần từ năm 2022 do vi phạm liên quan đến ô nhiễm không khí, nhưng một số hành vi vẫn tiếp diễn. Thông báo xác định trách nhiệm chưa được thực hiện đầy đủ của địa phương, cơ quan chức năng và doanh nghiệp [12]. Trường hợp này cho thấy việc ban hành quyết định và xử lý vi phạm chưa khép lại trách nhiệm thực hiện chính sách.

3.3.4. Thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ của hệ thống chính trị, trong đó có đội ngũ công chức, viên chức nhà nước

Một điều kiện nền tảng để Đảng Cộng sản Trung Quốc thực thi quyền lực hiệu quả là năng lực kiểm soát nhân sự, được thể hiện qua hệ thống quản lý cán bộ với các khâu tuyển chọn, đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá và xử lý trách

nhiệm. Điều lệ Đảng quy định yêu cầu đối với cán bộ; cải cách năm 2018 điều chỉnh đầu mối quản lý công chức ở cấp Trung ương [5; 20].

Dưới thời Tập Cận Bình, hệ thống quản lý cán bộ có xu hướng tập trung hóa hơn và đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực thực thi. Các chiến dịch quy mô lớn trong giảm nghèo và phòng chống dịch bệnh đặt ra nhu cầu rõ rệt về năng lực điều hành, năng lực kiểm soát rủi ro và năng lực quản trị khủng hoảng. Trong bối cảnh đó, tiêu chuẩn năng lực chuyên môn và hiệu quả công tác được nhấn mạnh như một phần của yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ. Điều lệ năm 2022 đặt tiêu chuẩn chính trị cùng yêu cầu năng lực, trách nhiệm công tác và quan hệ với nhân dân [20].

Việc giới thiệu cán bộ của tổ chức đảng khác với quyết định bầu, phê chuẩn hoặc bổ nhiệm của cơ quan nhà nước. Đối với chức vụ nhà nước, thẩm quyền và thủ tục được xác định bằng Hiến pháp, pháp luật. Đảng viên được giao chức vụ thực hiện trách nhiệm công vụ với tư cách người có thẩm quyền; đồng thời chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng. Sự thống nhất trong công tác cán bộ không có nghĩa hai loại thủ tục là một [18; 86, tr.71-72].

Kiểm soát cán bộ không dừng ở việc đặt ra tiêu chuẩn tuyển chọn, mà được vận hành như một cơ chế thực thi chính trị gắn với giám sát, kỷ luật và luân chuyển. Trong cấu trúc quyền lực của Đảng Cộng sản Trung Quốc, các thiết chế tổ chức và kỷ luật có vai trò then chốt trong việc bảo đảm tuân thủ. Việc xử lý các hành vi tham nhũng và sai phạm ở nhiều cấp độ là một nội dung không thể tách rời khỏi cơ chế kiểm soát cán bộ, bởi nó vừa là biện pháp răn đe vừa là công cụ thanh lọc tổ chức. Các quy định về kỷ luật năm 2023 và trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2024 xác định những căn cứ xử lý trong phạm vi tương ứng [7; 41].

Cải cách năm 2018 chuyển Cục Công chức quốc gia vào Ban Tổ chức Trung ương, đồng thời giữ tên gọi để thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại. Những công việc về tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và chế độ công chức được

đặt dưới đầu mối mới [5]. Sự điều chỉnh này tăng liên hệ về tổ chức giữa công tác cán bộ của Đảng và quản lý công chức. Tuy vậy, quyết định công vụ vẫn cần căn cứ pháp luật về vị trí, nhiệm vụ và trách nhiệm.

Trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, cơ chế kiêm nhiệm và luân chuyển có quan hệ với kiểm soát tổ chức và nhiệm vụ quản lý vốn. Leutert và Eaton ghi nhận việc sử dụng các cơ chế này trong giai đoạn sau năm 2012 [66, tr.210-213]. Quy định xử lý người quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2024 tiếp tục xác định trách nhiệm đối với những người được đề cử, giới thiệu hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý [41]. Công tác cán bộ vì thế không kết thúc ở lựa chọn người, mà kéo dài trong quá trình thực hiện và kiểm tra nhiệm vụ.

Đối với cán bộ nông thôn, quy định năm 2025 yêu cầu thực hiện liên chính trong quản lý các công việc và nguồn lực gắn với cộng đồng [8]. Những nội dung này làm rõ mối liên hệ giữa tiêu chuẩn cán bộ và hành vi trong công việc hằng ngày. Trách nhiệm trước tổ chức cần được cụ thể hóa thành trách nhiệm đối với quyết định và lợi ích của người dân, tránh chỉ đánh giá qua báo cáo hoặc việc chấp hành hình thức.

3.4. THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

3.4.1. Thành tựu

3.4.1.1. Tăng cường tính thống nhất trong lãnh đạo chính trị và điều phối quyền lực

Từ sau Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh yêu cầu kiên trì và tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng như một nguyên tắc chính trị có tính bao trùm. Báo cáo Đại hội XX tiếp tục khẳng định yêu cầu hoàn thiện thể chế Đảng lãnh đạo toàn diện, xác định việc tăng cường vai trò điều phối của Trung ương Đảng là một định hướng chính trị - thể chế [10].

Một biểu hiện cụ thể của xu hướng trên là việc tăng cường vai trò của các thiết chế điều phối cấp cao của Đảng đối với những lĩnh vực trọng yếu. Trong cải cách năm 2018, một số tiểu tổ lãnh đạo trung ương trước đây được tổ chức lại hoặc nâng cấp thành các ủy ban trung ương, qua đó làm rõ hơn vai trò điều phối trực tiếp của Trung ương Đảng đối với các vấn đề liên ngành, liên cấp và có ý nghĩa chiến lược [5].

Việc tổ chức lại các cơ quan lãnh đạo được thực hiện đối với những nhiệm vụ có quan hệ liên ngành. Năm 2018, các tiểu tổ lãnh đạo về cải cách toàn diện, an ninh mạng, tài chính - kinh tế và đối ngoại được chuyển thành các ủy ban Trung ương. Đồng thời, Ủy ban Quản lý đất nước theo pháp luật toàn diện và Ủy ban Kiểm toán Trung ương được thành lập. Chức năng văn phòng của hai ủy ban này được giao cho Bộ Tư pháp và cơ quan kiểm toán nhà nước tương ứng [5]. Sự phân công đó nối hoạt động lãnh đạo chính trị với bộ máy chuyên môn, thay cho việc chỉ giao nhiệm vụ chung mà không xác định cơ quan thực hiện.

Cải cách năm 2023 tiếp tục điều chỉnh cơ chế phối hợp trong tài chính, khoa học và công nghệ. Ủy ban Tài chính Trung ương phụ trách thiết kế tổng thể và phối hợp những vấn đề lớn của lĩnh vực tài chính. Ủy ban Khoa học và công nghệ Trung ương xem xét chiến lược và các nhiệm vụ trọng điểm; Bộ Khoa học và công nghệ đảm nhiệm chức năng văn phòng [6]. Những thiết chế này có phạm vi công việc khác nhau. Tổ chức lãnh đạo ở cấp Trung ương Đảng không thay thế toàn bộ hoạt động quản lý chuyên ngành của Quốc vụ viện và các bộ.

Kết quả về tổ chức thể hiện ở việc xác định đầu mối lãnh đạo, cơ quan giúp việc và trách nhiệm phối hợp đối với từng lĩnh vực. Chủ trương chính trị được gắn với một cơ chế triển khai cụ thể. Trong các nhiệm vụ có nhiều cơ quan tham gia, việc xác định đầu mối có ý nghĩa đối với trao đổi thông tin, xử lý khác biệt về chức năng và theo dõi tiến độ. Tuy nhiên, hiệu quả phối hợp còn phụ

thuộc vào quy trình làm việc và sự thực hiện trách nhiệm của các cơ quan, không chỉ vào việc thành lập ủy ban. Phân công giữa tổ chức đảng và bộ máy chuyên môn vẫn là nội dung cần được bảo đảm trong quá trình vận hành [5; 6].

3.4.1.2. Nâng cao mức độ thể chế hóa vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Quá trình thể chế hóa trong giai đoạn 2012-2025 diễn ra trên cả phương diện tổ chức đảng và tổ chức quyền lực nhà nước. Quyết định Trung ương năm 2014 xác định yêu cầu lãnh đạo lập pháp, bảo đảm chấp hành pháp luật và gương mẫu tuân thủ pháp luật. Sửa đổi Hiến pháp năm 2018 bổ sung quy định về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Điều 1. Đây là sự bổ sung vào phần điều khoản của Hiến pháp, không phải lần đầu vai trò lãnh đạo của Đảng được đề cập trong văn bản hiến pháp [4; 18].

Sự ghi nhận vai trò lãnh đạo phải được đặt trong quan hệ với các quy định về quyền lực nhà nước. Điều 2 xác định quyền lực thuộc về nhân dân; Điều 5 yêu cầu các tổ chức và cá nhân tuân thủ Hiến pháp, pháp luật. Điều lệ Đảng năm 2022 cũng quy định Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm các cơ quan nhà nước thực hiện chức trách của mình [18; 20]. Cầm quyền theo pháp luật vì thế bao gồm cả trách nhiệm của tổ chức đảng trong lãnh đạo và trách nhiệm pháp lý của người thực hiện công vụ. Địa vị lãnh đạo không tạo ra một thẩm quyền hành chính chung cho mọi tổ chức đảng.

Cải cách giám sát năm 2018 là một thay đổi cụ thể về tổ chức thực hiện quyền lực. Ủy ban Giám sát quốc gia được xác lập trong cơ cấu cơ quan nhà nước. Cơ chế làm việc chung với Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương được quy định theo một bộ máy làm việc, hai tên cơ quan và hai chức trách [5; 18]. Chức trách kiểm tra kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên không đồng nhất với thẩm quyền giám sát nhà nước. Sự kết nối về tổ chức mở rộng khả năng phối hợp xử lý, nhưng không xóa bỏ căn cứ pháp lý riêng của mỗi loại quyết định.

Trong lĩnh vực kinh tế, Luật Công ty sửa đổi năm 2023 quy định cụ thể quan hệ giữa tổ chức đảng và cơ quan quản trị của công ty do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn hoặc nắm quyền kiểm soát. Điều 170 xác định tổ chức đảng nghiên cứu, thảo luận các vấn đề quản lý, kinh doanh quan trọng và hỗ trợ cơ quan công ty thực hiện thẩm quyền theo pháp luật. Các điều khoản về tư cách pháp nhân, đại diện chủ sở hữu, hội đồng quản trị và người quản lý vẫn được áp dụng [55]. Do đó, tổ chức đảng, cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản trị doanh nghiệp có quan hệ phối hợp nhưng không phải một chủ thể pháp lý.

Quy định xử lý người quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2024 bổ sung căn cứ về hành vi vi phạm, hình thức xử lý và thủ tục. Quy định đối với cán bộ nông thôn năm 2025 cụ thể hóa trách nhiệm trong những công việc gắn với cộng đồng [8; 41]. Những thay đổi này đưa yêu cầu về liêm chính, trách nhiệm từ nguyên tắc chung vào các quan hệ quản lý xác định. Mức độ thể chế hóa được thể hiện ở phạm vi điều chỉnh, loại hành vi và trách nhiệm của người có chức vụ. Việc thực hiện các quy định còn phụ thuộc vào kiểm tra, công khai và xử lý vi phạm trong từng cơ quan, địa phương.

3.4.1.3. Tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo theo đối tượng và địa bàn

Giảm nghèo là lĩnh vực thể hiện tương đối rõ sự kết hợp giữa định hướng chính trị và tổ chức thực hiện chính sách. Theo Sách trắng năm 2021 của Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện, số người nghèo ở nông thôn theo chuẩn quốc gia giảm từ 98,99 triệu người năm 2012 xuống mức không còn người dưới chuẩn trong thống kê cuối năm 2020. Cùng thời điểm, 832 huyện và 128.000 thôn ra khỏi diện nghèo [57, tr.13-14]. Kết quả này gắn với chuẩn nghèo và dân số nông thôn trong chương trình; không bao hàm việc xóa bỏ mọi thiếu hụt hoặc chênh lệch mức sống.

Thay đổi đáng chú ý trong tổ chức thực hiện là chuyển trọng tâm hỗ trợ đến từng hộ và nguyên nhân nghèo cụ thể. Việc xác định đối tượng qua đề

ngộ của hộ, xem xét tại địa phương, công khai và kiểm tra tạo căn cứ cho phân bổ nguồn lực. Biện pháp hỗ trợ được lựa chọn theo tình trạng sản xuất, việc làm, điều kiện cư trú, giáo dục và nhu cầu an sinh. Các nội dung xác định đúng đối tượng, lựa chọn dự án, sử dụng nguồn lực, phân công người giúp đỡ và kiểm tra kết quả được đặt trong cùng quá trình thực hiện [57, tr.32-33]. Chính sách vì vậy không chỉ được giao dưới dạng một chỉ tiêu giảm nghèo bình quân cho địa phương.

Cơ chế cán bộ thường trú gắn trách nhiệm của tổ chức với địa bàn thực hiện. Sách trắng công bố rằng từ năm 2013, hơn 3 triệu bí thư thứ nhất và thành viên các đội công tác đã được cử đến các thôn nghèo. Đây là số cán bộ được điều động trong quá trình triển khai, không phải số đội công tác hoặc số người cùng làm việc tại một thời điểm. Các tổ chức đảng cơ sở, chính quyền và cán bộ được cử xuống thôn cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ [57, tr.29-30]. Quan hệ giữa cấp trên và cơ sở được cụ thể hóa bằng người phụ trách và công việc hằng ngày, thay vì chỉ qua báo cáo định kỳ.

Nghiên cứu của Rui Li và các cộng sự công bố năm 2025 ước tính chương trình giảm nghèo nhiều hợp phần làm tăng thu nhập nông thôn khoảng 10,9% tại các huyện nghèo trọng điểm thuộc phạm vi nghiên cứu. Các tác giả xác định những kênh tác động liên quan đến phát triển sản xuất, nông nghiệp và cung cấp dịch vụ công; sự phù hợp với lợi thế địa phương có vai trò trong kết quả của chương trình [67]. Kết quả nghiên cứu này bổ sung bằng chứng về tác động của chính sách đối với thu nhập. Nó khác với số người ra khỏi diện nghèo trong thống kê quốc gia và không phải ước lượng riêng tác động của một cơ quan hoặc một biện pháp tổ chức.

Ở phương diện lãnh đạo, nhiệm vụ giảm nghèo được xác lập thành mục tiêu chính trị và trách nhiệm của các cấp ủy. Ở phương diện cầm quyền, mục tiêu đó được tổ chức bằng chính sách, nguồn lực, cán bộ và hoạt động kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền. Việc kết hợp hai phương diện được thể

hiện ngay trong phân loại hộ và lựa chọn hỗ trợ theo địa bàn. Điều kiện thụ hưởng của người dân là kết quả trực tiếp cần được duy trì. Sau khi hộ ra khỏi diện nghèo, nhu cầu về sinh kế, dịch vụ và phòng ngừa tái nghèo vẫn tồn tại [57, tr.29-33].

3.4.1.4. Cụ thể hóa kỷ luật, trách nhiệm cán bộ và mở rộng hoạt động kiểm tra

Từ sau Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh xây dựng Đảng toàn diện trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, tác phong và kỷ luật. Tám quy định được thông qua ngày 4/12/2012 tập trung vào những hành vi cụ thể như khảo sát cơ sở, tổ chức hội họp, ban hành văn bản, công tác đối ngoại và thực hành tiết kiệm [11]. Yêu cầu nêu gương của cán bộ lãnh đạo được gắn với tác phong trong công việc, không chỉ với lời cam kết về đạo đức.

Quy định xử lý kỷ luật Đảng sửa đổi năm 2023 tiếp tục xác định các nhóm hành vi vi phạm về chính trị, tổ chức, liêm chính, quan hệ với quần chúng, công tác và đời sống. Những nội dung này quy định trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên và căn cứ áp dụng kỷ luật [7]. Kiểm tra việc chấp hành được gắn với hành vi, mức độ và hậu quả, thay vì chỉ nhận xét chung về phẩm chất. Trong quan hệ với công vụ, cán bộ là đảng viên còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật nhà nước theo chức trách được giao.

Hoạt động kiểm tra, xử lý được triển khai trên phạm vi rộng. Theo số liệu năm 2024 được cơ quan kiểm tra kỷ luật, giám sát công bố tháng 1-2025, cả nước đã lập 877.000 hồ sơ vụ việc và xử lý kỷ luật 889.000 người [54]. Hai số liệu phản ánh hai đơn vị thống kê khác nhau. Số người bị kỷ luật không phải số người bị kết án hình sự, cũng không thể được dùng riêng để xác định tỷ lệ tham nhũng. Tuy nhiên, quy mô xử lý cho thấy kiểm tra và áp dụng trách nhiệm đã trở thành một bộ phận thường xuyên của hoạt động tổ chức, quản lý cán bộ.

Cơ chế kiểm soát còn được cụ thể hóa theo lĩnh vực. Quy định năm 2024 đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước đặt ra trách nhiệm trong quản lý

vốn, tài sản và thực hiện chức vụ. Quy định về cán bộ nông thôn năm 2025 chú trọng quản lý công việc, tài sản, nguồn lực của cộng đồng và quan hệ với người dân [8; 41]. Phạm vi trách nhiệm vì thế được xác định theo tính chất công việc. Việc đánh giá cán bộ có thêm căn cứ ngoài tiêu chuẩn chính trị chung và số lượng nhiệm vụ đã hoàn thành.

Đạo đức công vụ và kiểm soát bằng quy định có quan hệ hỗ trợ nhau. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu cầu giữ gìn sự trong sạch của đảng cầm quyền gắn với trách nhiệm phục vụ nhân dân. Các nghiên cứu về đảng mác xít cầm quyền lâu dài ở Trung Quốc cũng đặt vấn đề phòng ngừa sự tha hóa trong quá trình sử dụng quyền lực [37; 92, tr.2-4]. Những quy định về hành vi và trách nhiệm tạo cơ sở tổ chức cho yêu cầu ấy. Kết quả phòng ngừa lâu dài phụ thuộc vào việc thực hiện kỷ luật, pháp luật và giám sát trong từng quan hệ công vụ, chứ không chỉ ở số vụ đã xử lý.

3.4.2. Hạn chế

3.4.2.1. Gánh nặng công việc và biểu hiện thực hiện máy móc ở cấp cơ sở

Cấp cơ sở phải đồng thời thực hiện công việc thường xuyên và những nhiệm vụ huy động tập trung. Khảo sát của Qin và Owen tại Thượng Hải vào mùa hè năm 2021 ghi nhận áp lực đối với cán bộ ủy ban cư dân khi triển khai phòng dịch. Khối lượng công việc, yêu cầu báo cáo và trách nhiệm thực hiện tăng lên, trong khi lực lượng cơ sở vẫn phải giải quyết các nhu cầu của cộng đồng [70, tr.637-639]. Vướng mắc xuất hiện tại nơi tiếp xúc trực tiếp giữa yêu cầu quản lý và đời sống người dân. Việc giao thêm nhiệm vụ không tự tạo thêm nhân lực, thời gian hoặc chuyên môn cho cấp thực hiện.

Tình trạng tăng thêm biện pháp qua từng cấp chỉ đạo cũng được đề cập trong thông báo của cơ chế liên phòng, liên kiểm soát Quốc vụ viện ngày 7/12/2022. Văn bản yêu cầu không tùy tiện mở rộng khu vực nguy cơ, không hạn chế hoạt động xã hội trái với yêu cầu áp dụng và phải bảo đảm nhu cầu

khám chữa bệnh [13]. Những nội dung khắc phục cho thấy đã có khoảng cách giữa chính sách và cách tổ chức tại cấp thực hiện. Trách nhiệm chấp hành có thể bị hiểu thành việc áp dụng biện pháp nghiêm ngặt hơn, dù điều kiện cụ thể không đòi hỏi.

Ngoài ra, việc gắn kết chặt chẽ giữa chỉ tiêu chính trị và đánh giá cán bộ có thể tạo ra xu hướng ưu tiên hoàn thành mục tiêu định lượng hơn là bảo đảm chất lượng và hiệu quả thực chất của chính sách. Áp lực chỉ tiêu dễ làm cho hoạt động báo cáo lấn át công việc phục vụ, nhất là khi kết quả được xem xét chủ yếu theo tiến độ và số lượng nhiệm vụ. Nghiên cứu của Qin và Owen ghi nhận vấn đề này trong trường hợp cơ sở tại Thượng Hải [70, tr.637-639]. Sự phân công thiếu tương xứng giữa nhiệm vụ với điều kiện thực hiện làm giảm khả năng xử lý những tình huống phát sinh tại địa bàn.

3.4.2.2. Khó khăn trong phối hợp chức năng và xác định trách nhiệm thực hiện

Sự kết nối giữa cơ quan đảng, cơ quan nhà nước và tổ chức kinh tế làm tăng yêu cầu phân định trách nhiệm. Cải cách năm 2018 giao chức năng văn phòng của một số ủy ban Trung ương cho cơ quan nhà nước; trong doanh nghiệp, tổ chức đảng và cơ quan quản trị cùng tham gia quá trình xem xét những vấn đề quan trọng [5; 55]. Các quan hệ này khác nhau về chủ thể và thẩm quyền. Một quyết định thuộc trách nhiệm lãnh đạo không đồng nhất với quyết định hành chính hoặc quyết định của người đại diện chủ sở hữu.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, việc phân định đúng vai trò giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là nguyên tắc quan trọng nhằm tránh tình trạng chồng chéo chức năng hoặc bao biện làm thay [86, tr.71-72]. Trong phân tích về quan hệ giữa lãnh đạo và quyền cầm quyền, Lưu Hồng Lãm và Đàm Nhã Đan cũng nhấn mạnh thủ tục pháp lý và giới hạn của việc thực hiện quyền lực [86, tr.71-72]. Vướng mắc về trách nhiệm phát sinh khi công việc

được giao chung nhưng không xác định cơ quan có nghĩa vụ quyết định, tổ chức thực hiện và theo dõi kết quả.

Trường hợp Ô Hải, Nội Mông, cho thấy trách nhiệm sau xử phạt chưa được thực hiện đầy đủ. Thông báo thanh tra môi trường công bố ngày 23/6/2025 nêu việc các doanh nghiệp luyện cốc đã bị xử phạt 64 lần từ năm 2022 do vi phạm liên quan đến ô nhiễm không khí. Sai phạm vẫn tiếp diễn; thông báo xác định trách nhiệm chưa được thực hiện của địa phương, cơ quan chức năng và doanh nghiệp [12]. Vấn đề không dừng ở phát hiện hoặc ra quyết định xử phạt. Nó còn nằm ở việc buộc khắc phục, kiểm tra sau xử lý và xác định trách nhiệm khi hành vi lặp lại.

Sự không đầy đủ trong thực hiện trách nhiệm làm cho chỉ đạo và xử lý hành chính chưa đạt mục đích khắc phục. Cơ quan quản lý phải theo dõi đối tượng sau quyết định; doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ đã được xác định. Trách nhiệm lãnh đạo của cấp ủy không thay cho nghĩa vụ quản lý của cơ quan nhà nước hoặc nghĩa vụ chấp hành của doanh nghiệp. Thông báo tại Ô Hải cho thấy các trách nhiệm này cần được xử lý trong quan hệ với nhau, thay vì kết thúc bằng một báo cáo đã kiểm tra, đã xử phạt [12].

3.4.2.3. Sức ép duy trì kết quả chính sách sau giai đoạn huy động tập trung

Kết quả giảm nghèo cuối năm 2020 được xác định bằng việc ra khỏi chuẩn nghèo quốc gia. Trong khi đó, sinh kế của hộ còn phụ thuộc vào việc làm, năng lực sản xuất, sức khỏe và khả năng tiếp cận dịch vụ. Sách trắng trình bày đồng thời kết quả giảm nghèo và những biện pháp hỗ trợ theo nguyên nhân nghèo [57, tr.13-14, 32-33]. Sự tồn tại của những điều kiện này làm cho việc hoàn thành chỉ tiêu ở một thời điểm chưa kết thúc trách nhiệm của hệ thống thực hiện chính sách. Hỗ trợ ngắn hạn cần được nối với điều kiện phát triển lâu dài.

Nghiên cứu của Li và các cộng sự cho thấy tác động của chương trình phụ thuộc vào những hợp phần hỗ trợ và sự phù hợp với lợi thế địa phương [67]. Điều này đặt ra khó khăn đối với cách giao cùng một loại nhiệm vụ cho những địa bàn khác nhau. Nguồn lực, cơ cấu sản xuất và điều kiện hộ gia đình không đồng đều; duy trì kết quả đòi hỏi tiếp tục phân loại nhu cầu. Chỉ dựa vào việc hộ đã ra khỏi danh sách hỗ trợ sẽ bỏ sót những thay đổi trong khả năng tự bảo đảm đời sống.

Cách huy động tập trung còn tạo sức ép đối với hoạt động thường xuyên. Nhiệm vụ có thời hạn thường được ưu tiên nhân lực và kiểm tra; các công việc không được đưa thành chỉ tiêu trọng điểm có thể ít được chú ý hơn. Khảo sát về phòng dịch tại Thượng Hải ghi nhận sự đan xen giữa tổ chức thường xuyên và huy động theo nhiệm vụ [70, tr.627-639]. Khó khăn không chỉ là huy động đủ lực lượng trong thời gian ngắn, mà còn là duy trì dịch vụ, phân công và thông tin sau khi yêu cầu huy động thay đổi.

3.4.2.4. Vi phạm còn tiếp diễn và việc phòng ngừa tha hóa quyền lực còn nhiều khó khăn

Phạm vi kiểm tra và số người bị xử lý lớn không đồng nghĩa các nguyên nhân vi phạm đã được loại bỏ. Trong nội dung tổng kết tình hình đầu năm 2025, cơ quan kiểm tra kỷ luật, giám sát Trung Quốc tiếp tục xác định tình hình chống tham nhũng còn phức tạp; các vi phạm tồn đọng và mới phát sinh vẫn phải được xử lý [54]. Nhận định chính thức này cho thấy phòng ngừa và xử lý không phải một nhiệm vụ đã hoàn thành. Các quy định về kỷ luật chỉ có tác dụng khi được thực hiện trong những quan hệ sử dụng quyền lực cụ thể.

Một khó khăn là sự khác nhau giữa phát hiện hành vi đã xảy ra và ngăn ngừa điều kiện làm phát sinh hành vi. Việc xử phạt lặp lại tại các doanh nghiệp luyện cốc ở Ô Hải cho thấy xử lý nhiều lần vẫn có thể đi cùng tình trạng chưa khắc phục [12]. Đối với cán bộ, doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý, trách nhiệm theo dõi sau xử lý có ý nghĩa trực tiếp. Thiếu công khai kết

quả khắc phục và kiểm tra việc thực hiện, quyết định xử lý khó bảo đảm thay đổi hành vi lâu dài.

Trong các nghiên cứu về đảng mác xít cầm quyền lâu dài, nguy cơ xa rời nhân dân và suy giảm sự trong sạch được đặt trong quan hệ với việc sử dụng quyền lực và tự chỉnh đốn [92, tr.2-4]. Quy định về kỷ luật Đảng, về người quản lý doanh nghiệp nhà nước và cán bộ nông thôn lần lượt xác định trách nhiệm trong những phạm vi khác nhau [7; 8; 41]. Nhiệm vụ còn đặt ra là gắn kiểm tra nội bộ với công khai, trách nhiệm pháp lý và khả năng giám sát của người dân. Không một hình thức giám sát riêng lẻ nào bao quát được toàn bộ những quan hệ đó.

3.4.3. Một số vấn đề đặt ra

3.4.3.1. Phân định chức năng lãnh đạo với thẩm quyền và trách nhiệm nhà nước

Quan hệ giữa Đảng và Nhà nước cần được cụ thể hóa trong quy trình giải quyết công việc. Tổ chức đảng xác định định hướng và thực hiện trách nhiệm lãnh đạo; cơ quan nhà nước quyết định theo thẩm quyền hiến định, pháp luật. Trong cơ chế dùng chung bộ máy, văn bản cần xác định cơ quan ban hành, căn cứ áp dụng và trách nhiệm thực hiện. Sự phối hợp chỉ rõ ràng khi người tham gia biết mình hành động với tư cách nào và chịu trách nhiệm về phần việc nào [5; 18; 86, tr.71-72].

Đối với công tác cán bộ, khâu chuẩn bị, giới thiệu nhân sự phải được phân biệt với bầu, phê chuẩn hoặc bổ nhiệm vào chức vụ nhà nước. Đối với giám sát, kỷ luật đảng khác với xử lý theo thẩm quyền giám sát và tố tụng. Đối với doanh nghiệp, tổ chức đảng, đại diện chủ sở hữu và hội đồng quản trị thực hiện chức năng theo căn cứ riêng [18; 20; 55]. Làm rõ những quan hệ này có ý nghĩa trong phân công công việc và trong xử lý trường hợp không thực hiện trách nhiệm.

Sự lãnh đạo toàn diện không loại bỏ sự phân công về chuyên môn và thẩm quyền. Điều lệ Đảng Cộng sản Trung Quốc yêu cầu bảo đảm các cơ quan nhà nước thực hiện chức trách một cách chủ động, có trách nhiệm [20]. Vì vậy, hoàn thiện phương thức cầm quyền gắn với việc xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo, đồng thời khắc phục cả làm thay và buông lỏng việc kiểm tra tổ chức thực hiện. Trường hợp Ô Hải đặt vấn đề theo dõi đến kết quả khắc phục, không dừng ở việc cơ quan đã ban hành quyết định [12].

3.4.3.2. Kết hợp chỉ đạo thống nhất với điều kiện thực hiện ở cơ sở

Chỉ đạo thống nhất cần gắn với phân công tương xứng về nhân lực, kinh phí, chuyên môn và thời gian. Cấp cơ sở không thể giải quyết công việc chỉ bằng việc tiếp nhận thêm chỉ tiêu. Khối lượng nhiệm vụ phải được đặt trong quan hệ với điều kiện địa bàn và năng lực tổ chức hiện có. Áp lực được ghi nhận trong khảo sát tại Thượng Hải cho thấy sự cần thiết của cơ chế điều chỉnh nhiệm vụ và hỗ trợ người trực tiếp thực hiện [70, tr.637-639].

Trong nguyên tắc tập trung dân chủ, sự thống nhất về quyết định gắn với thông tin, thảo luận và trách nhiệm của tổ chức. Thông tin từ cơ sở có ý nghĩa đối với việc xác định một biện pháp còn phù hợp hay đã tạo ra tác động ngoài dự kiến. Thông báo điều chỉnh phòng dịch ngày 7/12/2022 đặt vấn đề không tùy tiện tăng thêm biện pháp và bảo đảm hoạt động thiết yếu [13]. Cơ chế phản hồi cần cho phép những khó khăn đó được phản ánh kịp thời, thay vì chỉ tổng hợp mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

Sự chủ động của địa phương cũng phải có giới hạn thẩm quyền và trách nhiệm. Hỗ trợ theo nguyên nhân nghèo đòi hỏi biện pháp khác nhau giữa các hộ, nhưng vẫn phải tuân thủ chuẩn xác định đối tượng, công khai và kiểm tra. Quy định đối với cán bộ nông thôn năm 2025 tiếp tục đặt trách nhiệm trong công việc gắn với quần chúng [8; 57, tr.32-33]. Phân công phù hợp vì thế không đồng nghĩa giao việc rồi để cơ sở tự chịu mọi khó khăn; nó bao gồm cả hỗ trợ và kiểm tra việc sử dụng quyền hạn.

3.4.3.3. Gắn kiểm soát quyền lực với thực hiện quyền làm chủ của nhân dân

Kiểm soát quyền lực phải theo đến việc thực hiện quyết định và khắc phục hậu quả. Việc công khai nội dung phải làm, cơ quan chịu trách nhiệm và thời hạn hoàn thành giúp người dân có căn cứ theo dõi. Trong trường hợp vi phạm lặp lại, cần xác định cả trách nhiệm của đối tượng bị xử lý và trách nhiệm của cơ quan quản lý. Thông báo thanh tra môi trường tại Ô Hải đã đặt vấn đề ở cả địa phương, cơ quan chức năng và doanh nghiệp [12].

Quyền làm chủ bao gồm sự tham gia vào công việc chung và giám sát việc sử dụng quyền lực. Uông Sĩ Khải đặt nội dung này trong quan hệ giữa quyền lực của nhân dân với các hình thức tham gia vào quản lý công việc nhà nước, xã hội, kinh tế và văn hóa [97, tr.29-31]. Điều kiện thực hiện không chỉ là có quy định về tham gia, mà còn là có thông tin, cơ quan tiếp nhận và trách nhiệm trả lời. Những công việc liên quan trực tiếp đến đời sống ở cơ sở cần được công khai theo phạm vi và thủ tục tương ứng [8].

Từ quan niệm mác xít về vai trò chủ thể của nhân dân, hoạt động giám sát không thể chỉ coi người dân là nguồn cung cấp phản ánh. Ý kiến của họ cần được xem xét trong quyết định và trong việc sửa chữa sai sót. Trách nhiệm trước tổ chức và trách nhiệm đối với nhân dân cùng gắn với kết quả công vụ. Sự kết hợp giữa kiểm tra của Đảng, giám sát nhà nước và giám sát xã hội đòi hỏi xác định rõ phạm vi từng hình thức và cách chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền [96, tr.28-31; 97, tr.29-31].

3.4.3.4. Duy trì kết quả phát triển bằng hoạt động quản lý và dịch vụ thường xuyên

Kết quả của nhiệm vụ trọng điểm cần được duy trì sau giai đoạn huy động tập trung. Trong giảm nghèo, yêu cầu đó gắn với việc làm, sản xuất và dịch vụ cơ bản; trong môi trường, đó là chấp hành thường xuyên và khắc phục vi phạm; trong quản lý cán bộ, đó là thực hiện công vụ đúng trách nhiệm. Các

công việc này có nhịp độ và điều kiện khác nhau, không thể chỉ tổ chức bằng những đợt vận động có thời hạn [12; 57, tr.32-33; 67].

Việc giao mục tiêu cần đi cùng phân công duy trì kết quả. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm dịch vụ và nguồn lực theo chức năng. Cán bộ cơ sở cần được hỗ trợ để cập nhật tình hình người dân và xử lý nhu cầu phát sinh. Kiểm tra cần chú trọng thay đổi trong đời sống và việc thực hiện nghĩa vụ, thay vì lặp lại các chỉ tiêu đầu vào như số cuộc họp hoặc số văn bản. Yêu cầu này xuất phát từ khoảng cách giữa quyết định quản lý với thực hiện đã bộc lộ trong phòng dịch và bảo vệ môi trường [12; 13].

Điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội và cách tổ chức quyền lực chi phối việc vận dụng từng phương thức. Sự kết hợp giữa lãnh đạo chính trị, pháp luật và hoạt động của nhân dân không có một hình thức bất biến. Trong quan hệ giữa phương thức với kết quả phát triển, trách nhiệm tổ chức thực hiện và khả năng sửa chữa sai sót là những nội dung không thể tách rời. Đây cũng là yêu cầu đặt ra đối với đảng mác xít cầm quyền trong quan hệ với Nhà nước và xã hội [86, tr.71-72; 92, tr.3-4].

Tiểu kết chương 3

Giai đoạn 2012-2025 ghi nhận sự điều chỉnh phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc gắn với yêu cầu phát triển đất nước và những thay đổi của môi trường quốc tế. Lãnh đạo bằng công tác chính trị tiếp tục thể hiện ở xác lập mục tiêu, chủ trương và tổ chức điều phối. Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, nêu gương và kiểm tra được gắn với yêu cầu thực hiện các quyết định của Đảng. Những thay đổi về tổ chức năm 2018 và năm 2023 xác định thêm các đầu mối lãnh đạo và cơ quan giúp việc trong những lĩnh vực liên ngành [5; 6; 10; 20].

Phương thức cầm quyền được thực hiện qua tổ chức bộ máy nhà nước, thể chế hóa chủ trương, quản lý cán bộ và tổ chức chính sách. Sửa đổi Hiến pháp năm 2018, cải cách giám sát và các quy định về doanh nghiệp, cán bộ làm rõ thêm căn cứ tổ chức, trách nhiệm trong những phạm vi cụ thể. Cơ quan đảng và cơ quan nhà nước có quan hệ phối hợp nhưng không đồng nhất về thẩm quyền. Sự phân biệt này cũng tồn tại giữa tổ chức đảng, đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản trị trong doanh nghiệp [5; 18; 41; 55].

Kết quả giảm nghèo nông thôn đến cuối năm 2020 phản ánh sự kết hợp giữa mục tiêu chính trị với chính sách theo đối tượng, phân công cán bộ và huy động nguồn lực. Hoạt động kiểm tra, xử lý kỷ luật được triển khai thường xuyên, đi cùng việc bổ sung quy định về hành vi và trách nhiệm. Tuy nhiên, sức ép nhiệm vụ ở cơ sở, việc tự ý tăng thêm biện pháp trong phòng dịch và tình trạng vi phạm môi trường lặp lại cho thấy khoảng cách giữa chỉ đạo với thực hiện. Quy mô huy động hoặc số vụ xử lý không thay thế được việc duy trì sinh kế, dịch vụ và khắc phục vi phạm [12; 13; 54; 57, tr.13-14, 29-33; 70, tr.637-639].

Những vấn đề còn đặt ra tập trung vào phân định trách nhiệm, kết hợp chỉ đạo thống nhất với điều kiện cơ sở, bảo đảm sự tham gia của nhân dân và duy trì kết quả bằng hoạt động quản lý thường xuyên. Theo yêu cầu của đảng mác xít cầm quyền, tổ chức quyền lực gắn với trách nhiệm phục vụ nhân dân và phòng ngừa sự tha hóa. Việc hoàn thiện phương thức vì thế phải giải quyết cả quan hệ trong tổ chức đảng, quan hệ với Nhà nước và quan hệ với các chủ thể xã hội [86, tr.71-72; 92, tr.3-4; 96, tr.28-31].

Chương 4

NHỮNG GIÁ TRỊ GỢI MỞ TỪ NGHIÊN CỨU PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT CỦA PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4.1.1. Điểm tương đồng phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam

Thứ nhất, tương đồng về bản chất giai cấp công nhân, nền tảng tư tưởng và tính chất chính trị của đảng cầm quyền.

Là hai chính đảng của giai cấp công nhân, được hình thành và phát triển trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ buổi đầu thành lập, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân, đồng thời đại diện trước hết cho mục tiêu, lý tưởng và lợi ích của giai cấp này. Cho đến nay, mặc dù đã trải qua hơn nửa thế kỷ với nhiều biến động sâu sắc của thực tiễn phát triển, đặt ra không ít thách thức và yêu cầu mới đối với việc nhận thức và xác định nền tảng tư tưởng cũng như bản chất giai cấp, song bản chất giai cấp công nhân và cơ sở lý luận của hai đảng về cơ bản vẫn được giữ vững và không thay đổi. Thực tiễn và lý luận cách mạng của hai đảng, hai quốc gia tiếp tục khẳng định một cách rõ ràng và nhất quán rằng nền tảng tư tưởng Mác-xít và bản chất giai cấp công nhân của hai đảng vẫn được bảo toàn. Những biến động trong nước và quốc tế, những thay đổi cả trong nội bộ Đảng cũng như trong cơ cấu đội ngũ đảng viên hiện nay không làm suy giảm mà trái lại còn góp phần củng cố, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và làm rõ hơn cơ sở tư tưởng, lý luận của hai đảng.

Hai Đảng cầm quyền - Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam có sự tương đồng về nền tảng tư tưởng và tính chất chính trị. Đảng

Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đều xác lập nguồn gốc tư tưởng trong truyền thống Mác-xít và đều tự xác định mình là lực lượng tiên phong chính trị gắn với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và lợi ích quốc gia - dân tộc. Hiến pháp Việt Nam năm 2013 xác định “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam; lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” [40, tr.2]. Trong “Toàn văn báo cáo trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, Đảng Cộng sản Trung Quốc khẳng định “kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin” và khẳng định rằng: trong thập kỷ qua, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, lý luận ba đại diện và quan điểm khoa học về phát triển; thực hiện đầy đủ tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong kỷ nguyên mới. Đảng Cộng sản Trung Quốc hiểu sâu sắc rằng chỉ bằng cách kết hợp các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác với thực tiễn đặc thù của Trung Quốc và với nền văn hóa truyền thống xuất sắc của Trung Quốc, đồng thời kiên định với chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, chúng ta mới có thể trả lời đúng đắn những vấn đề lớn do thời đại và thực tiễn đặt ra, và duy trì sức sống mãnh liệt của chủ nghĩa Mác. Việc duy trì và phát triển chủ nghĩa Mác phải gắn liền với thực tiễn đặc thù của Trung Quốc. Việc Đảng Cộng sản Trung Quốc lấy chủ nghĩa Mác làm kim chỉ nam có nghĩa là áp dụng thể giới quan và phương pháp luận khoa học của nó để giải quyết các vấn đề của Trung Quốc, chứ không chỉ đơn thuần là ghi nhớ và lặp lại những kết luận và câu nói cụ thể của nó, và chắc chắn không phải coi chủ nghĩa Mác như một giáo điều bất biến. Từ thực tiễn thành tựu đổi mới và phát triển đất nước một trăm năm, Đảng Cộng sản Trung Quốc khẳng định: Chúng ta phải giữ vững niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác và lòng kiên định không lay chuyển vào chủ nghĩa xã

hội đặc sắc Trung Quốc, củng cố niềm tin vào con đường, lý luận, hệ thống và văn hóa của chúng ta, và đóng góp mới cho sự phát triển của chủ nghĩa Mác với trách nhiệm lịch sử chủ động hơn và tinh thần sáng tạo. Chúng ta không được cứng nhắc và bảo thủ, cũng không được sao chép và bắt chước một cách mù quáng mà không hiểu [77].

Như vậy, điểm tương đồng cơ bản giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc là đều xác lập nền tảng tư tưởng Mác-xít, đồng thời đều nhấn mạnh vai trò tiên phong chính trị của Đảng Cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân. Tuy nhiên, sự tương đồng này không đồng nghĩa với sự đồng nhất về cấu trúc hệ tư tưởng hay cách thức vận dụng lý luận. Ở Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được xác định là nền tảng tư tưởng của Đảng; trong khi ở Trung Quốc, bên cạnh việc tiếp tục khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin trong hệ thống tư tưởng chỉ đạo, Đảng Cộng sản Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh quá trình Trung Quốc hóa và thời đại hóa chủ nghĩa Mác, tức vận dụng thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể của Trung Quốc, thay vì coi các kết luận lý luận có sẵn như những giáo điều bất biến. Báo cáo Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện rõ logic này khi xác định chủ nghĩa Mác là tư tưởng chỉ đạo căn bản, đồng thời coi việc thích ứng chủ nghĩa Mác với bối cảnh Trung Quốc và yêu cầu của thời đại là cơ sở để tiếp tục đổi mới lý luận và giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn quản trị đất nước. Do đó, xét về thực chất, sự tương đồng giữa hai Đảng không chỉ nằm ở việc cùng kế thừa nền tảng lý luận Mác-xít, mà còn thể hiện ở yêu cầu vận dụng và phát triển nền tảng tư tưởng phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia. Đây là cơ sở quan trọng chi phối việc xác lập mục tiêu, định hướng và phương thức lãnh đạo, cầm quyền của mỗi Đảng. Tuy nhiên, chính sự khác nhau trong quá trình bản địa hóa và phát triển nền tảng lý luận cũng tạo nên

những sắc thái riêng trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Thứ hai, tương đồng về vị trí lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội.

Ở cả hai quốc gia, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đều được xác lập ở cấp độ hiến định và không chỉ giới hạn trong nội bộ tổ chức Đảng. Tại Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 xác định Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, đồng thời quy định Đảng chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và các tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật [40, tr.2]. Ở Trung Quốc, Điều lệ Đảng Cộng sản Trung Quốc được Đại hội XX sửa đổi tiếp tục xác định: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc là đặc điểm cốt yếu nhất của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc và là ưu điểm lớn nhất của hệ thống xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Đảng là lực lượng lãnh đạo chính trị cao nhất. Đảng lãnh đạo mọi lĩnh vực - chính phủ, quân đội, dân sự và học thuật - trên toàn quốc [77]. Đảng phải đóng vai trò nòng cốt lãnh đạo trong tất cả các tổ chức ở cùng cấp độ, tuân thủ nguyên tắc lãnh đạo và phối hợp một cách toàn diện. Đảng phải tập trung nỗ lực lãnh đạo công cuộc xây dựng kinh tế, tổ chức và phối hợp lực lượng từ mọi phía để cùng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội toàn diện. Đảng phải thực hiện quyết định dân chủ và khoa học, xây dựng và thực hiện đúng đường lối, nguyên tắc và chính sách, làm tốt công tác tổ chức, tuyên truyền và giáo dục Đảng, phát huy tối đa vai trò gương mẫu của toàn thể đảng viên. Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng phải đảm bảo các cơ quan lập pháp, tư pháp, hành chính, giám sát của nhà nước, các tổ chức kinh tế, văn hóa và các tổ chức nhân dân hoạt động tích cực, độc lập, có trách nhiệm và phối hợp nhịp nhàng.

Như vậy, hai Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc, đều giữ vị trí trung tâm trong hệ thống chính trị, thực hiện vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội; đồng thời, quyền lãnh đạo đó đều được thể

chế hóa và đặt trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Điểm tương đồng này tạo nên cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng cho hoạt động cầm quyền của hai Đảng, cũng như đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ ba, tương đồng về cơ sở xã hội và tính quần chúng của Đảng.

Bên cạnh bản chất giai cấp công nhân, xuất phát từ điều kiện lịch sử và nền tảng xã hội hình thành, cả Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc đều đại diện cho lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc; vì vậy, hai đảng không chỉ là chính đảng của một giai cấp nhất định mà còn là đảng của dân tộc. Trong bối cảnh xã hội của Việt Nam và Trung Quốc ở giai đoạn đầu thành lập Đảng, giai cấp công nhân còn non trẻ, số lượng ít và vị thế kinh tế - xã hội hạn chế, song lại có mối liên hệ mật thiết, gắn bó chặt chẽ về lợi ích và số phận với giai cấp nông dân cùng các tầng lớp lao động khác. Đồng thời, cả hai quốc gia đều trải qua thời kỳ dài bị chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm lược và thống trị, khiến cho ngay từ bản chất, Đảng Cộng sản không chỉ là tổ chức chính trị tự nguyện của giai cấp công nhân mà còn trở thành lực lượng đại diện cho tiếng nói, ý chí, nguyện vọng, lợi ích và khát vọng độc lập của đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Theo đó, ngay từ khi ra đời, sứ mệnh của hai đảng không chỉ giới hạn ở việc giải phóng giai cấp mà còn hướng tới mục tiêu cao hơn là giải phóng dân tộc; không chỉ tập trung vào nhiệm vụ dân chủ mà luôn đặt nhiệm vụ dân tộc ở vị trí trung tâm. Chính định hướng đó đã tạo nên mối liên kết tự nhiên, bền chặt giữa giai cấp công nhân với nông dân và đội ngũ trí thức, hình thành liên minh xã hội nòng cốt và xây dựng cơ sở xã hội rộng rãi cho sự tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản ở hai nước. Nhờ vậy, hai đảng luôn nhận được sự ủng hộ to lớn của các tầng lớp nhân dân, tạo dựng niềm tin sâu sắc của nhân dân đối với Đảng và trở thành một truyền thống tốt đẹp trong mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Đáng chú ý, trước những biến động phức tạp của tình hình khu vực

và thế giới trong thời gian gần đây, cả hai đảng đều có nhận thức chung trong việc đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu, coi đây là nguyên tắc tối cao chi phối các mối quan hệ đối nội và đối ngoại.

Thứ tư, tương đồng về tính chính danh và địa vị pháp lý của hai đảng.

Như đã phân tích ở trên, ngay từ những năm đầu mới thành lập, mặc dù còn non trẻ, Đảng Cộng sản ở hai nước đã lãnh đạo thành công các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đưa quốc gia thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây, đồng thời phơi bày bản chất phản động của chủ nghĩa tư bản dưới hình thức đế quốc thực dân. Trong tiến trình lịch sử đầy biến động, hai đảng luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần kiên cường và tư duy sáng tạo trong lãnh đạo công cuộc xây dựng, cải cách và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, qua đó tạo nên những thành tựu to lớn, mang tính bước ngoặt, có ý nghĩa lịch sử đối với sự phát triển của quốc gia và dân tộc.

Ở Trung Quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc giữ vai trò là lực lượng lãnh đạo chính trị tối cao. Địa vị chính trị này không chỉ bắt nguồn từ bản chất tiên phong, cách mạng và khoa học của Đảng, mà còn được củng cố vững chắc thông qua những thành tựu nổi bật của sự nghiệp cách mạng, xây dựng, cải cách, mở cửa và hội nhập quốc tế do Đảng lãnh đạo. Thực tiễn chính trị Trung Quốc hiện nay cho thấy không có bất kỳ chính đảng hay tổ chức chính trị nào có thể sánh ngang với vị trí và vai trò của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

Một là, xét trên phương diện chính danh, Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng duy nhất đã tập hợp và lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lật đổ chế độ phong kiến, khai sinh Nhà nước cộng hòa đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á; tiếp đó là lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến trường kỳ, anh dũng chống lại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Khi đất nước giành được hòa bình và độc lập, Đảng

tiếp tục thể hiện bản lĩnh và năng lực lãnh đạo trong việc khởi xướng và tổ chức thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Sau bốn thập kỷ đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, mang tính bước ngoặt, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của quốc gia trên trường quốc tế và khu vực trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Mặc dù trong quá trình lãnh đạo cách mạng không tránh khỏi những thời điểm xuất hiện sai lầm và gây ra những hệ quả nghiêm trọng, song điều có ý nghĩa căn bản là Đảng đã kịp thời nhận diện, thẳng thắn nhìn nhận, chủ động sửa chữa và khắc phục, từ đó từng bước củng cố và khôi phục niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Với mối quan hệ gắn bó mật thiết và những đóng góp to lớn, bền bỉ đối với dân tộc và nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo dựng được vị trí đặc biệt trong đời sống chính trị - tinh thần của xã hội, điều mà với truyền thống văn hóa và lịch sử của mình, nhân dân Việt Nam khó có thể thay thế bằng một chính đảng khác.

Mặc dù yêu cầu đặt Đảng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật luôn được xác định là một nội dung quan trọng trong quá trình đổi mới phương thức cầm quyền, song vai trò lãnh đạo mang tính hiến định của hai đảng tại mỗi quốc gia là yếu tố không thay đổi. Theo đó, quyền lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản ở hai nước đều được ghi nhận trong Hiến pháp, trở thành nền tảng pháp lý cơ bản bảo đảm địa vị pháp lý vững chắc của Đảng, bất kể bối cảnh chính trị là đa đảng hợp tác như ở Trung Quốc hay chế độ một đảng duy nhất cầm quyền như ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước và xã hội đã được thể hiện với những mức độ khác nhau trong các bản Hiến pháp. Kể từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nước ta đã ban hành năm bản Hiến pháp: Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013. Mỗi bản Hiến pháp phản ánh yêu cầu của từng giai đoạn phát triển cách mạng dưới sự lãnh đạo

của Đảng, song điểm nhất quán là đều ghi nhận, trực tiếp hoặc gián tiếp, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hiến pháp năm 1946 tuy chưa có quy định cụ thể về vai trò lãnh đạo của Đảng, nhưng trên thực tế, vị trí và uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn được khẳng định thông qua quá trình xây dựng Hiến pháp và tổ chức bộ máy nhà nước. Trong giai đoạn này, bằng uy tín và trí tuệ của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quy tụ được đông đảo trí thức, đặc biệt là giới luật học và sử học, tham gia sự nghiệp giải phóng và kiến thiết đất nước.

Hiến pháp năm 1959, mang đậm dấu ấn của việc xây dựng mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa, tuy chưa hiến định vai trò lãnh đạo của Đảng bằng một điều khoản riêng, nhưng đã khẳng định rõ vai trò đó trong Lời nói đầu. Hiến pháp ghi nhận sự lãnh đạo của Đảng trong việc đưa cách mạng Việt Nam bước sang một giai đoạn phát triển mới, đồng thời tiếp tục tái khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước.

Đến Hiến pháp năm 1980, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam lần đầu tiên được hiến định cụ thể tại Điều 4, xác định Đảng là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Quy định này tiếp tục được kế thừa, bổ sung và phát triển trong Hiến pháp năm 1992, làm rõ hơn bản chất tiên phong của Đảng, cũng như trách nhiệm hoạt động của Đảng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục kế thừa tinh thần đó, đồng thời bổ sung những nội dung mới nhằm nhấn mạnh mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, trách nhiệm giải trình của Đảng trước Nhân dân, qua đó làm rõ hơn bản chất, vai trò và tính chính danh của Đảng trong điều kiện mới.

Trong bối cảnh hiện nay, mặc dù quá trình cầm quyền của hai Đảng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thậm chí có thời điểm còn bộc lộ những hạn chế và sai lầm, song bằng những phương thức khác nhau, cả hai

Đảng đều đã lãnh đạo thành công công cuộc cải cách và đổi mới, đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa vượt bậc tại hai quốc gia xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu đó không chỉ góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, mà còn tạo động lực để hai Đảng tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, hoàn thiện phương thức cầm quyền nhằm giữ vững địa vị, nâng cao hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo. Trên phương diện đạo lý và chính trị, khó có thể có một lực lượng chính trị nào khác thay thế vai trò và vị trí của hai Đảng Cộng sản trong đời sống chính trị, cũng như trong ý thức và niềm tin chính trị của nhân dân hai nước.

Hai là, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc đều thực hiện vai trò cầm quyền trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ. Theo đó, các vấn đề trọng yếu của Đảng và đất nước, từ cương lĩnh, đường lối, chiến lược, sách lược đến những chủ trương, chính sách phát triển, đều do Đảng đề ra, được thảo luận, trao đổi một cách dân chủ, rộng rãi trong nội bộ Đảng, đồng thời lấy ý kiến của nhân dân. Thực tiễn lịch sử dưới sự lãnh đạo và cầm quyền của hai Đảng ở Việt Nam và Trung Quốc cho thấy, việc kiên trì nguyên tắc tập trung dân chủ đã khẳng định tính đúng đắn của mô hình lãnh đạo này, được xem là một trong những nguồn gốc quan trọng làm nên thành công trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bằng trí tuệ và bản lĩnh chính trị, hai Đảng đã dẫn dắt, điều hành sự nghiệp cách mạng của nhân dân hai nước, từng bước “định hướng” và đưa con thuyền cách mạng vượt qua nhiều thử thách, đạt được những kết quả đáng kể trong quá trình cải cách, đổi mới đất nước suốt nhiều thập niên qua.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, việc chỉ có một đảng cầm quyền tiềm ẩn không ít hạn chế và nguy cơ, như xu hướng chủ quan, tự mãn, kiêu ngạo quyền lực, nảy sinh đặc quyền, đặc lợi, biểu hiện quan liêu, xa rời quần chúng nhân dân trong quá trình lãnh đạo và quản lý xã hội; thậm chí có thể dẫn tới việc xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, gia tăng quan liêu trong

nội bộ Đảng và suy giảm dân chủ ngay trong chính tổ chức Đảng. Đây chính là những thách thức lớn, có ý nghĩa sống còn, đe dọa sự bền vững của chế độ cũng như vị trí lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Thứ năm, cả hai Đảng đều đang đối diện với những nguy cơ và thách thức mang tính tương đồng.

Mặc dù như đã phân tích, bằng trí tuệ và bản lĩnh chính trị, Đảng Cộng sản ở hai nước đã đạt được những kết quả quan trọng trong việc lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn công cuộc cải cách, đổi mới đất nước trong nhiều thập niên qua, song trước những biến động ngày càng phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế, cũng như những vấn đề nảy sinh trong nội bộ Đảng, cả hai Đảng đều đang phải đối mặt với những thách thức lớn. Nếu không được nhận diện kịp thời và đầy đủ, các nguy cơ này sẽ tác động trực tiếp đến năng lực và vị thế cầm quyền, làm suy giảm cơ sở giai cấp và nền tảng xã hội của Đảng Cộng sản ở mỗi quốc gia.

Một là, nguy cơ tham nhũng và lạm dụng quyền lực. Trong mô hình đảng cầm quyền với mức độ tập trung quyền lực cao, khả năng phát sinh tham nhũng, lạm quyền luôn tồn tại. Những hiện tượng này không chỉ làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính chính danh và uy tín chính trị của Đảng.

Hai là, nguy cơ quan liêu và xa rời quần chúng nhân dân. Sự tập trung quyền lực nếu không được kiểm soát chặt chẽ có thể dẫn đến tình trạng quan liêu, hành chính hóa hoạt động lãnh đạo, khiến Đảng ngày càng cách xa đời sống thực tiễn của nhân dân. Hệ quả là hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội bị suy giảm, mối liên hệ máu thịt giữa Đảng và quần chúng bị suy yếu. Do đó, việc hoàn thiện các cơ chế để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, giám sát và phản biện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, là yêu cầu mang tính tất yếu.

Ba là, nguy cơ trì trệ, bảo thủ và chậm thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của bối cảnh trong nước và quốc tế. Một hạn chế phổ biến của mô hình đảng cầm quyền tập trung là xu hướng thiếu đổi mới, dẫn đến việc hoạch định và thực thi chính sách không theo kịp sự vận động của xã hội và nền kinh tế toàn cầu. Trước thực tế đó, yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, khuyến khích tư duy sáng tạo, linh hoạt trong quản lý, đồng thời tiếp thu có chọn lọc các mô hình quản trị hiện đại của thế giới. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh cải cách kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm hệ thống chính trị có khả năng điều chỉnh kịp thời trước những biến động lớn của khu vực và toàn cầu. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý và điều hành cũng là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo và hạn chế những rủi ro do tư duy và phương thức quản trị lạc hậu.

Bốn là, sự chống phá ngày càng quyết liệt và tinh vi của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Những biểu hiện như nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, sự suy giảm và xói mòn bản chất giai cấp công nhân của Đảng, tình trạng tham nhũng, hối lộ, chạy chức, chạy quyền có chiều hướng phức tạp hơn đã và đang đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với vai trò cầm quyền của hai Đảng. Trước bối cảnh đó, cả hai Đảng đều thể hiện quyết tâm chính trị cao và triển khai những biện pháp mạnh mẽ nhằm phòng ngừa, đấu tranh và đẩy lùi các nguy cơ, từng bước làm trong sạch bộ máy, sàng lọc đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó củng cố lại niềm tin, sự ủng hộ và tinh thần cách mạng của quần chúng nhân dân đối với Đảng và sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

Mặc dù mỗi quốc gia có những đặc thù và khó khăn riêng, song các thách thức nêu trên đều là những vấn đề mang tính phổ biến, tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm dân chủ, dẫn tới sự thoái hóa về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên theo chiều hướng thâm nhập sâu và lan rộng trong bộ

máy quyền lực. Hệ quả là sự suy yếu bản chất giai cấp công nhân của Đảng, tình trạng xa rời quần chúng, suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, thậm chí đối với chế độ; đồng thời làm gia tăng vai trò của các nhóm lợi ích, hiện tượng bóp méo chính sách, sự cấu kết tiêu cực giữa một bộ phận chính trị và doanh nghiệp, gây tổn hại đến lợi ích quốc gia. Do đó, những thách thức cốt lõi của mô hình đảng cầm quyền, như tham nhũng và lạm quyền, quan liêu và xa rời quần chúng, thiếu đổi mới, sự chống phá của các thế lực phản động, nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa và xói mòn bản chất giai cấp, cần được giải quyết thông qua quá trình cải cách liên tục, tăng cường giám sát quyền lực và không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong quản trị và phát triển quốc gia.

4.1.2. Điểm khác biệt trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam

Bên cạnh những điểm tương đồng có ý nghĩa quan trọng, tạo cơ sở thuận lợi cho việc học tập, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong đổi mới phương thức lãnh đạo giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam thì giữa hai Đảng có những điểm khác biệt. Điểm khác biệt này là cơ sở nhằm vận dụng sáng tạo, hiệu quả những giá trị gợi mở từ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Những khác biệt chủ yếu thể hiện ở các khía cạnh sau:

Một là, tại Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng duy nhất nắm giữ quyền cầm quyền với chế độ nhất nguyên chính trị, với vai trò lãnh đạo duy nhất đối với Nhà nước và xã hội. Đây là kết quả tất yếu của tiến trình lịch sử, đồng thời là trọng trách to lớn mà nhân dân tin tưởng giao phó cho Đảng. Thực tế đó phản ánh sức mạnh, uy tín và vai trò đặc biệt của Đảng, đồng thời tạo ra những điều kiện, phương tiện và công cụ mới để Đảng hiện thực hóa mục tiêu và lý tưởng cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam không theo đuổi bất kỳ lợi ích riêng nào ngoài việc phụng sự lợi ích tối cao của dân

tộc. Với tư cách là đảng duy nhất cầm quyền, Đảng phải gánh vác toàn bộ trách nhiệm từ những vấn đề chiến lược, vĩ mô đến những nhu cầu thiết thân nhất của đời sống nhân dân; nếu nhân dân còn đói nghèo, lạc hậu thì không chỉ Nhà nước mà Đảng cũng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, yêu cầu nhận thức đầy đủ và làm rõ mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trở thành một nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Việc thiếu vắng cơ chế cạnh tranh chính trị như trong mô hình đa đảng đòi hỏi Đảng phải đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong nội bộ, đồng thời mở rộng và hoàn thiện các kênh giám sát, phản biện từ phía xã hội, nhằm bảo đảm Đảng không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn và xứng đáng với sứ mệnh lịch sử mà nhân dân giao phó.

Hai là, sự khác biệt về mô hình tổ chức quyền lực và cơ chế ra quyết định, của hệ thống đảng chính trị và vị thế của Đảng Cộng Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc sản trong đời sống chính trị ở mỗi quốc gia.

Về mô hình tổ chức quyền lực và cơ chế ra quyết định, có thể thấy Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đều giữ vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội, song phương thức tổ chức và vận hành quyền lãnh đạo có những sắc thái khác nhau. Ở Trung Quốc, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc được thể hiện theo hướng trực tiếp, toàn diện và tập trung hơn. Các văn kiện chính trị - pháp lý của Trung Quốc nhấn mạnh sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với mọi lĩnh vực hoạt động và mọi bộ phận của đất nước “Đảng Cộng sản Trung Quốc là lực lượng lãnh đạo chính trị cao nhất, coi sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là nguyên tắc chính trị cao nhất”; “Duy trì và củng cố sự lãnh đạo toàn diện của Đảng” [77]. Về tổ chức, các thiết chế Đảng được lồng ghép sâu vào hệ thống quản trị quốc gia, không chỉ trong các cơ quan nhà nước mà còn trong các tổ chức nhân dân, đơn vị kinh tế, văn hóa, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Cơ chế “nhóm đảng viên lãnh đạo” trong các cơ quan, tổ chức

ngoài Đảng là một biểu hiện rõ nét của sự lồng ghép này. Thông qua các thiết chế đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc không chỉ định hướng chính trị chung mà còn tham gia sâu vào quá trình hoạch định, điều phối, giám sát và bảo đảm việc thực hiện các quyết sách quan trọng.

Cơ chế ra quyết định của Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng thể hiện rõ nguyên tắc tập trung dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương Đảng. Các quyết sách lớn thường được định hình từ cấp lãnh đạo trung ương, sau đó được triển khai xuống hệ thống nhà nước, địa phương và các tổ chức xã hội thông qua mạng lưới tổ chức của Đảng. Điều này tạo ra tính thống nhất cao trong chỉ đạo và thực thi chính sách, đồng thời phản ánh xu hướng đề cao vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Đối với Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng được hiến định, song phương thức lãnh đạo được nhấn mạnh thông qua Cương lĩnh, đường lối, chủ trương; công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ; kiểm tra, giám sát; và quá trình thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật, chính sách của Nhà nước. Nói cách khác, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội chủ yếu thông qua định hướng chính trị, lãnh đạo công tác cán bộ, kiểm tra việc thực hiện và thông qua hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đặc biệt, trong mô hình Việt Nam, quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân theo nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Điều này cho thấy phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với yêu cầu phát huy vai trò quản lý của Nhà nước, vai trò đại diện, giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cũng như quyền làm chủ của Nhân dân. Các thiết chế như đảng đoàn, ban cán sự đảng trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cho thấy sự hiện diện của tổ chức Đảng trong hệ thống chính trị, nhưng phương thức vận hành được nhấn mạnh ở việc lãnh đạo, định hướng, thuyết phục, kiểm tra, giám sát và giới thiệu cán bộ, thay vì trực tiếp thay thế chức năng quản lý nhà nước.

Như vậy, điểm khác biệt cơ bản trong phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện ở mức độ trực tiếp, toàn diện và tập trung của cơ chế lãnh đạo. Mô hình Trung Quốc thể hiện rõ hơn xu hướng Đảng Cộng sản Trung Quốc giữ vai trò “hạt nhân” trực tiếp trong toàn bộ hệ thống quản trị quốc gia, còn mô hình Việt Nam nhấn mạnh hơn đến sự lãnh đạo thông qua đường lối, thể chế, công tác cán bộ, kiểm tra, giám sát và thông qua hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.

Do đó, sự khác biệt giữa hai Đảng cần được hiểu như sự khác biệt về phương thức tổ chức và thực thi quyền lãnh đạo trong những điều kiện thể chế, quy mô quốc gia và truyền thống quản trị khác nhau, chứ không phải là sự khác biệt về bản chất vai trò lãnh đạo chính trị của đảng cầm quyền.

Ba là, sự khác biệt về các điều kiện nền tảng chi phối quá trình đổi mới phương thức cầm quyền của hai Đảng. Mặc dù có thể khẳng định rằng đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản ở cả hai nước là yêu cầu tất yếu và mang tính sống còn, song cách thức và lộ trình thực hiện ở mỗi quốc gia lại không hoàn toàn giống nhau, do chịu sự chi phối của những điều kiện lịch sử, chính trị, kinh tế và xã hội khác biệt.

Nếu như đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thách thức hiện nay là tăng cường và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh “một quốc gia, hai chế độ”, đối mặt với nguy cơ bất ổn, xung đột nội bộ và xu hướng tự trị của các địa phương, thì ở Việt Nam, thách thức nổi bật là sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Nếu như Trung Quốc đặt trọng tâm vào việc nhận thức lại và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác theo hướng “Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác”, làm cơ sở tư tưởng cho mô hình chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thông qua vai trò của các hạt nhân lãnh đạo. Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nhấn mạnh quá trình Trung Quốc hóa và thời đại hóa chủ nghĩa Mác, kết hợp những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với thực

tiền cụ thể của Trung Quốc và văn hóa truyền thống ưu tú Trung Hoa. Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc coi đây là một nội dung trọng tâm của đổi mới lý luận trong thời đại mới.

Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, yêu cầu cốt lõi là kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Như vậy, Đảng Cộng sản Trung Quốc xây dựng một chuỗi lý luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc và nhấn mạnh Trung Quốc hóa, thời đại hóa chủ nghĩa Mác. Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin gắn với tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn đổi mới. Trong bối cảnh đất nước có những chuyển biến sâu sắc, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò cầm quyền chủ yếu thông qua Nhà nước, lãnh đạo các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội. Do đó, yêu cầu đặc biệt quan trọng đặt ra đối với Đảng là năng lực thích ứng với những biến động nhanh chóng của thực tiễn. Lịch sử đã chứng minh Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng thích ứng tương đối cao trước những thay đổi mang tính bước ngoặt, tiêu biểu là quá trình chuyển từ thời chiến sang thời bình - một biến đổi lớn đặt ra nhiều thách thức gay gắt đối với bản lĩnh và trí tuệ của Đảng. Mặc dù đã trải qua giai đoạn lúng túng kéo dài hơn một thập niên, dẫn đến những sai lầm và khủng hoảng nhất định, song Đảng đã kịp thời điều chỉnh bằng tư duy khoa học, khách quan và quyết tâm đổi mới, hình thành những nhận thức mới phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước. Những thành tựu của công cuộc đổi mới trong 40 năm qua là minh chứng rõ nét cho năng lực thích nghi và điều chỉnh của Đảng, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới trong việc tiếp tục khẳng định vai trò cầm quyền duy nhất của Đảng.

Trong bối cảnh hiện nay, quá trình cầm quyền của Đảng tiếp tục đứng trước những yêu cầu và nhiệm vụ mới trong môi trường quốc tế và trong nước đầy biến động. Những điều kiện mới như việc xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, thúc đẩy dân chủ hóa đời sống xã hội, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng... đòi hỏi Đảng không ngừng đổi mới và nâng cao năng lực cầm quyền, qua đó khẳng định tính chính danh của một đảng duy nhất lãnh đạo. Đây vừa là động lực phát triển, vừa là áp lực lớn đối với Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Bốn là, sự khác biệt về vị thế quốc gia và những yêu cầu đặt ra đối với đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của hai Đảng. Một trong những khác biệt có ý nghĩa quan trọng chi phối phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam là vị thế quốc gia của Trung Quốc và Việt Nam trong tương quan khu vực và quốc tế không giống nhau. Vị thế này cần được xem xét tổng hợp trên các phương diện như quy mô dân số và nền kinh tế, trình độ và mục tiêu phát triển, vị trí trong các thiết chế quốc tế, phạm vi lợi ích quốc gia cũng như mức độ tham gia vào các vấn đề quản trị toàn cầu. Chính những điều kiện khác nhau đó làm cho mặc dù hai Đảng cùng phải giải quyết những vấn đề chung của một đảng cầm quyền như nâng cao năng lực lãnh đạo, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, hoàn thiện thể chế và đáp ứng yêu cầu phát triển, trọng tâm và phạm vi đổi mới phương thức cầm quyền ở mỗi nước lại có những đặc điểm riêng.

Trước hết, Trung Quốc có quy mô quốc gia và sức nặng kinh tế lớn hơn đáng kể so với Việt Nam. Theo số liệu Ngân hàng Thế giới, năm 2025 Trung Quốc có khoảng 1,41 tỷ dân và GDP khoảng 19,5 nghìn tỷ USD, trong khi Việt Nam có khoảng 101,6 triệu dân và GDP khoảng 514,7 tỷ USD [75]. Bên cạnh quy mô kinh tế và dân số, Trung Quốc còn là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Những yếu tố này tạo cho Trung Quốc một phạm vi lợi ích và mức độ tham gia vào các vấn đề quốc tế rộng hơn, đồng thời cũng làm tăng mức độ phức tạp của quản trị trong nước, nhất là trong

điều phối giữa trung ương với địa phương, giữa các khu vực phát triển không đồng đều và giữa yêu cầu phát triển trong nước với các lợi ích, trách nhiệm và hoạt động đối ngoại. Điểm này cũng được phản ánh trong chính cách Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định vị thế và nhiệm vụ của mình. Báo cáo Đại hội XX sử dụng khái niệm “ngoại giao toàn diện với các nước lớn mang đặc sắc Trung Quốc”; “ngoại giao cường quốc mang đặc sắc Trung Quốc, khuyến khích xây dựng cộng đồng chung vận mệnh cho nhân loại” [77], đồng thời xác định Trung Quốc tích cực tham gia cải cách và xây dựng hệ thống quản trị toàn cầu, phát triển mạng lưới đối tác toàn cầu và mở rộng vai trò trong các cơ chế đa phương. Đây là cách xác định của chính văn kiện Trung Quốc về vai trò đối ngoại của nước này. Vì vậy, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc không chỉ phải đáp ứng yêu cầu quản trị một quốc gia có quy mô lớn mà còn phải xử lý mối quan hệ giữa phát triển trong nước, an ninh quốc gia, quan hệ trung ương - địa phương và hoạt động của Trung Quốc trong môi trường quốc tế.

Từ điều kiện đó, việc Trung Quốc nhấn mạnh sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương, sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và hiện đại hóa hệ thống cũng như năng lực quản trị quốc gia có thể được đặt trong mối liên hệ với yêu cầu điều phối một hệ thống có quy mô và mức độ phức tạp cao. Báo cáo Đại hội XX đặt việc hiện đại hóa hệ thống và năng lực quản trị, tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, bảo đảm an ninh quốc gia, quản lý các rủi ro và tiếp tục quản trị Đảng nghiêm minh trong tổng thể nhiệm vụ phát triển đất nước. Điều đó làm cho đổi mới phương thức cầm quyền ở Trung Quốc mang đậm yêu cầu nâng cao năng lực điều phối tổng thể, bảo đảm tính thống nhất của quá trình ra quyết định và thực thi chính sách trên phạm vi rất lớn, đồng thời tăng cường khả năng kiểm soát tổ chức và kỷ luật trong Đảng.

Trong khi đó, vị thế và yêu cầu phát triển của Việt Nam có những đặc điểm khác. Quy mô kinh tế, dân số và phạm vi tham gia vào quản trị toàn cầu

của Việt Nam nhỏ hơn Trung Quốc, trong khi Việt Nam vẫn đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao trình độ phát triển. Nghị quyết Đại hội XIV xác định mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại và thu nhập trung bình cao, hướng tới trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Đồng thời, văn kiện nhấn mạnh yêu cầu giữ vững tự chủ chiến lược, phát triển nhanh và bền vững, bảo vệ Tổ quốc và nâng cao đời sống nhân dân. Như vậy, nếu Trung Quốc phải giải quyết đồng thời những yêu cầu của quản trị một quốc gia quy mô lớn với vai trò quốc tế rộng, thì đối với Việt Nam, một trong những yêu cầu nổi bật là rút ngắn khoảng cách phát triển, nâng cao năng lực nội sinh và năng lực quản trị quốc gia trong khi vẫn duy trì tự chủ chiến lược và thích ứng với môi trường quốc tế biến động.

Sự khác biệt về vị thế đó tác động trực tiếp đến trọng tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền ở Việt Nam. Đại hội XIV xác định phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia; kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và tiêu cực. Các nghị quyết sau Đại hội XIV tiếp tục gắn đổi mới phương thức lãnh đạo với việc hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị, phân cấp, ủy quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực và thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số.

4.2. YÊU CẦU HOÀN THIỆN PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY

4.2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

4.2.1.1. Bối cảnh quốc tế

Trong mọi giai đoạn phát triển của đất nước, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chịu tác động từ môi trường quốc tế. Nếu trong thời kỳ chiến tranh, yếu tố quốc tế chủ yếu tác động đến đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc thì trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế hiện

nay, những biến động của tình hình thế giới đang tác động ngày càng sâu sắc đến nội dung, phương thức và hiệu quả cầm quyền của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Điều 4 Hiến pháp năm 2013 khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, trong điều kiện thế giới đang bước vào giai đoạn chuyển đổi sâu rộng với những thay đổi mang tính thời đại, phương thức cầm quyền của Đảng không thể duy trì theo mô hình truyền thống mà phải không ngừng đổi mới để thích ứng với những yêu cầu mới của thực tiễn. Đại hội XIV của Đảng xác định nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng. Điều đó xuất phát không chỉ từ yêu cầu phát triển đất nước mà còn từ những tác động mạnh mẽ của bối cảnh quốc tế hiện nay, cụ thể:

Thứ nhất, bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển và những tác động đến phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Toàn cầu hóa là xu thế khách quan của thời đại hiện nay. Mặc dù gặp nhiều trở ngại do chủ nghĩa bảo hộ, xung đột địa chính trị và những biến động kinh tế toàn cầu, nhưng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Sự phát triển mạnh mẽ của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP cùng với sự hình thành các chuỗi giá trị toàn cầu đã làm cho các quốc gia ngày càng gắn kết chặt chẽ với nhau. Đối với Việt Nam, hội nhập quốc tế không chỉ là yêu cầu phát triển kinh tế mà còn là môi trường để khẳng định vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức cầm quyền theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả hơn.

Thứ hai, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Quan hệ quốc tế hiện nay đang chứng kiến sự cạnh tranh quyết liệt giữa các trung tâm quyền lực lớn, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Sự cạnh tranh này không chỉ diễn ra trong lĩnh vực kinh tế mà còn mở rộng sang công nghệ, quân sự, an ninh mạng, ngoại giao và ảnh hưởng địa chính trị. Đối với

Việt Nam, việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước đòi hỏi Đảng phải có năng lực hoạch định chiến lược, xử lý linh hoạt các mối quan hệ quốc tế và bảo đảm cân bằng lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng phức tạp.

Thứ ba, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật và công nghệ số đang làm thay đổi căn bản mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ tác động đến sản xuất và kinh doanh mà còn làm thay đổi phương thức quản trị quốc gia, phương thức tương tác giữa chính quyền với người dân và phương thức tổ chức hoạt động chính trị. Các đảng cầm quyền trên thế giới đều đang điều chỉnh phương thức lãnh đạo để thích ứng với môi trường số. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó.

Thứ tư, sự gia tăng các thách thức an ninh phi truyền thống. Biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh mạng, khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, khủng hoảng năng lượng và khủng hoảng lương thực đang trở thành những thách thức lớn đối với mọi quốc gia. Đại dịch COVID-19 cho thấy những nguy cơ an ninh phi truyền thống có khả năng tác động trực tiếp đến sự ổn định chính trị và năng lực quản trị quốc gia. Những thách thức này đòi hỏi Đảng phải đổi mới phương thức cầm quyền theo hướng nâng cao năng lực dự báo, quản trị rủi ro và ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

Thứ năm, xu hướng dân chủ hóa và yêu cầu quản trị hiện đại. Trên thế giới hiện nay, yêu cầu về minh bạch, trách nhiệm giải trình, hiệu quả quản trị và sự tham gia của người dân ngày càng được đề cao. Sự phát triển của mạng xã hội và truyền thông số đã làm thay đổi mối quan hệ giữa nhà nước với công dân. Người dân có điều kiện tiếp cận thông tin nhanh hơn, tham gia vào các quá trình chính sách nhiều hơn và giám sát hoạt động của bộ máy công quyền hiệu quả hơn.

Đây là những nhân tố tác động trực tiếp đến phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các tác động này ảnh hưởng đến phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trên các phương diện sau:

Một là, tác động đến tư duy cầm quyền của Đảng. Bối cảnh quốc tế mới đòi hỏi Đảng phải đổi mới mạnh mẽ tư duy cầm quyền. Nếu trước đây phương thức lãnh đạo chủ yếu dựa trên cơ chế mệnh lệnh hành chính và quản lý tập trung thì hiện nay phải chuyển mạnh sang tư duy kiến tạo phát triển, quản trị quốc gia hiện đại và phục vụ nhân dân. Đảng ngày càng nhận thức rõ rằng năng lực cầm quyền không chỉ được thể hiện bằng khả năng ban hành chủ trương, đường lối mà còn bằng hiệu quả tổ chức thực hiện, khả năng giải quyết các vấn đề xã hội và mức độ hài lòng của người dân. Quá trình hội nhập quốc tế cũng giúp Đảng tiếp thu nhiều kinh nghiệm quản trị tiên tiến từ các quốc gia trên thế giới.

Hai là, tác động đến phương thức lãnh đạo Nhà nước. Trong điều kiện hội nhập quốc tế, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng trở nên cấp thiết. Đảng từng bước chuyển từ lãnh đạo trực tiếp, cụ thể sang lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, định hướng chính sách và thông qua đội ngũ cán bộ. Xu hướng này phản ánh sự thích ứng với các chuẩn mực quản trị hiện đại đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới. Đồng thời, yêu cầu tuân thủ các cam kết quốc tế cũng thúc đẩy việc hoàn thiện thể chế pháp luật, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

Ba là, tác động đến công tác xây dựng Đảng. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu các giá trị quản trị tiên tiến, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều nguy cơ đối với công tác xây dựng Đảng. Các hiện tượng suy thoái tư tưởng chính trị, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tham nhũng, lợi ích nhóm có thể chịu ảnh hưởng từ những mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Điều đó buộc Đảng phải tăng cường công tác

chính đốn Đảng, kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Những kết quả nổi bật trong công cuộc phòng chống tham nhũng thời gian qua cho thấy đây không chỉ là yêu cầu nội tại mà còn là đòi hỏi khách quan từ môi trường quốc tế.

Bốn là, tác động đến phương thức lãnh đạo xã hội. Mạng xã hội và công nghệ số đã làm thay đổi căn bản môi trường xã hội. Người dân ngày càng có điều kiện tiếp cận thông tin đa chiều, tham gia phản biện xã hội và bày tỏ quan điểm trên không gian mạng. Điều này đòi hỏi Đảng phải chuyển từ phương thức tuyên truyền một chiều sang đối thoại, thuyết phục và tạo đồng thuận xã hội. Khả năng định hướng dư luận, xử lý thông tin xấu độc và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trở thành những yêu cầu quan trọng trong phương thức cầm quyền hiện nay.

Năm là, tác động đến công tác cán bộ. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ ngày càng cao. Cán bộ lãnh đạo, quản lý không chỉ cần phẩm chất chính trị vững vàng mà còn phải có năng lực quản trị hiện đại, tư duy toàn cầu, trình độ ngoại ngữ và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Điều này thúc đẩy Đảng đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ theo hướng chuyên nghiệp hóa.

4.2.1.2. Bối cảnh trong nước

Bên cạnh những tác động từ môi trường quốc tế, bối cảnh trong nước cũng đang tạo ra những yêu cầu mới đối với việc đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tuy nhiên, quá trình phát triển mới cũng đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết, đòi hỏi Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và tiếp tục đổi mới phương thức cầm quyền phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Thứ nhất, sự vận hành của thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi mới. Quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng sâu rộng đã làm xuất hiện nhiều quan hệ xã hội mới, nhiều chủ thể kinh tế mới và các nhóm lợi ích đa dạng. Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường vừa tạo động lực phát triển mạnh mẽ, vừa đặt ra yêu cầu hoàn thiện thể chế, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội. Điều này đòi hỏi Đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo nền kinh tế theo hướng tôn trọng các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, tăng cường lãnh đạo bằng chủ trương, định hướng chiến lược, cơ chế, chính sách thay cho sự can thiệp hành chính trực tiếp.

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam được xác định là “nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là một sáng tạo về đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở tính quy luật của thời kỳ quá độ lên CNXH và sự lựa chọn giá trị tích cực của nền kinh tế thị trường của thế giới. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN thực sự trở thành một động lực thúc đẩy sự phát triển, mang lại những thành tựu to lớn cho nền kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, nó cũng làm nảy sinh không ít vấn đề mới mẻ, ảnh hưởng phức tạp đến đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam, đó là:

1) Sự xuất hiện và phát triển của nhiều thành phần kinh tế, nhiều chế độ sở hữu khác nhau tạo ra những quan hệ kinh tế, xã hội mới mẻ so với nền kinh tế bao cấp trước đây, đòi hỏi phải có những phương pháp, cách thức quản lý mới, phức tạp hơn.

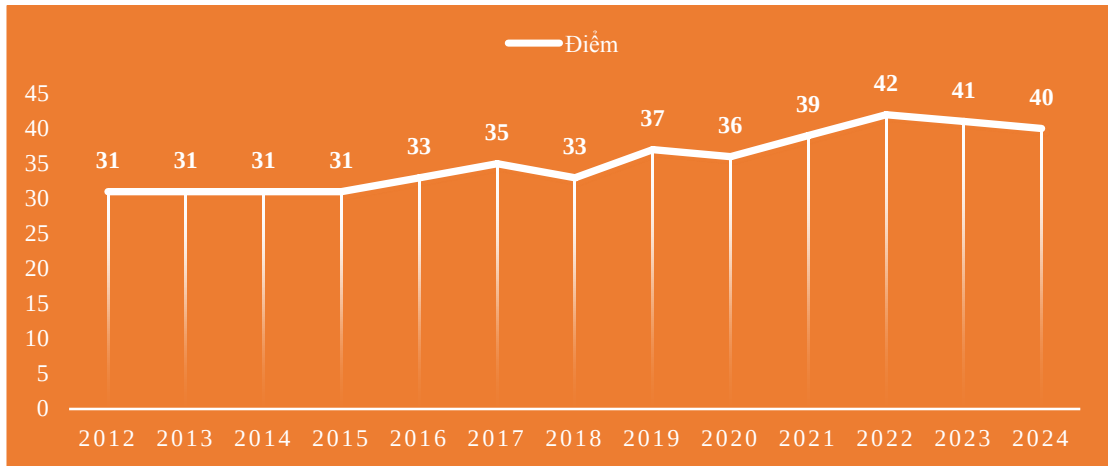
2) Sự vận hành đầy đủ các quy luật của nền kinh tế thị trường như quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung - cầu, tất yếu dẫn đến những

quan hệ kinh tế - xã hội ngày càng phức tạp hơn, ảnh hưởng đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, thậm chí tác động nhất định đến thang giá trị xã hội, làm thay đổi văn hóa, lối sống của cả xã hội.

3) Trong môi trường của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, những thách thức đặt ra cho Đảng cầm quyền không chỉ mới mẻ mà còn phức tạp hơn, nhất là những nguy cơ thách thức từ căn bệnh tham nhũng, lãng phí và tiêu cực.

Thứ hai, công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và kiểm soát quyền lực trong những năm gần đây đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Tuy nhiên, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lợi ích nhóm, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn là nguy cơ hiện hữu. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức cầm quyền theo hướng đề cao kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm soát quyền lực, hoàn thiện cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Mặt khác, “những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn diễn biến phức tạp. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” [23, tr.92]. Điều đó dẫn đến một hệ lụy vô cùng nguy hại khôn lường, “có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”.



**Hình 4.1. Chỉ số cảm nhận tham nhũng của Việt Nam
giai đoạn 2012-2024**

Nguồn [47]

Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng của Việt Nam từ năm 2012 đến 2024 có sự thay đổi tích cực so với giai đoạn trước năm 2011, với mức điểm số dao động từ 31-42/100 điểm, kết quả này phản ánh mức độ cảm nhận về tham nhũng trong khu vực công của Việt Nam được cải thiện đáng kể. Năm 2012, Việt Nam đạt 31/100 điểm và xếp thứ 123 trên thế giới, đến năm 2024, Việt Nam đạt 40 điểm, xếp thứ hạng 88/180. Trong đó năm 2022, điểm chỉ số cảm nhận tham nhũng đạt 42 điểm và xếp thứ hạng 77/ 180 quốc gia được xếp hạng trên thế giới. Thứ hạng của Việt Nam cũng có xu hướng cải thiện, từ vị trí 123/176 (2012) lên 77/180 (2022), cho thấy vị thế của Việt Nam trong so sánh quốc tế đã được nâng lên. Kết quả này góp phần củng cố hình ảnh về một quốc gia đang nỗ lực cải thiện môi trường quản trị, tăng cường minh bạch và kiểm soát quyền lực. Đồng thời, kết quả cải thiện đạt được trong chỉ số cảm nhận tham nhũng của Việt Nam là minh chứng cho những nỗ lực đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền và vai trò quản trị Đảng nghiêm minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian qua. Tuy nhiên, trong giai đoạn gần đây 2023-2024 điểm CPI giảm từ 42 xuống 41 (2023) và 40 (2024), đồng thời thứ hạng cũng giảm nhẹ (từ 77 xuống 88) cho thấy Việt Nam vẫn thuộc nhóm

có chỉ số CPI trung bình của thế giới. Mặc dù mức giảm không lớn, nhưng đây là tín hiệu cho thấy những thách thức mới trong công tác phòng, chống tham nhũng cho thấy yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa phương thức lãnh đạo, cầm quyền, đặc biệt là chuyển từ “xử lý tham nhũng” sang “phòng ngừa tham nhũng một cách hệ thống”, thông qua hoàn thiện thể chế, minh bạch hóa hoạt động công vụ và nâng cao trách nhiệm giải trình, nhằm không chỉ duy trì mà còn nâng cao hơn nữa chất lượng quản trị quốc gia trong giai đoạn tới.

Thứ ba, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá quyết liệt cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: “sự chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động ngày càng tinh vi hơn” [22, tr.164]. Chúng sử dụng bộ máy truyền thông khổng lồ xuyên tạc, phá hoại chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phá sập nền tảng tư tưởng của Đảng, của Nhà nước và chế độ XHCN. Chúng phủ nhận vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng phủ nhận những thành tựu cách mạng của nhân dân ta, ra sức chia rẽ Đảng với nhân dân, Nhà nước với nhân dân. Chúng đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Đồng thời, chúng ra sức truyền bá các giá trị tư tưởng, chính trị, giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống tư sản vào xã hội ta, đặc biệt là tác động, truyền bá vào thế hệ trẻ. Gần đây, các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng những “điểm nóng” ở Việt Nam nhằm xuyên tạc tình hình phát triển của đất nước, hướng lái những tư tưởng và hành động sai trái, chống đối, bạo lực và bạo động trong cộng đồng nhân dân và xã hội. Từ đó, chúng lôi kéo, tập hợp những phần tử bất mãn, cơ hội chính trị trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước can dự vào công việc nội bộ của Việt Nam. Sự chống phá ngày càng tinh vi, quyết liệt đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức, tâm lý, thái độ của một bộ phận nhân dân, trong đó có cả cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống xã hội. Việc triển khai Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và công dân số không chỉ làm thay đổi phương thức quản trị quốc gia mà còn đặt ra yêu cầu đổi mới hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trên môi trường số. Đảng cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý đảng viên, dự báo chiến lược và hoạch định chính sách; đồng thời nâng cao năng lực đấu tranh trên không gian mạng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước các thông tin sai trái, thù địch.

Thứ năm, việc thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang tạo ra những thay đổi lớn trong cơ cấu tổ chức và phương thức vận hành của bộ máy nhà nước. Những đổi mới này đòi hỏi Đảng phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, phân công, phân cấp, phân quyền và kiểm soát quyền lực, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, thực hiện mục tiêu trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 cũng đặt ra áp lực lớn đối với năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Điều này đòi hỏi Đảng phải không ngừng đổi mới tư duy phát triển, nâng cao chất lượng hoạch định đường lối, chính sách, tăng cường năng lực dự báo chiến lược và khả năng thích ứng với những biến động nhanh chóng của tình hình trong nước và quốc tế.

Như vậy, bối cảnh trong nước hiện nay vừa tạo ra những điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học -

công nghệ, tổ chức bộ máy và yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới đang thúc đẩy Đảng tiếp tục đổi mới phương thức cầm quyền theo hướng khoa học, dân chủ, hiện đại, hiệu lực và hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ phát triển mới.

4.2.2. Những yêu cầu đặt ra về hoàn thiện năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo; yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành yêu cầu khách quan, cấp thiết. Đây không chỉ là điều kiện bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội mà còn là nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ nhất, nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương và tầm nhìn chiến lược. Trong điều kiện thế giới đang trải qua những biến đổi sâu sắc về kinh tế, chính trị, khoa học - công nghệ và quan hệ quốc tế, năng lực dự báo và hoạch định chiến lược của Đảng phải được nâng lên một bước mới. Đảng cần có khả năng nhận diện chính xác xu hướng phát triển của thời đại, dự báo kịp thời các cơ hội và thách thức, từ đó đề ra đường lối, chủ trương, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước.

Năng lực lãnh đạo không chỉ thể hiện ở việc xác định mục tiêu phát triển đúng đắn mà còn ở khả năng dự báo những biến động lớn của tình hình thế giới và trong nước để chủ động xây dựng các phương án ứng phó. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, biến đổi khí hậu và các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng.

Thứ hai, hoàn thiện năng lực lãnh đạo Nhà nước và xã hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Đảng phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, dân chủ và thượng tôn pháp luật. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay chức năng quản lý của Nhà nước; bảo đảm sự thống nhất giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

Năng lực cầm quyền của Đảng cần được thể hiện thông qua việc lãnh đạo xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, khả thi; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia; hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Đồng thời, Đảng phải bảo đảm mọi hoạt động lãnh đạo đều diễn ra trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, phù hợp với yêu cầu của Nhà nước pháp quyền hiện đại.

Thứ ba, nâng cao năng lực xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu hiện nay là xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Thực tiễn cho thấy những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tham nhũng, tiêu cực; "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" vẫn là những nguy cơ trực tiếp ảnh hưởng đến năng lực lãnh đạo và uy tín cầm quyền của Đảng.

Do đó, Đảng cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng văn hóa liêm chính trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đây là yêu cầu có ý nghĩa sống còn đối với Đảng cầm quyền.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc". Trong điều kiện mới, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ ngày càng cao. Cán bộ không chỉ cần bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất

đạo đức tốt mà còn phải có trình độ chuyên môn, năng lực quản trị hiện đại, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế. Đảng cần tiếp tục đổi mới công tác cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ và khách quan; thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Thứ năm, nâng cao năng lực lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra yêu cầu Đảng phải nâng cao năng lực lãnh đạo phát triển đất nước trên cơ sở tôn trọng các quy luật khách quan của thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng cần nâng cao chất lượng lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển; tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ và kinh tế tư nhân; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đây là một trong những thước đo quan trọng của năng lực cầm quyền trong giai đoạn hiện nay.

Thứ sáu, nâng cao năng lực phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân. Trong điều kiện trình độ dân trí ngày càng cao, yêu cầu tham gia quản lý xã hội của nhân dân ngày càng lớn, Đảng cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế để nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng, thực thi và giám sát chính sách công. Năng lực cầm quyền của Đảng phải được thể hiện thông qua khả năng tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; lắng nghe và giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của nhân dân; bảo đảm mọi chủ trương, chính sách đều xuất phát từ lợi ích của nhân dân. Đồng thời, Đảng cần tăng cường đối thoại xã hội, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Thứ bảy, nâng cao năng lực lãnh đạo trong môi trường số và xã hội số. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang làm thay đổi phương thức quản trị quốc gia và đời sống chính trị - xã hội. Điều này đòi hỏi Đảng phải nâng cao năng lực lãnh đạo trên không gian mạng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và điều hành. Đảng cần đẩy nhanh xây dựng hệ thống dữ liệu số phục vụ công tác lãnh đạo; nâng cao năng lực phân tích, dự báo chiến lược dựa trên dữ liệu; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng; đồng thời tận dụng các nền tảng số để tăng cường tương tác với nhân dân và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng.

Thứ tám, nâng cao năng lực lãnh đạo hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, Đảng cần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo hoạt động đối ngoại, xử lý hiệu quả các mối quan hệ quốc tế, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Điều này đòi hỏi Đảng phải có đội ngũ cán bộ đủ trình độ và bản lĩnh để tham gia vào các tiến trình hợp tác quốc tế; nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo chiến lược; chủ động tham gia xây dựng các cơ chế quản trị khu vực và toàn cầu; đồng thời kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Từ những biến đổi sâu sắc của bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay, yêu cầu hoàn thiện năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược và cấp thiết. Trọng tâm là nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, kiểm soát quyền lực, phát triển đội ngũ cán bộ, hoàn thiện phương thức lãnh đạo Nhà nước và xã hội, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. Đây là những điều kiện quan trọng để Đảng tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

4.3. NHỮNG GIÁ TRỊ GỢI MỞ VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẨM QUYỀN ĐỐI VỚI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4.3.1. Đổi mới phương thức lãnh đạo phải bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận và triết lý cầm quyền

Hệ thống lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc như một thành quả lý luận đặc sắc, được hình thành trong tiến trình “Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác” và “hiện đại hóa Chủ nghĩa Mác”. Đây là quá trình vừa mang tính kế thừa, vừa mang tính sáng tạo, thể hiện sự phát triển độc lập của tư duy lý luận mácxít trong điều kiện lịch sử, văn hóa và chính trị đặc thù của Trung Quốc: “Không có chủ nghĩa Mác trù tượng, chỉ có chủ nghĩa Mác cụ thể. Cái gọi là chủ nghĩa Mác cụ thể là chủ nghĩa Mác thông qua hình thức dân tộc tức là áp dụng chủ nghĩa Mác vào các cuộc đấu tranh cụ thể trong điều kiện cụ thể của Trung Quốc, thay vì áp dụng nó một cách trù tượng. Chủ nghĩa Mác trở thành một bộ phận của dân tộc Trung Hoa vĩ đại, liên hệ máu thịt với các đảng viên Đảng Cộng sản của dân tộc Trung Hoa, bàn về chủ nghĩa Mác mà không gắn với đặc điểm của Trung Quốc, thì đó là chủ nghĩa Mác trống rỗng và trù tượng. Vì vậy, Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác là làm cho mọi cách diễn đạt và biểu hiện của nó đều mang đặc điểm Trung Quốc. Căn cứ vào đặc điểm của Trung Quốc mà áp dụng nó trở thành một vấn đề mà toàn đảng cần nhận thức sâu sắc và giải quyết khẩn cấp” [dẫn theo 57, tr.10]. Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời là kết quả của quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác vào Trung Quốc, là sự trưởng thành của phong trào yêu nước, phong trào cách mạng. Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn giương cao ngọn cờ tư tưởng chủ nghĩa Mác, coi đó là tư tưởng chỉ đạo. Các thế hệ những người cộng sản Trung Quốc đã không ngừng dùng thế giới quan, phương pháp luận... các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác để giải quyết các vấn đề của Trung Quốc. “Thực sự cầu thị”, “giải phóng tư tưởng”, “giải phóng sức sản xuất xã hội” là những bài học

kinh nghiệm quý của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong 100 năm qua. Tại Lễ kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã nhấn mạnh: “Tại sao Đảng Cộng sản Trung Quốc có thể..., quy cho cùng là chủ nghĩa Mác rất hay” [93].

Đồng thời, với việc kết hợp các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với thực tiễn Trung Quốc, với văn hóa và con người Trung Quốc, không được giáo điều, thoát ly thực tế... Đảng Cộng sản Trung Quốc còn luôn tổng kết thực tiễn, khái quát hóa lý luận, đổi mới lý luận, hình thành nên hệ thống lý luận và dùng hệ thống lý luận đó quay trở lại chỉ đạo thực tiễn. Con đường phát triển phải là con đường sáng tạo, trước hết là sáng tạo lý luận, trên cơ sở đó, đề ra đường lối chủ trương chính sách. “Không có lý luận cách mạng sẽ không có vận động cách mạng”; không có lý luận, sẽ không có sáng tạo trong thực tiễn. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở Trung Quốc trong 100 năm qua gắn liền với tổng kết thực tiễn, đổi mới lý luận. Tư tưởng Mao Trạch Đông là kết quả của quá trình Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác, đồng thời cũng là quá trình không ngừng tổng kết thực tiễn cách mạng Trung Quốc và được nâng cao, khái quát hóa thành tư tưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Lý luận Đặng Tiểu Bình là kết quả của việc vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác để giải quyết các vấn đề thực tiễn của Trung Quốc, là kết quả của quá trình thúc đẩy tiến trình cải cách mở cửa ở Trung Quốc. Tư tưởng về “Ba đại diện” trong xây dựng Đảng, quan điểm phát triển khoa học, lý thuyết về “xây dựng xã hội hài hoà” là những nỗ lực của các nhà lãnh đạo Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI nhằm tìm tòi, khai phá con đường phát triển của Trung Quốc. Tư tưởng Tập Cận Bình về CNXH đặc sắc Trung Quốc thời đại mới chỉ đạo và thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa, phục hưng Trung Hoa tới giữa thế kỷ XXI. Một trăm năm qua cho thấy: sự chuyển giao của các thế hệ lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, mỗi thế hệ lãnh đạo đều để lại “dấu ấn lịch sử”, thể hiện sự tìm tòi, khám phá, sáng tạo của mỗi thế hệ lãnh đạo của

Đảng Cộng sản Trung Quốc xuất phát từ thực tiễn và “đặc thù” Trung Quốc đã lý giải và vận dụng chủ nghĩa Mác theo cách thức của mình.

Xét về phương diện lý luận phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc chính là quá trình vận dụng linh hoạt các nguyên lý phổ quát của chủ nghĩa Mác vào thực tiễn cách mạng Trung Quốc. Từ tư tưởng Mao Trạch Đông, Lý luận Đặng Tiểu Bình, đến Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới, hệ thống lý luận này phản ánh tư duy đổi mới về vai trò, phương thức và công cụ lãnh đạo của Đảng - tức là chuyển từ mô hình “cách mạng hóa” sang “cầm quyền hóa”, từ “lãnh đạo bằng mệnh lệnh” sang “lãnh đạo bằng pháp trị, năng lực quản trị và hiệu quả chính sách”. Về phương diện thực tiễn, những thành tựu trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện năng lực thích ứng của một đảng cầm quyền trước những biến đổi sâu sắc của thời đại - bao gồm toàn cầu hóa, cách mạng khoa học - công nghệ, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, và sự thay đổi trong cấu trúc xã hội. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã không ngừng điều chỉnh phương thức lãnh đạo nhằm duy trì vai trò trung tâm của Đảng, đồng thời nâng cao tính hợp pháp của chế độ thông qua hiệu quả quản trị, năng lực hoạch định chính sách và khả năng đáp ứng các nhu cầu mới của xã hội.

Những kết quả quan trọng trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc có giá trị quan trọng khẳng định rằng: việc xây dựng và phát triển triết lý lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay phải được đặt trên nền tảng kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng” [24, tr.382].

Trong lịch sử phát triển của các đảng cầm quyền trên thế giới, mọi sự đổi mới thành công về phương thức lãnh đạo đều bắt nguồn từ sự đổi mới trong tư duy và nhận thức lý luận. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, yêu cầu này càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những thời cơ và thách thức đan xen chưa từng có. Thực tiễn cho thấy, phương thức lãnh đạo không phải là yếu tố bất biến mà luôn vận động cùng với sự phát triển của xã hội, trình độ dân trí, sự hoàn thiện của Nhà nước pháp quyền và yêu cầu của công cuộc phát triển đất nước. Vì vậy, muốn đổi mới phương thức lãnh đạo một cách căn bản, hiệu quả và bền vững thì trước hết phải đổi mới tư duy lý luận và triết lý cầm quyền của Đảng.

Thứ nhất, tư duy lý luận là nền tảng quyết định phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong bất kỳ tổ chức chính trị nào, phương thức lãnh đạo luôn là sự phản ánh trực tiếp của tư duy lãnh đạo. Nói cách khác, phương thức lãnh đạo là sự hiện thực hóa của tư duy lý luận trong thực tiễn. Nếu tư duy không thay đổi thì rất khó có thể tạo ra những đổi mới thực chất về phương thức lãnh đạo.

Lịch sử cách mạng Việt Nam cho thấy, những bước ngoặt quan trọng nhất đều bắt nguồn từ sự đổi mới tư duy. Đại hội VI (1986) được xem là cột mốc mở đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Thành công của Đại hội không phải bắt đầu từ việc thay đổi tổ chức bộ máy hay quy trình quản lý, mà bắt đầu từ sự đổi mới nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội, về kinh tế thị trường, về động lực phát triển và về mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường. Chính sự đổi mới tư duy đó đã mở đường cho hàng loạt đổi mới trong phương thức lãnh đạo, quản lý và điều hành đất nước.

Ngày nay, bối cảnh phát triển mới đang đặt ra nhiều vấn đề lý luận mà trước đây chưa từng xuất hiện. Kinh tế số, xã hội số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuyển đổi xanh, an ninh phi truyền thống, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và xu hướng toàn cầu hóa đa tầng nấc đang làm thay đổi căn bản

môi trường lãnh đạo và quản trị quốc gia. Những biến đổi đó đòi hỏi Đảng phải tiếp tục đổi mới tư duy lý luận nhằm tạo ra cơ sở khoa học cho việc điều chỉnh phương thức lãnh đạo. Đổi mới tư duy lý luận hiện nay cần tập trung vào việc chuyển từ tư duy quản lý xã hội theo mô hình hành chính truyền thống sang tư duy quản trị phát triển hiện đại; từ tư duy chỉ huy, điều hành sang tư duy kiến tạo, dẫn dắt; từ tư duy kinh nghiệm sang tư duy khoa học dựa trên dữ liệu và bằng chứng; từ tư duy phản ứng bị động sang tư duy dự báo và chủ động kiến tạo tương lai. Đây chính là tiền đề để hình thành những phương thức lãnh đạo mới phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số.

Thứ hai, cần phát triển triết lý cầm quyền hiện đại làm cơ sở cho đổi mới phương thức lãnh đạo. Nếu tư duy lý luận giúp nhận thức đúng thực tiễn thì triết lý cầm quyền lại quyết định cách thức sử dụng quyền lực chính trị. Triết lý cầm quyền là hệ thống những giá trị nền tảng, những quan điểm cốt lõi định hướng cho hoạt động lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Trong điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, vấn đề xây dựng và phát triển triết lý cầm quyền có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ, quyền lực chính trị không chỉ là công cụ để lãnh đạo xã hội mà còn là trách nhiệm trước Nhân dân và dân tộc. Một đảng cầm quyền muốn duy trì vai trò lãnh đạo lâu dài phải không ngừng trả lời được các câu hỏi căn bản: cầm quyền vì ai, cầm quyền để làm gì và cầm quyền bằng cách nào.

Thực tiễn cho thấy, trong quá trình phát triển, Đảng ta từng bước hình thành những nội dung cơ bản của triết lý cầm quyền như: lấy Nhân dân làm trung tâm; mọi quyền lực thuộc về Nhân dân; phát triển vì hạnh phúc của Nhân dân; kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát huy dân chủ và tăng cường pháp chế. Tuy nhiên, trước những yêu cầu mới của thời đại, những nội dung đó cần tiếp tục được hệ thống hóa, bổ sung và phát triển thành một triết lý

cầm quyền hiện đại, toàn diện và nhất quán hơn. Triết lý cầm quyền trong giai đoạn mới cần được xây dựng trên nền tảng phát triển con người là mục tiêu cao nhất của mọi chính sách. Mọi hoạt động lãnh đạo phải hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống, mở rộng cơ hội phát triển, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người dân. Đây vừa là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội, vừa là xu hướng chung của quản trị quốc gia hiện đại.

Thứ ba, chuyển từ tư duy “quản lý” sang tư duy “kiến tạo phát triển”. Một trong những nội dung quan trọng nhất của đổi mới triết lý cầm quyền hiện nay là chuyển từ mô hình cầm quyền thiên về quản lý, kiểm soát sang mô hình cầm quyền kiến tạo phát triển. Trong nhiều giai đoạn lịch sử, việc tập trung quyền lực để huy động nguồn lực cho mục tiêu phát triển là cần thiết. Tuy nhiên, khi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện, xã hội ngày càng đa dạng và trình độ dân trí ngày càng cao, phương thức lãnh đạo dựa chủ yếu vào mệnh lệnh hành chính sẽ không còn phù hợp.

Đảng cần tập trung vào những chức năng cốt lõi như hoạch định tầm nhìn chiến lược, định hướng phát triển dài hạn, xây dựng thể chế, bảo đảm ổn định chính trị và tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Thay vì can thiệp sâu vào các hoạt động tác nghiệp của Nhà nước, doanh nghiệp hay các tổ chức xã hội, Đảng cần nâng cao năng lực dẫn dắt, điều phối và kiến tạo động lực phát triển. Điều này đòi hỏi phải đổi mới phương thức ban hành nghị quyết, nâng cao chất lượng hoạch định chính sách, tăng cường nghiên cứu chiến lược, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong lãnh đạo và quản trị quốc gia. Đây chính là biểu hiện cụ thể của việc đổi mới phương thức lãnh đạo trên cơ sở đổi mới triết lý cầm quyền.

Thứ tư, đổi mới nhận thức về quyền lực và kiểm soát quyền lực. Một nội dung đặc biệt quan trọng của đổi mới tư duy lý luận và triết lý cầm quyền là đổi mới nhận thức về quyền lực. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, quyền lực

chính trị phải được nhận thức là sự ủy quyền của Nhân dân. Đảng không đứng trên Nhân dân mà là lực lượng lãnh đạo phục vụ lợi ích của Nhân dân. Vì vậy, cùng với việc nâng cao hiệu lực lãnh đạo, cần đặc biệt coi trọng kiểm soát quyền lực.

Triết lý cầm quyền hiện đại không chỉ quan tâm đến việc làm thế nào để có quyền lực mà còn phải trả lời câu hỏi quyền lực được kiểm soát như thế nào. Đây là yêu cầu sống còn đối với mọi đảng cầm quyền. Những nguy cơ như quan liêu, tham nhũng, lạm quyền, xa dân hay lợi ích nhóm đều bắt nguồn từ việc quyền lực không được kiểm soát hiệu quả. Do đó, đổi mới phương thức lãnh đạo phải gắn với việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng, giữa Đảng với Nhà nước, giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và đặc biệt là cơ chế giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy công quyền. Đây vừa là yêu cầu khách quan của xây dựng Nhà nước pháp quyền, vừa là điều kiện bảo đảm tính chính danh và sức sống của Đảng cầm quyền.

Thứ năm, phát triển văn hóa cầm quyền và đạo đức cầm quyền. Đổi mới tư duy lý luận và triết lý cầm quyền không chỉ dừng lại ở nhận thức chính trị mà còn phải hướng tới xây dựng văn hóa cầm quyền. Một đảng cầm quyền hiện đại không thể chỉ dựa vào quyền lực tổ chức mà phải dựa vào uy tín chính trị, năng lực lãnh đạo và đạo đức cầm quyền. Văn hóa cầm quyền thể hiện ở thái độ tôn trọng Nhân dân, tinh thần phục vụ Nhân dân, khả năng đối thoại với xã hội, ý thức chịu trách nhiệm trước Nhân dân và sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, người dân có điều kiện tham gia ngày càng sâu rộng vào đời sống chính trị - xã hội, yêu cầu về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự gần dân của đội ngũ lãnh đạo ngày càng cao. Vì vậy, phương thức lãnh đạo của Đảng cần được đổi mới theo hướng dân chủ hơn, công khai hơn, minh bạch hơn và dựa nhiều hơn vào sự đồng thuận xã hội.

4.3.2. Đảng lãnh đạo ngày càng nhiều bằng thể chế, pháp luật và cơ chế chính sách thay cho can thiệp hành chính trực tiếp

Từ thực tiễn phát triển lý luận và sự chuyển biến phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc qua các thời kỳ lãnh đạo của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào và Tập Cận Bình, cho thấy: lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của một Đảng Cộng sản không mang tính bất biến, mà vận động, chuyển biến và tái cấu trúc theo yêu cầu của từng giai đoạn lịch sử, nhằm đảm bảo điều kiện cầm quyền lâu dài và tính chính danh của một Đảng Cộng sản cụ thể phù hợp với bối cảnh quốc gia và quốc tế với nhiều biến động không ngừng. Đảng Cộng sản phải không ngừng “tự cách mạng” điều chỉnh phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, làm rõ hơn ranh giới và cơ chế giữa lãnh đạo của Đảng với quản lý của Nhà nước, nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia bằng thể chế hóa và pháp quyền hóa phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Tính chính danh của Đảng Cộng sản không chỉ xuất phát từ vai trò lịch sử trong cách mạng, mà ngày càng gắn với năng lực “tự cách mạng” tạo ra sự phát triển và hiệu quả quản trị quốc gia hiện đại đảm bảo quyền lợi của quần chúng nhân dân; quyền lực không chỉ dựa trên uy tín chính trị, mà phải được đặt trong khuôn khổ thể chế và cơ chế kiểm soát nghiêm minh, phù hợp.

Lãnh đạo bằng thể chế, pháp luật và cơ chế chính sách là phương thức mà ở đó Đảng không trực tiếp điều hành các hoạt động quản lý nhà nước hằng ngày mà tác động đến đời sống xã hội thông qua việc định hướng xây dựng hệ thống luật pháp, chính sách và các thiết chế quản trị. Theo cách tiếp cận này, Đảng lãnh đạo trước hết bằng cương lĩnh, đường lối, chiến lược phát triển đất nước. Các quan điểm, mục tiêu và định hướng lớn của Đảng được Nhà nước cụ thể hóa thành pháp luật, chiến lược phát triển, quy hoạch, chương trình và các chính sách công. Sau khi được thể chế hóa, các chủ trương của Đảng trở thành khuôn khổ pháp lý mang tính bắt buộc và được thực thi thống nhất

trong toàn xã hội. Điều này tạo nên sự khác biệt căn bản giữa lãnh đạo chính trị và quản lý hành chính, Đảng quyết định phương hướng phát triển của đất nước, Nhà nước tổ chức thực hiện phương hướng đó bằng pháp luật, chính quyền các cấp quản lý xã hội theo pháp luật, người dân và doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Như vậy, pháp luật trở thành cầu nối giữa sự lãnh đạo của Đảng với hoạt động quản lý của Nhà nước và đời sống xã hội. Trong mô hình này, chất lượng lãnh đạo của Đảng không được đo bằng số lượng văn bản chỉ đạo hành chính hay mức độ can thiệp vào công việc cụ thể, mà được đánh giá bằng chất lượng của đường lối, chủ trương và khả năng chuyển hóa các chủ trương đó thành những thể chế phát triển hiệu quả. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, chúng ta cần tập trung vào:

Một là, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cần tiếp tục làm rõ hơn ranh giới và cơ chế giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, định hướng lớn; Nhà nước quản lý bằng pháp luật và tổ chức thực thi chính sách. Đổi mới phương thức lãnh đạo ở Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế “Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ” theo hướng phân định rõ hơn giữa quyết sách chính trị và điều hành hành chính. Điều này không làm giảm vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, mà giúp nâng cao hiệu lực của Nhà nước, đồng thời tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị công.

Hai là, song song là tăng cường minh bạch hóa quy trình ra quyết định, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong quản trị công cũng là những phương diện cụ thể của quá trình thể chế hóa phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thể chế hóa phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ở đây không chỉ dừng ở việc ban hành nghị quyết, chỉ thị, mà cần cụ thể hóa thành quy trình rõ ràng, minh bạch, có cơ chế giám sát độc lập tương đối và có chế tài nghiêm minh. Việc công khai hóa một số quy trình ra quyết định, mở rộng tham vấn chính sách và tăng cường giám sát

của cơ quan dân cử cũng là những phương diện quan trọng của pháp quyền hóa phương thức lãnh đạo. Xây dựng và hoàn thiện các nguyên tắc quản trị khoa học, quản trị dân chủ và quản trị theo pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả việc thể chế hóa phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hướng tới nền quản trị hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, pháp quyền hóa phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, pháp quyền hóa phương thức lãnh đạo không đồng nghĩa với “nhà nước hóa” Đảng, mà là bảo đảm mọi hoạt động lãnh đạo đều đặt trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Điều này phù hợp với nguyên tắc Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - nơi Hiến pháp xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đồng thời khẳng định nguyên tắc thượng tôn pháp luật. Do đó, đổi mới phương thức lãnh đạo cần hướng tới chuẩn hóa quy trình ban hành nghị quyết, tăng cường đánh giá tác động chính sách trước và sau khi thực hiện, và bảo đảm sự phù hợp giữa chủ trương của Đảng với hệ thống pháp luật hiện hành.

Nhằm đảm bảo điều kiện cầm quyền lâu dài, khẳng định tính chính danh của một Đảng Cộng sản trong bối cảnh hiện nay phụ thuộc ngày càng nhiều vào mức độ thể chế hóa và pháp quyền hóa phương thức lãnh đạo của Đảng, vì thế, đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, nhận thức và quyết tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền với phương châm “tự cách mạng”, “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia theo hướng thể chế hóa, pháp quyền hóa phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đảm bảo hiện đại hóa quản trị quốc gia, minh bạch hóa quy trình và và tăng cường kiểm soát quyền lực là điều kiện bảo đảm tính chính danh, điều kiện cầm quyền lâu dài của Đảng Cộng sản - Đây là, cơ sở quan trọng nhằm thực hiện vai trò lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc trong bối cảnh phát triển mới của đất nước và bối cảnh quốc tế với những diễn biến phức tạp.

4.3.3. Phát huy năng lực tự điều chỉnh thể chế trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh thế giới và trong nước đang diễn ra những biến đổi sâu sắc, phức tạp, bao gồm tác động đa chiều của toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, những chuyển dịch căn bản trong cấu trúc kinh tế - xã hội, cũng như sự đa dạng hóa ngày càng rõ nét về nhu cầu, lợi ích và kỳ vọng của các tầng lớp nhân dân, yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một đòi hỏi mang tính khách quan và cấp thiết. Trong điều kiện Đảng là lực lượng chính trị duy nhất cầm quyền, không tồn tại cơ chế cạnh tranh quyền lực theo mô hình đa đảng, thì năng lực tự điều chỉnh thể chế nổi lên như một nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với khả năng thích ứng, hiệu quả lãnh đạo, tính chính danh và chiến lược cầm quyền lâu dài của Đảng Cộng sản “Nâng cao năng lực tự đổi mới, tự hoàn thiện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân” [24, tr.419]. Tự điều chỉnh thể chế ở đây không chỉ được hiểu như những phản ứng mang tính tình thế trước các khó khăn, thách thức phát sinh trong quá trình lãnh đạo và quản trị quốc gia, mà quan trọng hơn, đó là năng lực chủ động, tự giác và có hệ thống của Đảng trong việc nhận diện những hạn chế nội tại, tiếp nhận phản hồi từ thực tiễn và từ xã hội, kịp thời sửa chữa sai lầm, điều chỉnh tư duy, phương thức và cơ chế vận hành quyền lực, qua đó không ngừng hoàn thiện thể chế lãnh đạo, cầm quyền trên nền tảng kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Năng lực tự điều chỉnh thể chế là biểu hiện tập trung của khả năng tự đổi mới, tự chỉnh đốn của một đảng cầm quyền, phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa yêu cầu bảo đảm tính ổn định của quyền lực với đòi hỏi phải duy trì tính linh hoạt, thích ứng của phương thức cầm quyền trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Chủ nghĩa Mác - Lênin

khẳng định rằng quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền chỉ có thể được duy trì một cách bền vững khi gắn bó chặt chẽ với lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân và thường xuyên được kiểm nghiệm, điều chỉnh thông qua thực tiễn cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nhất quán nhấn mạnh yêu cầu Đảng phải thường xuyên “tự soi, tự sửa”, coi việc dũng cảm nhận khuyết điểm, sửa chữa sai lầm không phải là biểu hiện của sự suy yếu, mà trái lại, là dấu hiệu của một đảng chân chính cách mạng, có bản lĩnh chính trị và trách nhiệm trước nhân dân. Theo logic đó, tự điều chỉnh thể chế không làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, mà chính là điều kiện quan trọng để củng cố tính chính danh cầm quyền của Đảng Cộng sản và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức thuyết phục xã hội của Đảng Cộng sản trong những hoàn cảnh mới.

Trong khoa học chính trị và quản trị công hiện đại, năng lực tự điều chỉnh thể chế được xem là thành tố cốt lõi của mô hình “quản trị thích ứng”, cho phép các thiết chế quyền lực duy trì hiệu quả vận hành trong môi trường biến động cao, đồng thời giảm thiểu nguy cơ khủng hoảng thể chế do sự trì trệ hoặc bảo thủ trong tư duy và phương thức điều hành. Những biến đổi mạnh mẽ của bối cảnh trong nước trong hơn ba thập niên đổi mới vừa qua đã và đang đặt ra những yêu cầu mới đối với năng lực tự điều chỉnh thể chế của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ tạo ra động lực tăng trưởng và nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, mà còn làm xuất hiện một cơ cấu xã hội ngày càng đa dạng, với sự phân hóa lợi ích ngày càng phức tạp giữa các nhóm xã hội, các khu vực kinh tế và các vùng lãnh thổ. Cùng với đó, trình độ dân trí, mức độ tiếp cận thông tin và ý thức về quyền, lợi ích hợp pháp của người dân ngày càng được nâng cao, kéo theo những yêu cầu ngày càng lớn về tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình của bộ máy lãnh đạo, quản lý. Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân, của xã hội số, của truyền thông mạng và không gian công cộng trực tuyến đã làm thay đổi căn bản

phương thức tương tác giữa Đảng, Nhà nước và xã hội, buộc phương thức lãnh đạo, cầm quyền không thể tiếp tục dựa chủ yếu vào các mệnh lệnh hành chính hay cơ chế huy động mang tính chiến dịch, mà phải chuyển mạnh sang định hướng chiến lược, kiến tạo thể chế, dẫn dắt phát triển và giám sát thực thi chính sách một cách hiệu quả và bền vững hơn.

Trên bình diện quốc tế, Việt Nam đang hoạt động trong một môi trường đầy biến động, với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự đan xen phức tạp giữa hợp tác và đấu tranh trong tiến trình hội nhập quốc tế, cũng như áp lực ngày càng lớn trong việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về quản trị quốc gia, minh bạch, phát triển bền vững và bảo đảm quyền con người. Những yếu tố này không chỉ tác động trực tiếp đến không gian phát triển và an ninh quốc gia, mà còn đặt ra yêu cầu khách quan đối với Đảng cầm quyền trong việc không ngừng nâng cao năng lực điều chỉnh thể chế nhằm thích ứng linh hoạt với môi trường quốc tế, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể của quốc gia. Trong bối cảnh đó, phát huy năng lực tự điều chỉnh thể chế trở thành nội dung trung tâm của quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một trong những biểu hiện quan trọng của quá trình này là sự chuyển đổi từ phương thức lãnh đạo trực tiếp, bao biện, can thiệp sâu vào hoạt động quản lý sang phương thức lãnh đạo thông qua thể chế, pháp luật và chiến lược phát triển dài hạn.

Việc đổi mới này không chỉ nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, lẫn lộn chức năng giữa Đảng và Nhà nước, mà còn hướng tới việc nâng cao hiệu quả quản trị công, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các chủ thể trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trong phương thức lãnh đạo mới, Đảng tập trung nhiều hơn vào việc xác định tầm nhìn, mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của đất nước; thiết kế và hoàn thiện khung thể chế phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đồng thời tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực thi chính sách trên cơ sở các

tiêu chí rõ ràng và đo lường được. Cùng với đó, việc mở rộng và thể chế hóa các kênh phản hồi xã hội trở thành một yêu cầu không thể thiếu trong việc phát huy năng lực tự điều chỉnh thể chế. Phản hồi từ nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức, các tổ chức chính trị - xã hội và xã hội nghề nghiệp không chỉ là nguồn thông tin quan trọng giúp phát hiện sớm những bất cập, hạn chế trong chính sách và thể chế, mà còn là cơ sở để Đảng điều chỉnh kịp thời các quyết sách, qua đó nâng cao chất lượng lãnh đạo và củng cố sự đồng thuận xã hội. Việc mở rộng phản hồi xã hội không đồng nghĩa với việc làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, mà trái lại, là cách thức để Đảng tăng cường sức mạnh lãnh đạo thông qua việc nâng cao tính khoa học, thực tiễn và khả thi của các quyết định chính trị.

Một Đảng cầm quyền hiện đại cũng cần coi việc đánh giá, sửa sai và nâng cao trách nhiệm giải trình là những thành tố bình thường và không thể thiếu của quá trình quản trị. Việc phát triển các cơ chế đánh giá chính sách dựa trên kết quả đầu ra và tác động xã hội, xác lập rõ ràng trách nhiệm giải trình của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đồng thời khuyến khích tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm sẽ góp phần khắc phục những biểu hiện của “dân chủ hình thức” và “bệnh thành tích”, vốn là những nguy cơ tiềm ẩn trong điều kiện quyền lực tập trung cao. Tự điều chỉnh thể chế chỉ có thể phát huy hiệu quả khi gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nền tảng chính trị và tổ chức cho mọi nỗ lực đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền. Công tác phòng, chống tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống không chỉ nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, mà còn tạo điều kiện để nâng cao năng lực tự học hỏi, tự thích ứng và tự đổi mới của toàn bộ hệ thống chính trị. Việc phát huy năng lực tự điều chỉnh thể chế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc củng cố tính chính danh của Đảng Cộng sản, nâng cao hiệu quả lãnh đạo và quản trị

quốc gia, duy trì sự ổn định chính trị gắn với phát triển bền vững, cũng như tăng cường khả năng ứng phó với các cú sốc trong nước và quốc tế.

Trong điều kiện không tồn tại cơ chế cạnh tranh chính trị theo mô hình đa đảng, tự điều chỉnh thể chế chính là “cơ chế cân bằng nội tại” giúp Đảng Cộng sản Việt Nam duy trì sức sống, năng lực thích ứng và vai trò lãnh đạo lâu dài. Có thể khẳng định rằng, phát huy năng lực tự điều chỉnh thể chế trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền không chỉ là yêu cầu mang tính trước mắt, mà còn là chiến lược lâu dài gắn liền với chiến lược cầm quyền lâu dài và khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế tiếp tục biến động nhanh chóng và phức tạp, năng lực này cho phép Đảng vừa giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa linh hoạt thích ứng với những yêu cầu mới của phát triển và hội nhập, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất, hợp hiến và hợp lòng dân trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam - một đảng duy nhất cầm quyền, năng lực này càng có ý nghĩa đặc biệt. Trong điều kiện không tồn tại cơ chế cạnh tranh chính trị theo mô hình đa đảng, tự điều chỉnh từ bên trong trở thành cơ chế chủ yếu để bảo đảm sự năng động, linh hoạt và sức sống của hệ thống chính trị. Nếu thiếu năng lực tự điều chỉnh, quyền lực dễ rơi vào trạng thái trì trệ, bảo thủ, thậm chí là tự khép kín, làm suy giảm hiệu quả lãnh đạo và quản trị quốc gia.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng không chỉ là đổi mới cách thức ban hành nghị quyết hay tổ chức thực hiện, mà sâu xa hơn là đổi mới logic vận hành quyền lực. Yêu cầu nâng cao năng lực tự điều chỉnh thể chế giúp Đảng chuyển từ mô hình lãnh đạo thiên về mệnh lệnh - hành chính sang mô hình lãnh đạo dựa nhiều hơn vào định hướng chiến lược, thiết lập khuôn khổ thể chế và dẫn dắt sự phát triển.

Thứ nhất, năng lực tự điều chỉnh thể chế giúp Đảng nâng cao chất lượng hoạch định đường lối và chính sách. Khi các chủ trương, chính sách được ban hành không chỉ dựa trên ý chí chủ quan, mà còn được điều chỉnh liên tục thông qua phản hồi thực tiễn, thì khả năng phù hợp và hiệu quả của chính sách sẽ được nâng cao. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nơi các quan hệ lợi ích đa dạng và biến động nhanh chóng.

Thứ hai, tự điều chỉnh thể chế là điều kiện để đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng tôn trọng tính tự chủ, sáng tạo của các chủ thể trong hệ thống chính trị. Một Đảng cầm quyền có năng lực tự điều chỉnh sẽ tránh được xu hướng bao biện, làm thay, can thiệp sâu vào hoạt động quản lý của Nhà nước và xã hội, từ đó tạo không gian cho các cấp, các ngành và địa phương phát huy tính chủ động trong thực thi chính sách.

Thứ ba, một đặc điểm nổi bật của quản trị hiện đại là coi sửa sai không phải là biểu hiện của yếu kém, mà là dấu hiệu của năng lực quản trị cao. Trong thực tế, không có chính sách nào hoàn hảo ngay từ đầu, đặc biệt trong điều kiện biến động nhanh của kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Do đó, khả năng nhận diện sai lầm và điều chỉnh kịp thời trở thành tiêu chí quan trọng của một Đảng cầm quyền hiện đại. Việc nâng cao năng lực tự điều chỉnh thể chế giúp Đảng Cộng sản Việt Nam chuyển từ tư duy “đúng - sai” sang tư duy “thử nghiệm - điều chỉnh - hoàn thiện”. Đây là bước chuyển quan trọng trong đổi mới phương thức cầm quyền, giúp Đảng vừa giữ vững vai trò lãnh đạo, vừa tránh được tâm lý bảo thủ, sợ sai, sợ trách nhiệm, khơi dậy trong đội ngũ cán bộ phong khí khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, môi trường lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố bên ngoài như biến động kinh tế thế giới, cạnh tranh chiến lược

giữa các nước lớn, cách mạng khoa học - công nghệ và các chuẩn mực quản trị toàn cầu. Điều này đòi hỏi Đảng phải có năng lực thích ứng cao, trong đó tự điều chỉnh thể chế đóng vai trò trung tâm. Nâng cao năng lực tự điều chỉnh giúp Đảng không rơi vào trạng thái “phòng thủ tư tưởng” cứng nhắc, mà có thể chủ động tiếp thu có chọn lọc những giá trị tiến bộ của thế giới, đồng thời giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây chính là biểu hiện sinh động của đổi mới phương thức cầm quyền trong điều kiện hội nhập.

4.3.4. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng: Từ ban hành chính sách đến nâng cao hiệu quả thực thi

Trong bối cảnh phát triển mới của đất nước, yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng được đặt ra một cách cấp thiết, đặc biệt là trước những thách thức của quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, hội nhập quốc tế sâu rộng và yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị quốc gia. Một trong những nội dung cốt lõi của quá trình đổi mới đó là chuyển mạnh từ phương thức lãnh đạo chủ yếu dựa trên việc ban hành chủ trương, chính sách sang nâng cao năng lực tổ chức thực thi chính sách một cách hiệu quả, hướng tới “tạo ra sản phẩm và kết quả thực tế”. Thực tiễn cho thấy, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của một Đảng không chỉ được thể hiện ở khả năng đề ra đường lối đúng đắn, mà còn ở hiệu quả chuyển hóa các chủ trương đó thành kết quả cụ thể trong đời sống kinh tế - xã hội. Thực tiễn 40 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối đúng đắn, kịp thời, góp phần định hướng sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước “Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng có nhiều đổi mới, hiệu quả hơn” [24, tr.373]. Tuy nhiên, thực tiễn đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng còn tồn tại một số hạn chế nhất định, “Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ. Chưa khắc phục được tình trạng nội dung một số văn bản còn chung chung, chậm được bổ sung, sửa đổi, thay thế” [24, tr.381] và tồn tại khoảng cách

giữa chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng với cuộc sống của nhân dân, thể hiện qua tình trạng một số chính sách chậm được triển khai, hiệu quả chưa cao, hoặc chưa đáp ứng kỳ vọng của người dân và doanh nghiệp. Điều này phản ánh một hạn chế mang tính hệ thống trong năng lực tổ chức thực thi chính sách trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Do đó, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay cần thực hiện tốt quá trình ban hành chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng cần đặc biệt quan tâm đến tính khả thi, gắn với điều kiện thực hiện và cơ chế triển khai; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết nhằm bảo đảm các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng được thực hiện một cách hiệu quả và đồng bộ và thực sự đi vào cuộc sống của nhân dân. Để nâng cao năng lực tổ chức thực thi hiệu quả chính sách trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam cần được thực hiện qua các giai đoạn sau:

Giai đoạn hoạch định và ban hành chính sách, Đảng thực hiện vai trò định hướng chiến lược thông qua việc xác lập chủ trương, đường lối và ban hành nghị quyết. Tuy nhiên, yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo đặt ra là phải vượt qua cách tiếp cận truyền thống chỉ dừng lại ở “đúng về nhận thức”, để tiến tới “đúng và khả thi trong thực tiễn”. Theo đó, việc xây dựng nghị quyết cần gắn chặt với điều kiện thực hiện, nguồn lực và cơ chế triển khai ngay từ đầu. Điều này đòi hỏi chuyển từ tư duy “ban hành chủ trương là hoàn thành nhiệm vụ” sang tư duy “ban hành chủ trương là khởi đầu của quá trình tạo ra kết quả”. Các chính sách cần được thiết kế theo hướng có mục tiêu cụ thể, đo lường được, gắn với thực tiễn và dự kiến rõ cơ chế tổ chức thực hiện, phân công trách nhiệm, qua đó bảo đảm tính khả thi và hiệu lực ngay từ khâu khởi đầu.

Giai đoạn tổ chức thực thi chính sách giữ vị trí trung tâm, phản ánh trực tiếp năng lực cầm quyền của Đảng. Đây là khâu quyết định việc chuyển hóa

chủ trương thành kết quả cụ thể trong đời sống kinh tế - xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo đòi hỏi chuyển mạnh từ “lãnh đạo bằng ban hành” sang “lãnh đạo bằng tổ chức thực hiện”, trong đó vai trò của hệ thống chính trị, đặc biệt là chính quyền các cấp và đội ngũ cán bộ, trở nên then chốt. Việc thực thi chính sách cần bảo đảm phân cấp, phân quyền rõ ràng, gắn với trách nhiệm cụ thể; tăng cường phối hợp liên ngành, tránh chồng chéo; đồng thời huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả. Quan trọng hơn, kết quả thực thi phải được thể hiện bằng các sản phẩm cụ thể, như chất lượng dịch vụ công được nâng cao, kết cấu hạ tầng được cải thiện, thu nhập và đời sống của nhân dân được nâng lên. Đây chính là biểu hiện trực tiếp của năng lực lãnh đạo, cầm quyền trong thực tiễn.

Giai đoạn kiểm tra, giám sát đóng vai trò bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương và hiệu lực của toàn bộ hệ thống. Một điểm đổi mới quan trọng là chuyển từ mô hình giám sát thiên về “hậu kiểm” sang kết hợp “tiền kiểm - trung kiểm - hậu kiểm”, qua đó phát hiện sớm và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi. Nội dung giám sát cần tập trung vào tiến độ, chất lượng thực hiện chính sách, mức độ tuân thủ quy định và trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Đồng thời, cần phát huy cơ chế giám sát đa chiều, bao gồm kiểm tra của Đảng, thanh tra, kiểm toán của Nhà nước, cũng như giám sát của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và nhân dân, qua đó nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Giai đoạn đánh giá chính sách phản ánh bước chuyển từ “lãnh đạo theo quy trình” sang “lãnh đạo theo kết quả”. Việc đánh giá không chỉ dừng lại ở mức độ hoàn thành nhiệm vụ hành chính, mà phải dựa trên kết quả đầu ra và tác động thực tế của chính sách đối với xã hội. Các tiêu chí đánh giá cần bao gồm mức độ đạt được mục tiêu chính sách, hiệu quả sử dụng nguồn lực, tác động đến đời sống người dân và doanh nghiệp, cũng như mức độ hài lòng của

xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để đo lường thực chất năng lực cầm quyền của Đảng.

Giai đoạn phản hồi và điều chỉnh chính sách tạo nên cơ chế học tập và thích ứng của hệ thống cầm quyền. Một phương thức lãnh đạo hiện đại không dừng lại ở việc đánh giá, mà phải biết sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh chủ trương, hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực của bộ máy. Việc thiết lập vòng phản hồi chính sách linh hoạt sẽ giúp hệ thống chính trị thích ứng tốt hơn với những biến động nhanh chóng của bối cảnh phát triển, đồng thời nâng cao hiệu quả dài hạn của các chính sách công.



Hình 4.2. Chu trình thực thi hiệu quả chính sách

Nguồn: Kết quả nghiên cứu đề xuất

Trong mô hình này, thực thi hiệu quả chính sách giữ vai trò trung tâm, kết quả thực tiễn là thước đo chủ yếu, và nhân dân là đối tượng thụ hưởng trực tiếp. Mô hình trên phản ánh rõ yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo,

cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn mới: từ “nhận thức đúng” sang “triển khai hiệu quả”, từ “ban hành chủ trương” sang “tạo ra kết quả thực tế”, từ “quản lý hành chính” sang “quản trị phát triển hiện đại”. Hiệu quả đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng nhấn mạnh việc tạo ra kết quả thực chất để nhân dân được hưởng thụ thể hiện bước phát triển mới trong tư duy đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, lấy hiệu quả phục vụ nhân dân làm tiêu chí trung tâm đánh giá phương thức và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, mà còn củng cố tính chính danh và uy tín cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện phát triển và hội nhập ngày càng sâu rộng hiện nay.

4.3.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ chất lượng cao là khâu then chốt của đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền.

** Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng bằng công tác tổ chức cán bộ*

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức cán bộ, đây là nội dung rất quan trọng, do vậy cần cụ thể hóa, thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ đảm bảo tính khách quan, dân chủ, thực chất và hiệu quả, nhất là công tác thẩm định đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương “có vào, có ra”, “có lên, có xuống” tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, cán bộ cấp cơ sở có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước” [24, tr.420].

Một là, đổi mới việc giới thiệu đảng viên ứng cử, bố trí vào các vị trí lãnh đạo trong các cơ quan của nhà nước Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ nhưng không có nghĩa là Đảng tự quyết định tất cả việc bố trí những vị

trí của cơ quan quản lý nhà nước. Trong điều kiện hiện nay, Đảng cần tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Trước hết, cần đổi mới việc giới thiệu đảng viên ứng cử vào các vị trí lãnh đạo trong các cơ quan của nhà nước theo hướng dân chủ, công khai và bảo đảm vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Dân chủ trước hết trong Đảng về công tác giới thiệu nhân sự. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế dân chủ trong bầu cử có số dư kể cả trong Đảng và cơ quan nhà nước. Đối với các chức danh trong chính quyền, ngoài việc tự ứng cử, đề cử của nhân dân đối với đảng viên hay những người không phải đảng viên nhưng những đảng viên được tổ chức đảng giới thiệu cũng phải “cạnh tranh” với nhau. Theo đó, việc thực hiện chế độ thi tuyển để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý và mở rộng hình thức bầu cử có số dư là cần thiết nhằm tạo môi trường lựa chọn cán bộ công khai, minh bạch và cạnh tranh lành mạnh. Quá trình thi tuyển, giới thiệu và bầu chọn cán bộ cần được đổi mới theo hướng yêu cầu các ứng viên trình bày chương trình hành động, đề xuất phương án công tác cụ thể, gắn với cam kết trách nhiệm trước tổ chức và cử tri về những nhiệm vụ sẽ thực hiện nếu được bổ nhiệm hoặc được bầu. Cách làm này góp phần khắc phục tình trạng cam kết chung chung, hình thức, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình và chất lượng lựa chọn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay. Nghiên cứu, thí điểm bầu cử trực tiếp chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã - một trong những cách thức để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trực tiếp.

Hai là, thực hiện thí điểm việc nhân dân bầu các đảng viên của Đảng vào các cơ quan dân cử, trên cơ sở những đảng viên được dân cử này, Đảng lựa chọn những người ưu tú nhất trong đó bầu vào cơ quan lãnh đạo của Đảng đảm bảo thật sự là đảng viên có đủ đức, đủ tài, có bản lĩnh, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm...; khi đó quy trình từ: “Đảng cử dân bầu” sẽ chuyển thành “Nhân dân bầu, Đảng chọn” - thống nhất ý Đảng với lòng dân.

Tăng cường vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đảng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; quản lý, rèn luyện; đồng thời nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ đảng viên. Chủ động phát hiện, quy hoạch và bồi dưỡng những đảng viên ưu tú, có năng lực và triển vọng phát triển, nhằm tạo nguồn cán bộ chủ chốt cho các cấp trong hệ thống chính trị. Quan tâm đúng mức đến công tác phát triển đảng viên, xem đây là giải pháp quan trọng để bảo đảm nguồn nhân lực kế cận có chất lượng cho hệ thống chính trị. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc việc rà soát, sàng lọc và kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức không còn đủ tư cách, phẩm chất và năng lực theo quy định.

Ba là, tiếp tục xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đồng bộ các quy định, quy chế, cơ chế trong công tác cán bộ, bảo đảm tính thống nhất, chặt chẽ giữa các khâu và sự liên thông giữa các cấp trong toàn hệ thống. Đặc biệt, cần hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ theo hướng khách quan, toàn diện và thực chất, làm cơ sở khoa học cho việc sử dụng, bố trí và đề bạt cán bộ, đồng thời góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy quyền. Hoàn thiện các quy định về lựa chọn, phân công, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, bảo đảm đúng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định. Xây dựng và thực thi hiệu quả cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng nhân tài vào làm việc trong hệ thống chính trị; cụ thể hóa và thể chế hóa chủ trương của Đảng về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đồng thời, rà soát, sửa đổi các chính sách, pháp luật liên quan nhằm bảo đảm tính liên thông trong công tác cán bộ từ cấp xã đến cấp huyện và cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, khuyến khích cán bộ chủ động từ chức khi có khuyết điểm; kịp thời thay thế những cán bộ bị kỷ luật, năng lực hạn chế hoặc uy tín giảm sút mà không chờ hết nhiệm kỳ hay hết thời hạn bổ nhiệm. Kiên trì thực hiện

nguyên tắc “có vào, có ra, có lên, có xuống” trong quản lý và sử dụng cán bộ, đồng thời khắc phục tình trạng hình thức, nể nang, thiếu thực chất trong công tác đánh giá cán bộ, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống chính trị. Thực hiện nguyên tắc lựa chọn cán bộ đặc biệt là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược với phương châm “đức tài song toàn”, “vừa hồng, vừa chuyên” và “bốn hoá”.

Đức và tài trong tiêu chuẩn này có hàm nghĩa riêng. Đức, tức là có lập trường chính trị, thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan đúng đắn, có phẩm chất chính trị, tư tưởng và tác phong công tác tốt, có ý thức tổ chức tốt... Tài, tức là có tri thức khoa học, năng lực chuyên môn, trình độ kỹ thuật... Nhấn mạnh đức, đòi hỏi cán bộ phải toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân, chứ không chỉ chăm lo cho lợi ích cá nhân hay một nhóm nhỏ. Mặt cơ bản nhất của cả đức và tài là giữ gìn sự nhất trí cao với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nỗ lực công tác cống hiến cho nhân dân.

Từ kinh nghiệm xây dựng đội ngũ cán bộ của Trung Quốc, có thể rút ra một số gợi mở đối với Việt Nam trong công tác cán bộ, đặc biệt là ở việc cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ theo hướng kết hợp giữa phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn và yêu cầu phát triển hiện đại. Trong đó, phương châm “bốn hóa” gồm cách mạng hóa, trẻ hóa, tri thức hóa và chuyên môn hóa được xem là sự cụ thể hóa quan trọng của tiêu chuẩn cán bộ Trung Quốc hiện nay.

Trước hết, cách mạng hóa nhấn mạnh yêu cầu về lập trường chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức và tác phong công tác của cán bộ lãnh đạo. Cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng, gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, có tinh thần đổi mới, sáng tạo, gần dân, đoàn kết nội bộ, liêm chính và tận tụy phục vụ nhân dân.

Trẻ hóa đặt ra yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có cơ cấu độ tuổi hợp lý, bảo đảm sự kế thừa và chuyển tiếp giữa các thế hệ. Việc bố trí cán bộ cần kết hợp hài hòa giữa cán bộ lớn tuổi, trung niên và cán bộ trẻ, qua đó tạo sự tiếp

nói về kinh nghiệm, năng lực và sức sáng tạo, đồng thời khắc phục xu hướng duy trì chức vụ lãnh đạo theo “tư duy nhiệm kỳ”.

Tri thức hóa yêu cầu cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải có trình độ chuyên môn, có khả năng làm chủ khoa học, công nghệ và năng lực đổi mới, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đổi mới đất nước và thực tiễn địa phương, có năng lực thích ứng với những biến đổi của tình hình thực tiễn.

Chuyên môn hóa nhấn mạnh yêu cầu cán bộ phải có kiến thức chuyên ngành sâu, năng lực nghiệp vụ vững vàng và kỹ năng quản lý phù hợp với lĩnh vực được phân công. Điều này đòi hỏi cán bộ lãnh đạo không chỉ giữ vai trò điều hành chung, mà còn cần am hiểu lĩnh vực chuyên môn, từng bước trở thành những người có năng lực thực tiễn và trình độ chuyên gia trong ngành, lĩnh vực mình phụ trách.

Nhìn tổng thể, nguyên tắc “đức tài song toàn” kết hợp với phương châm “bốn hóa” tạo thành một hệ tiêu chuẩn tương đối toàn diện trong công tác cán bộ của Trung Quốc. Giá trị gợi mở đối với Việt Nam là cần tiếp tục hoàn thiện tiêu chuẩn cán bộ theo hướng vừa coi trọng bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, vừa đề cao năng lực chuyên môn, tư duy đổi mới, khả năng thích ứng và yêu cầu kế thừa giữa các thế hệ cán bộ. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện hiện nay.

Bốn là, công tác cán bộ cần quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống chính trị, đồng thời bảo đảm phát huy thẩm quyền và trách nhiệm của các tổ chức cũng như người đứng đầu trong triển khai nhiệm vụ cán bộ. Cần xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tình trạng tiêu cực, tham nhũng đối với cấp phó hoặc cán bộ thuộc quyền quản lý trực tiếp. Bên cạnh đó, tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; kịp thời phát hiện, uốn nắn những biểu hiện

thiếu gương mẫu; xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm nhằm giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

Năm là, cần tăng cường vai trò của các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước. Phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng như đảng đoàn, ban cán sự đảng và cấp ủy trong cơ quan nhà nước phải thực sự trở thành kênh lãnh đạo chủ đạo của Đảng đối với Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, đề cao tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên, bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương trong khu vực công.

Đảng viên công tác trong bộ máy nhà nước vừa đại diện cho tổ chức đảng, vừa thực hiện chức năng đại diện cho cơ quan nhà nước trong quan hệ với xã hội, do đó cần kết hợp chặt chẽ giữa tính đảng và nguyên tắc thượng tôn pháp luật. Trên cương vị được giao, đảng viên phải tự giác tuân thủ pháp luật của Nhà nước và chấp hành nghiêm kỷ luật của Đảng. Đồng thời, cần đẩy mạnh công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng đối với đội ngũ này.

Việc quản lý đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có những đặc thù khác với quản lý đảng viên không giữ chức vụ trong bộ máy công quyền. Đây là những chủ thể trực tiếp thực thi pháp luật, triển khai chính sách, phân bổ nguồn lực công, cũng như tham gia hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; họ nhân danh và đại diện cho cơ quan nhà nước trong quan hệ với công dân, do đó gắn liền với quyền lực công. Vì vậy, cơ chế quản lý đối với nhóm đảng viên này cần được thiết kế chặt chẽ, cụ thể, gắn với chức trách, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, nhằm bảo đảm kiểm soát quyền lực hiệu quả và phòng ngừa sai phạm.

** Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng bằng nâng cao chất lượng cán bộ*

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cần chú trọng đến công tác xây dựng phát triển đảng trong đó tập trung vào nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên là sức sống của Đảng và cán bộ chủ chốt là linh hồn của các tổ chức đảng. Bất cứ chính sách, công tác gì có cán bộ tốt thì thành công. Ngược lại, cán bộ xấu, yếu kém thì đảng mất uy tín, công việc không thành công mà thất bại. Để nâng cao được vị thế và vai trò của đảng cầm quyền, Đảng cần xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên có tài, có đức, đặc biệt là xây dựng được đội ngũ lãnh đạo chủ chốt cấp chiến lược. Nếu không phát triển đội ngũ này thì mọi chủ trương, chính sách, ưu tiên của Đảng sẽ không thể được hiện thực hóa, các chính sách của đảng không được thực hiện một cách hiệu quả, sự rệu rã và suy yếu năng lực và sức chiến đấu của đảng bắt đầu từ bên trong đảng thì rất khó để thay đổi hay cứu vãn trước những tác động bất ngờ và bất lợi của tình hình trong và ngoài nước. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng nhất thiết phải quan tâm đến công tác giáo dục, rèn luyện để mỗi đảng viên và cán bộ của Đảng phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nói đi đôi với làm khiến cho Đảng vừa là đạo đức, vừa là văn minh. Đảng ta được nhân dân tin, phục và yêu quý không chỉ do có đường lối đúng mà còn do Đảng có đạo đức cách mạng cao cả. Đạo đức đó có tính văn hóa cao, có tính văn minh hiện đại, thấm sâu trong đường lối, chính sách của Đảng, trong toàn bộ mục đích, phương thức hoạt động, phương thức cầm quyền của Đảng, cũng như trong mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng.

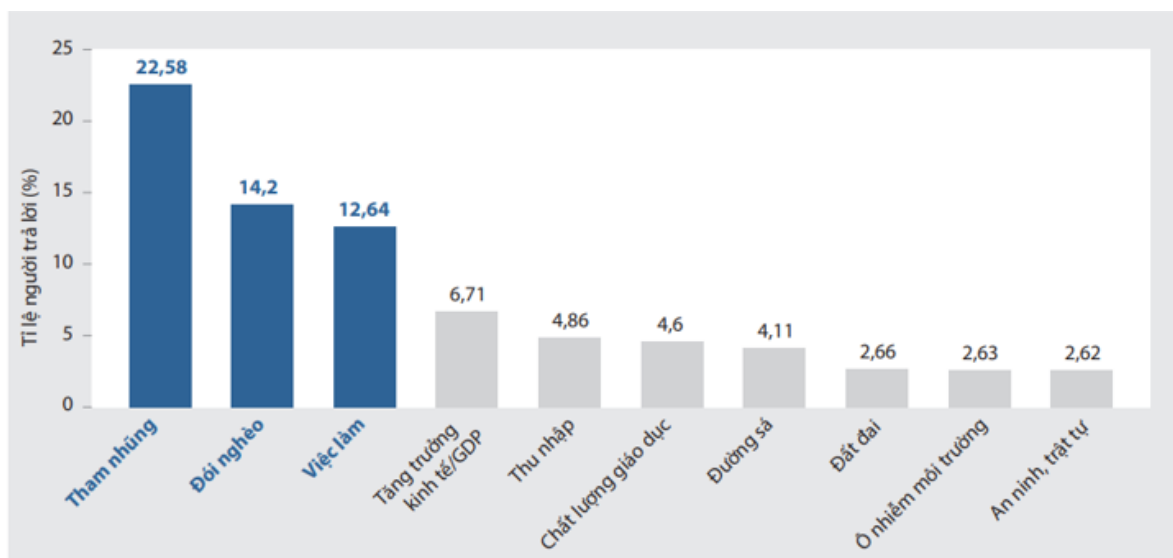
Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ở các cấp, nhất là cán bộ tham mưu cấp chiến lược có đủ bản lĩnh, phẩm chất, trình độ, năng lực, kinh nghiệm, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của tình hình kinh tế - xã hội của sự nghiệp đổi mới đất nước và tình hình quốc tế. Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ rõ: Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đang đặt ra cấp thiết. Do đó cần đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt,

bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được. Tăng cường tự đào tạo, tự bồi dưỡng, nhất là đối với yêu cầu của chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín...

4.3.6. Kiểm soát quyền lực và tự chỉnh đốn Đảng là điều kiện bảo đảm tính chính danh và hiệu lực cầm quyền

Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc đều là đảng cầm quyền theo nguyên tắc tập trung dân chủ, trong mô hình đảng cầm quyền, với sự tập trung quyền lực cao, nguy cơ tham nhũng luôn hiện hữu. Điều này có thể làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đồng thời làm mất đi tính chính danh của Đảng. Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng phải bắt đầu từ thái độ khách quan, trung thực và thẳng thắn trong nhận diện và đối mặt với những tiêu cực và nguy cơ trong Đảng mà nguy cơ của mọi nguy cơ là tham nhũng và xa dân. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong công cuộc phòng, chống tham nhũng thông qua hệ thống kiểm soát tập trung, mạnh mẽ, thể hiện qua chiến dịch “đả hổ, diệt ruồi”. Những thành tựu quan trọng này dựa trên nền tảng đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc với cam kết chính trị kiên định và xây dựng hệ thống kỷ luật nghiêm khắc của Đảng với phương châm quản trị Đảng nghiêm minh. Từ những thành tựu của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong chiến dịch chống tham nhũng, có giá trị gợi mở đối với Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm hoàn thiện thể chế phòng, chống tham nhũng trong hoạch định và thực thi chính sách theo hướng minh bạch, công bằng và hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia trên nền tảng pháp quyền xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

Quan liêu, tham nhũng, lãng phí và chủ nghĩa cá nhân phát triển trong cán bộ, đảng viên là nguy cơ giảm sút niềm tin của nhân dân vào một đảng lãnh đạo, cầm quyền. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí gây thiệt hại nặng nề cho đất nước về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đạo đức, trực tiếp làm suy yếu vị thế, vai trò, uy tín của Đảng cầm quyền, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng và với chế độ XHCN. Chủ nghĩa cá nhân phát triển là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống trong cán bộ, đảng viên. Vì thế, phải coi chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chống chủ nghĩa cá nhân, khắc phục sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên là mối quan tâm hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, Nhà nước.



Hình 4.3. Kết quả tổng hợp tỉ lệ người dân trả lời ba vấn đề hệ trọng họ cho rằng Nhà nước cần tập trung giải quyết trong thời gian tới

Nguồn [53, tr.10]

Kết quả phản ánh nhận thức và mối quan tâm của người dân đối với các vấn đề kinh tế - xã hội nổi bật hiện nay, trong đó tham nhũng (22,58%) là vấn đề được quan tâm cao nhất, vượt xa các vấn đề khác như đói nghèo (14,2%) và việc làm (12,64%). Các vấn đề về tăng trưởng kinh tế, thu nhập, giáo dục, hạ tầng, môi trường hay an ninh tuy vẫn được quan tâm, nhưng có tỷ lệ thấp

hơn đáng kể. Kết quả này cho thấy một thực tiễn quan trọng: niềm tin của người dân và hiệu quả quản trị quốc gia hiện nay gắn chặt với mức độ kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, hơn là chỉ với các chỉ tiêu phát triển kinh tế thuần túy. Nói cách khác, trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu đối với Đảng không chỉ là lãnh đạo phát triển, mà còn phải lãnh đạo bằng kỷ luật, kỷ cương và sự liêm chính. Vì thế, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng hiện nay cần đặt trọng tâm theo hướng xây dựng “Đảng cầm quyền liêm chính, kỷ luật, kỷ cương”. Việc tham nhũng đứng đầu trong các mối quan tâm xã hội phản ánh rằng, nếu không kiểm soát tốt quyền lực, thì ngay cả các chính sách phát triển đúng đắn cũng khó đạt hiệu quả thực chất. Do đó, đổi mới phương thức lãnh đạo phải gắn chặt với quản trị Đảng nghiêm minh, trong đó kiểm soát quyền lực trở thành trụ cột. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cần tập trung “Đổi mới nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng cường kiểm soát quyền lực” [24, tr.418], tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Trong đó, đặc biệt lưu ý thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. “Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát ngay từ chi bộ. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, cảnh báo vi phạm, chuyển từ bị động sang chủ động, nắm chắc tình hình, không để có “khoảng trống”, “vùng tối” mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được” [24, tr.411]. Tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp theo hướng liêm chính, chuyên nghiệp hơn... Đặc biệt, cần thực hiện hiệu quả việc tăng cường quản trị Đảng nghiêm minh trên nền tảng thể chế hóa và kiểm soát quyền lực hiệu quả, trong đó vấn đề cốt lõi đặt ra là phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế “*nhốt quyền lực vào lồng thể chế*”, “*Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, triển khai*

quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát trên dữ liệu trong ngành kiểm tra” [24, tr.412], bảo đảm mọi quyền lực được trao đều được kiểm soát bằng quy định rõ ràng, minh bạch và có khả năng thực thi. Đây là nguyên tắc nền tảng của quản trị Đảng hiện đại trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về phương diện lý luận, quyền lực chính trị luôn hàm chứa nguy cơ bị lạm dụng nếu thiếu cơ chế kiểm soát phù hợp. Do đó, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cần được đặt trong khuôn khổ thể chế hóa chặt chẽ: mọi hoạt động lãnh đạo phải dựa trên Điều lệ Đảng, quy định của Đảng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Thể chế hóa ở đây không chỉ dừng lại ở việc ban hành văn bản, mà phải được cụ thể hóa thành quy trình chuẩn mực, có phân công rõ ràng, có cơ chế giám sát, đánh giá và chế tài xử lý vi phạm.

Quản trị Đảng nghiêm minh trước hết đòi hỏi củng cố nguyên tắc tập trung dân chủ - nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng - theo hướng thực chất, tránh hình thức. Tập trung dân chủ phải được vận hành thông qua cơ chế thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số và chấp hành thống nhất, đồng thời gắn với trách nhiệm cá nhân rõ ràng. Trong công tác cán bộ, việc tuyển chọn, bổ nhiệm, sử dụng và kiểm soát cán bộ cần được thực hiện trên cơ sở quy trình minh bạch, khách quan, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, hạn chế tối đa sự chi phối của lợi ích cục bộ hoặc quan hệ cá nhân.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay gắn với quản trị Đảng nghiêm minh cũng đòi hỏi hoàn thiện hệ thống thể chế kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng theo hướng chuyên nghiệp, công khai và nghiêm minh. Kiểm tra, giám sát không chỉ nhằm phát hiện và xử lý vi phạm, mà còn có chức năng phòng ngừa, cảnh báo sớm rủi ro trong thực thi quyền lực. Việc xử lý kỷ luật phải bảo đảm nguyên tắc công

bằng, khách quan, đúng quy định, qua đó củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với vai trò lãnh đạo của Đảng. Trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu minh bạch hóa quản trị công, quản trị Đảng nghiêm minh cũng cần được hỗ trợ bằng các công cụ quản lý hiện đại, bao gồm số hóa quy trình, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu cán bộ, tăng cường công khai thông tin phù hợp với quy định. Điều này góp phần chuyển từ quản lý dựa nhiều vào kinh nghiệm sang quản trị dựa trên dữ liệu và bằng chứng.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Xây dựng tổ chức, cán bộ của cơ quan ủy ban kiểm tra để đồng bộ mô hình tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra từ Trung ương đến cấp huyện, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phân định rõ tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ của cơ quan ủy ban kiểm tra và ủy ban kiểm tra các cấp theo hướng biên chế, tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp không bao gồm số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy; quy định cụ thể cơ cấu, số lượng đối với ủy viên ủy ban kiểm tra kiêm nhiệm ở các cấp ủy. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp theo hướng chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh, kinh nghiệm và phương pháp công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cán bộ kiểm tra phải có phẩm chất đạo đức cách mạng, có bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu cao, có kinh nghiệm công tác xây dựng Đảng, kỹ năng nghiệp vụ thuần thực, phương pháp công tác khoa học, dân chủ, thận trọng, chặt chẽ. Tiếp tục đổi mới nội dung chương trình, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng bằng giáo trình đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh, ngạch bậc và đội ngũ giảng viên, báo cáo viên bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn.

Tập trung tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, người đứng đầu và đội ngũ cán bộ chủ chốt tại những địa bàn, lĩnh vực tiềm

ẩn nguy cơ vi phạm cao, những nơi phát sinh nhiều vấn đề phức tạp, gây bức xúc trong xã hội và thu hút sự quan tâm của dư luận. Việc xử lý đối với các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm cần được tiến hành kịp thời, kiên quyết, đồng bộ và nghiêm minh, bảo đảm tính răn đe và giáo dục. Đồng thời, đẩy mạnh quản lý, theo dõi và giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhằm chủ động phát hiện và ngăn chặn sai phạm ngay từ giai đoạn manh nha; giải quyết dứt điểm từ sớm, không để những hạn chế nhỏ tích tụ thành vi phạm nghiêm trọng, kéo dài hoặc lan rộng.

Cùng với đó, cần tiếp tục nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng; phát huy đầy đủ vai trò của các cơ quan tham mưu, giúp việc trong việc thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát thuộc phạm vi được phân công. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán và điều tra của Nhà nước, bảo đảm tính liên thông và hỗ trợ lẫn nhau trong kiểm soát quyền lực.

Chú trọng kiểm tra, giám sát việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; việc triển khai nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp; cũng như việc thực hiện các kết luận kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng. Thường xuyên theo dõi, đánh giá việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thực thi nhiệm vụ công tác cán bộ và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu.

Đồng thời, cần đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra, giám sát theo hướng khoa học, khách quan, dân chủ, đồng bộ và chặt chẽ; nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ làm công tác kiểm tra. Thực hiện giám sát trên diện rộng gắn với kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm và những nơi có nhiều phản ánh từ thực tiễn. Chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi

phạm ngay từ đầu, không để những khuyết điểm nhỏ phát triển thành sai phạm nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, hoàn thiện quy định về phân cấp thẩm quyền kiểm tra, giám sát giữa các cấp ủy và ủy ban kiểm tra; xây dựng cơ chế điều phối thống nhất nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc hình thức trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra và kiểm toán. Thực hiện hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ngay trong chính hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. Đồng thời, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp theo hướng liêm chính, chuyên nghiệp, bản lĩnh và có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới..

Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về vị trí, vai trò, mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trách nhiệm của các cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trách nhiệm của các tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy, của ủy ban kiểm tra, cơ quan thanh tra, kiểm toán, của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, kiểm toán và các cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý tổ chức, cán bộ, đảng viên có vi phạm. Ủy ban kiểm tra các cấp tiếp tục tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy cùng cấp sửa đổi, bổ sung, xây dựng ban hành mới quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với cơ quan điều tra, thanh tra, kiểm toán, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân

và tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan theo cơ chế chỉ đạo phối hợp trong việc xử lý sai phạm đó là: phối hợp xử lý đảng viên vi phạm trong các vụ án, vụ việc, không chờ có kết luận thanh tra, kiểm toán, điều tra; chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật cho cơ quan điều tra để khởi tố, điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật, không chờ kết thúc quá trình kiểm tra, giám sát đồng thời xem xét, xử lý nghiêm minh cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra cấp dưới, nhất là trong các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, lĩnh vực nhạy cảm, quan trọng, dễ xảy ra vi phạm và xử lý vi phạm về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Khi cần thiết thì tiến hành kiểm tra “cách cấp” để tạo sự quyết tâm, thúc đẩy, lan tỏa việc thực hiện trong toàn Đảng. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động kiểm tra, giám sát. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật từ Trung ương đến cơ sở để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nghiên cứu, dự báo, tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng quản trị Đảng nghiêm minh là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa thể chế hóa quyền lực, tăng cường kiểm soát nội bộ, tuân thủ pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp trong tổ chức thực thi. Chỉ khi quyền lực được đặt trong khuôn khổ thể chế ổn định, minh bạch và có cơ chế kiểm soát hiệu quả, Đảng Cộng sản Việt Nam mới có thể bảo đảm tính chính danh, hiệu lực và tính bền vững của vai trò lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện phát triển mới của đất nước - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tiểu kết chương 4

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản nói chung và đối với Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng là một yêu cầu khách quan, một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng trong quá trình hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội. Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng quyết định hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, địa vị chính trị và vị thế kinh tế trên bản đồ thế giới của một quốc gia.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là nhu cầu tự thân, là đòi hỏi khách quan từ thực tiễn của yêu cầu toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế và công cuộc canh tân đất nước. Hiện nay, trong quá trình lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên đổi mới, phát triển, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, cầm quyền phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, từ đó lãnh đạo, “chèo lái” con thuyền cách mạng canh tân đất nước Việt Nam giành nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Tuy vậy, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại không ít hạn chế. Trên cơ sở nghiên cứu phương thức lãnh đạo cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, luận án đã phân tích và làm rõ những giá trị gợi mở đối với vấn đề đổi mới phương thức, lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN

Trong tiến trình phát triển của các quốc gia xã hội chủ nghĩa, vấn đề phương thức lãnh đạo và cầm quyền của đảng cộng sản luôn giữ vai trò then chốt, quyết định năng lực lãnh đạo, hiệu lực cầm quyền và tính chính danh của chế độ. Đối với Trung Quốc, kể từ khi tiến hành công cuộc cải cách mở cửa đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo và cầm quyền, từng bước hình thành mô hình “Đảng cầm quyền hiện đại hóa, khoa học, dân chủ và pháp trị”, góp phần tạo nên những thành tựu phát triển vượt bậc, đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trong khi đó, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đang đứng trước yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, hiệu lực, hiệu quả quản trị đất nước trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc nghiên cứu phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, rút ra những giá trị tham khảo, gợi mở cho Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề cấp thiết trong quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, bảo đảm vai trò cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới.

Trong nội dung chương 2, luận án đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận của hai phạm trù trung tâm là phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền trong mô hình đảng cộng sản cầm quyền. Phương thức lãnh đạo được xác định là tổng thể các phương thức mà Đảng sử dụng để định hướng chiến lược, xây dựng nền tảng tư tưởng, tổ chức lực lượng và bảo đảm sự thống nhất chính trị trong hệ thống chính trị. Trong khi đó, phương thức cầm quyền là cách thức Đảng thực hiện quyền lực chính trị thông qua Nhà nước, thông qua pháp luật, thể chế và bộ máy hành chính nhằm hiện thực hóa đường lối, chủ trương thành chính sách và kết quả phát triển cụ thể. Việc phân tích và làm rõ

hai phạm trù này có ý nghĩa lý luận quan trọng: nó giúp tránh sự đồng nhất giữa lãnh đạo và quản lý, giữa định hướng chính trị và điều hành hành chính, đồng thời cung cấp một công cụ phân tích có tính hệ thống để đánh giá năng lực cầm quyền của đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền. Luận án đã hệ thống hóa các nội dung cấu thành phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản gồm: lãnh đạo bằng công tác chính trị; công tác tư tưởng; công tác tổ chức - cán bộ; và công tác kiểm tra, giám sát. Đồng thời, luận án chỉ ra rằng trong điều kiện đảng cầm quyền, các nội dung này chỉ thực sự phát huy hiệu lực khi được thể chế hóa thành cơ chế vận hành cụ thể của Nhà nước và được bảo đảm bằng hệ thống pháp luật. Về phương thức cầm quyền, luận án xác định bốn trụ cột cơ bản: (1) lãnh đạo Nhà nước trên cơ sở hợp hiến, hợp pháp; (2) thể chế hóa đường lối thành pháp luật và chính sách; (3) tổ chức thực thi quyền lực thông qua hệ thống hành chính và đội ngũ cán bộ; (4) thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực nhằm bảo đảm kỷ luật và tính chính danh của chế độ. Từ đó, luận án khẳng định rằng năng lực cầm quyền của đảng phụ thuộc trực tiếp vào năng lực thể chế hóa, năng lực tổ chức thực thi và năng lực tự chỉnh đốn, tự đổi mới.

Trong nội dung chương 3, luận án tập trung nghiên cứu và làm rõ thực trạng về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2025:

(1) về *phương thức lãnh đạo*, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện thông qua việc xác lập nền tảng tư tưởng và định hướng chiến lược cho “thời đại mới”, đồng thời đẩy mạnh công tác chính trị - tư tưởng nhằm bảo đảm sự thống nhất nhận thức và ý chí trong toàn hệ thống chính trị. Phương thức quản trị lấy Đảng làm trung tâm được cụ thể hóa bằng cơ chế tổ chức và điều hành thực tiễn, trong đó các quyết sách của Đảng giữ vai trò định hướng tối cao đối với hoạt động của Nhà nước và xã hội; công tác đạo đức và công tác cán bộ được đặt ở vị trí trụ cột của phương thức lãnh đạo.

Việc chuẩn mực hóa văn hóa chính trị, nhấn mạnh các yêu cầu như “tam nghiêm, tam thực”, tiêu chuẩn “vừa hồng vừa chuyên” và cơ chế nêu gương người đứng đầu cho thấy nỗ lực tái tạo tính chính danh đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Song song với đó, chiến dịch chống tham nhũng được triển khai như một quá trình “tự cách mạng”, góp phần củng cố kỷ luật nội bộ và tăng cường niềm tin chính trị. Kiểm soát nhân sự không chỉ giới hạn trong khu vực nhà nước mà còn mở rộng sang khu vực tư nhân, phản ánh xu hướng gia tăng năng lực điều phối toàn diện của Đảng.

(2) *Về phương thức cầm quyền*, Đảng Cộng sản Trung Quốc đẩy mạnh kiểm soát và điều phối bộ máy nhà nước theo hướng tập trung, thống nhất. Cơ chế gắn kết chặt chẽ giữa quyền lãnh đạo chính trị và quyền hành pháp tạo ra sự thống nhất cao giữa định hướng và thực thi. Đặc biệt, quá trình thể chế hóa vai trò lãnh đạo của Đảng thông qua pháp luật được tăng cường, đánh dấu bước chuyển từ lãnh đạo bằng định hướng sang lãnh đạo bằng chuẩn mực pháp lý, qua đó củng cố tính chính danh hợp hiến của quyền lực chính trị. Quản trị theo chiến dịch nổi lên như một phương thức cầm quyền đặc thù trong giai đoạn này.

Trong giai đoạn 2012-2025, phương thức lãnh đạo, cầm quyền Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có sự điều chỉnh, chuyển biến và được củng cố với quyền lực hạt nhân, tăng cường tính liên chính nội bộ, nâng cao năng lực thể chế và khả năng ứng phó khủng hoảng và biến đổi phức tạp của tình hình quốc tế. Tuy nhiên, những hạn chế như xu hướng tập trung quyền lực cao độ, nguy cơ hình thức hóa thể chế hoặc thiếu cơ sở thực chứng trong hoạch định chính sách cho thấy yêu cầu tiếp tục thể chế hóa “tự cách mạng”, khoa học hóa quản trị và cân bằng giữa thống nhất quyền lực với tính đa dạng có kiểm soát. Năng lực tự điều chỉnh và tự đổi mới vì vậy trở thành yếu tố quyết định tính bền vững lâu dài của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng

sản Trung Quốc trong thời kỳ tiếp theo nhằm duy trì tính chính danh và hiệu lực cầm quyền lâu dài.

Trong nội dung chương 4, luận án nghiên cứu, phân tích và làm rõ những giá trị gợi mở đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Luận án đã tiến hành so sánh, đối chiếu điểm tương đồng và khác biệt về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc làm cơ sở khoa học cho việc rút ra những giá trị gợi mở về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đồng thời, luận án đã phân tích và làm rõ bối cảnh quốc tế và trong nước và những yêu cầu đặt ra về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay. Từ đó luận án đã phân tích và làm rõ những giá trị gợi mở về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: phát triển triết lý lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở kiên trì Chủ nghĩa Mác - Lênin và không ngừng tổng kết thực tiễn và đổi mới lý luận; thể chế hóa và pháp quyền hóa phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy năng lực tự điều chỉnh thể chế trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng: Từ ban hành chính sách đến nâng cao hiệu quả thực thi; đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng bằng công tác tổ chức cán bộ và nâng cao chất lượng cán bộ; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát phòng chống tham nhũng thực hiện quản trị Đảng nghiêm minh; nhận diện rủi ro “dân chủ hình thức” trong phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thực hiện tính chính danh và chiến lược cầm quyền lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN

1. Hoàng Long (2025), “Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong phòng, chống tham nhũng - Kinh nghiệm từ Trung Quốc và gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/11/20/doi-moi-va-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-kiem-tra-giam-sat-trong-phong-chong-tham-nhung-kinh-nghiem-tu-trung-quoc-va-goi-y-cho-viet-nam/>
2. Hoàng Long (2026), “Tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong vận hành chính quyền địa phương hai cấp hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/03/10/tang-cuong-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-trong-van-hanh-chinh-quyen-dia-phuong-hai-cap-hien-nay/>
3. Hoàng Long (2026), “Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc: Kinh nghiệm và giá trị tham chiếu cho Việt Nam”, *Tạp chí Thanh niên*, số 95, tháng 4, tr.36-38.
4. Hoàng Long (2026), “Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cấp chiến lược trong nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng”, *Tạp chí Thanh niên*, số 95, tháng 4, tr.42-44.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt và tài liệu dịch

1. Dương Thị Thục Anh, Ngô Thanh Hoa (2017), “Mô hình đảng chính trị của Trung Quốc và những giá trị tham khảo để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng và đảng viên”*, Hội đồng lý luận Trung ương và Học viện Báo chí tuyên truyền đồng tổ chức, tháng 3 năm 2017, tr.239 -24.
2. Lý Thiết Ánh (2002), *Về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Mai Hoài Anh, Nguyễn Thị Ngọc Loan (2023), “Sự thống nhất hữu cơ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ đất nước và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/827191/su-thong-nhat-huu-co-giua-dang-lanh-dao%2C-nhan-dan-lam-chu-dat-nuoc%C2%A0va-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-o-trung-quoc-hien-nay.aspx>.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2014), *中共中央关于全面推进依法治国若干重大问题的决定* (Quyết định về một số vấn đề lớn trong thúc đẩy toàn diện quản lý đất nước theo pháp luật), thông qua ngày 23/10/2014, tại trang https://www.idcpc.org.cn/zgzc/zcwj/201912/t20191216_105923.html, [truy cập ngày 19/9/2026].
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2018), *深化党和国家机构改革方案* (Phương án đi sâu cải cách cơ cấu tổ chức Đảng và Nhà nước), công bố ngày 21/3/2018, tại trang

- https://www.xinhuanet.com/politics/2018-03/21/c_1122570517.htm,
[truy cập ngày 19/9/2026].
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện (2023), *党和国家机构改革方案 (Phương án cải cách cơ cấu tổ chức Đảng và Nhà nước)*, công bố tháng 3/2023, tại trang <https://www.nia.gov.cn/n741440/n741547/c1568769/content.html>, [truy cập ngày 19/9/2026].
 7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2023), *中国共产党纪律处分条例 (Điều lệ xử lý kỷ luật Đảng Cộng sản Trung Quốc)*, công bố ngày 27/12/2023, tại trang <https://www.12371.cn/2023/12/27/ARTI1703689211048182.shtml>, [truy cập ngày 19/9/2026].
 8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện (2025), *农村基层干部廉洁履行职责规定 (Quy định về cán bộ cơ sở nông thôn thực hiện chức trách liêm chính)*, sửa đổi ngày 28/3/2025, tại trang https://www.mee.gov.cn/zcwj/zyygwj/202504/t20250422_1117311.shtml, [truy cập ngày 19/9/2026].
 9. Đào Ngọc Báu (2024), “Thực hiện dân chủ nhân dân toàn quá trình ở Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập Pháp*, <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/212006/Thuc-hien-dan-chu-nhan-dan-toan-qua-trinh-o-Trung-Quoc-va-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-Viet-Nam.html>. Truy cập ngày 18/04/2026.
 10. Tập Cận Bình (2022), “Toàn văn Báo cáo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, báo cáo ngày 16/10/2022, bản tiếng Việt đăng tại Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc ở Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/10/2022, tại trang https://hochiminhcity.china-consulate.gov.cn/xwdt/202210/t20221026_10792286.html, [truy cập ngày 19/9/2026].

11. Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc (2012), *中央八项规定 (Tám quy định của Trung ương)*, thông qua ngày 4/12/2012, bản đăng lại ngày 17/3/2025, tại trang <https://www.12371.cn/2025/03/17/ARTI1742185990718731.shtml>, [truy cập ngày 19/9/2026].
12. Bộ Sinh thái và Môi trường Trung Quốc (2025), “*内蒙古自治区乌海市大气污染防治问题突出*” (Các vấn đề nổi bật về phòng, chống ô nhiễm không khí tại Ô Hải, Nội Mông), thông báo thanh tra ngày 23/6/2025, tại trang https://www.mee.gov.cn/ywgz/zysthjbhdc/dcjl/202506/t20250623_1121758.shtml, [truy cập ngày 19/9/2026].
13. Cơ chế liên phòng, liên kiểm soát Quốc vụ viện Trung Quốc (2022), *关于进一步优化落实新冠肺炎疫情防控措施的通知 (Thông báo về tiếp tục tối ưu hóa thực hiện các biện pháp phòng, chống COVID-19)*, số 113, ngày 7/12/2022, tại trang <https://www.shanghai.gov.cn/sjzccs/20221207/90b8df6914e243a99a36c7f94a11d7ce.html>, [truy cập ngày 19/9/2026].
14. Trịnh Cư và các cộng sự (2009), *Kinh nghiệm xây dựng đội ngũ cán bộ ở Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia.
15. Nguyễn Xuân Cường (2010), "Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc", *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc* số (8), tr.12 -24.
16. Nguyễn Xuân Cường, Trần Thu Minh (2017), “Công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng từ sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 185, tháng 1 năm 2017, tr.10 - 19.
17. Nguyễn Xuân Cường, Đặng Thị Thúy Hà (2017), “Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của ĐCS Trung Quốc từ Đại hội XVIII đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 186, tháng 2/2017, tr.3 - 10.
18. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc (2018), *Constitution of the People's Republic of China (Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân*

- Trung Hoa*, sửa đổi năm 2018), tại trang https://english.www.gov.cn/archive/lawsregulations/201911/20/content_WS5ed8856ec6d0b3f0e9499913.html, [truy cập ngày 19/9/2026].
19. Đảng Cộng sản Trung Quốc (2022), *Toàn văn Báo cáo Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội (bản dịch xuất bản tại Việt Nam).
 20. Đảng Cộng sản Trung Quốc (2022), *中国共产党章程 (Điều lệ Đảng Cộng sản Trung Quốc)*, thông qua ngày 22/10/2022, tại trang <https://www.12371.cn/2022/10/26/ARTI1666788342244946.shtml>, [truy cập ngày 19/9/2026].
 21. Đảng Cộng sản Trung Quốc, Ban Tổ chức Trung Ương, Viện Nghiên cứu Xây dựng Đảng (2024), *Quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện: Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII*, (Biên dịch Trần Thu Minh, Chu Thùy Liên, Trịnh Quốc Hùng, Trần Ánh Tuyết), Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật.
 22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập II. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 25. Lý Lương Đồng (2019), *Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, (Sách tham khảo nội bộ), Người dịch: Ngô Thùy Dung, Hoàng Việt Hà, Cù Thị Thuý Lan, Hoàng Tuấn, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự Thật.

26. Nguyễn Hữu Đồng, Ngô Huy Đức (2011), “Nhận thức các khái niệm đảng cầm quyền, đảng lãnh đạo ở nước ta”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (6), tr.35-39.
27. Phạm Văn Đức, Trần Ánh Tuyết (2021), “Quản lý Đảng nghiêm minh, toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ Đại hội XVIII đến nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4, tr.18-27.
28. Phạm Hoàng Hà, Nguyễn Văn Quyết (2021), “Bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời kỳ cải cách, mở cửa”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, <https://lyluanchinhtri.vn/bai-hoc-ve-su-lanh-dao-cua-dang-cong-san-trung-quoc-trong-thoi-ky-cai-cach-mo-cua-2295.html>.
29. Trịnh Thị Hằng (2024), “Tiến trình Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác trước và sau cải cách, mở cửa”, *Tạp chí Triết học*, số 2 (386), tháng 2-2024, tr.49-61.
30. Hoàng Văn Hồ (2014), *Cầm quyền khoa học*, (Biên dịch: Hải Anh, Như Châu, Thúy Hằng), Nxb Chính trị quốc gia.
31. Lâm Kiến Hoa và nhiều tác giả (2024), *Nền dân chủ nhân dân toàn quá trình của Trung Quốc*, (Người dịch: Nguyễn Minh Hoàn, Phan Kim Nga hiệu đính), Nhà xuất Bản Lý luận Chính trị.
32. Nguyễn Văn Huyền (2011), “Những vấn đề chung về sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số (8), tr.3-8
33. V.I. Lênin (1922), “Political report of the Central Committee of the R.C.P.(B.)”, báo cáo ngày 27/3/1922 tại Đại hội XI Đảng Cộng sản Nga (b), bản tiếng Anh, tại trang <https://www.marxists.org/archive/lenin/works/1922/mar/27.htm>, [truy cập ngày 19/9/2026].
34. C. Mác, Ph. Ăngghen (2011), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

35. C. Mác và Ph. Ăngghen (2017), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Lê Thị Thu Mai (2023), “Một số cải cách chính trị của Trung Quốc”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 544 (tháng 6-2023).
37. Hồ Chí Minh (1969), *Di chúc*, bản toàn văn đăng trên Báo điện tử Chính phủ ngày 21/8/2014, tại trang <https://baochinhphu.vn/toan-van-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-102169104.htm>, [truy cập ngày 19/9/2026].
38. Trình Ân Phú (2022), “Cuộc đấu tranh cho sự kiên trì và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của những người cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 537 (11/2022), tr.135-140
39. Nguyễn Thị Phương (2017), “Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trung Quốc”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, số 9/2017, tr.74-78.
40. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2013.
41. Quốc vụ viện Trung Quốc (2024), *国有企业管理人员处分条例 (Quy định xử lý người quản lý doanh nghiệp nhà nước)*, Nghị định số 781 ngày 21/5/2024, tại trang https://www.mee.gov.cn/zcwj/gwywj/202405/t20240530_1074492.shtml, [truy cập ngày 19/9/2026].
42. Nguyễn Huy Quý (2011), "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, gợi mở đối với Việt Nam", *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc*, số (8), tr.11 - 20.
43. Đỗ Tiến Sâm, Lê Văn Sang (2004), *Trung Quốc với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
44. Đỗ Tiến Sâm (2006), “Đảng Cộng sản Trung Quốc với vấn đề cải cách, hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng”, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc*, số (5), tr.6-18.

45. Đặng Đình Tân, Đặng Minh Tuấn (2004), *Thế chế đảng cầm quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Đinh Văn Thụy (2024), “Quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc về Trung Quốc hóa, thời đại hóa Chủ nghĩa Mác”, *Tạp chí Triết học và Đời sống*, số 3 (3/2024), tr.10-17.
47. Transparency International, <https://www.transparency.org/en/cpi>. Truy cập ngày 8/6/2025.
48. Nguyễn Minh Tuấn (2022), *Khái niệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và mục đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/khai-niem-dang-lanh-dao-dang-cam-quyen-va-muc-dich-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-242.html>. Truy cập ngày 23/12/2025
49. Trần Ánh Tuyết (2022), “Vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình và gợi mở đối với Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 1 (245), tr.3-14.
50. Trần Ánh Tuyết (2022), “Công tác phát triển đảng viên hiện nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 10 (254), tr.3-15.
51. Trần Ánh Tuyết (2023), “Công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/828404/cong-tac-xay-dung-dang-cua-dang-cong-san-trung-quoc-va-mot-so-goi-mo-doi-voi-viet-nam.aspx>.
52. Trần Ánh Tuyết (2024), “Một số kinh nghiệm trong công tác cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 3-2024, tr.3-11.

53. UNDP (2025), *Báo cáo Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2024*
54. Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương và Ủy ban Giám sát quốc gia Trung Quốc (2025), “深刻把握当前反腐败斗争仍然严峻复杂的形势 坚定打赢反腐败这场持久战的如磐恒心” (Nhận thức tình hình chống tham nhũng còn nghiêm trọng, phức tạp và kiên trì đấu tranh lâu dài), bản đăng lại ngày 26/1/2025 tại cơ quan kiểm tra kỷ luật, giám sát Thượng Hải, tại trang <https://www.shjjc.gov.cn/shsjjcw/ttxw/content/67f4ef81-80c8-4b72-8347-f5774a7cee9d.html>, [truy cập ngày 19/9/2026].
55. Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc (2023), *中华人民共和国公司法 (Luật Công ty nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa)*, sửa đổi ngày 29/12/2023, tại trang <https://www.12371.cn/2023/12/30/ARTI1703899701463577.shtml>, [truy cập ngày 19/9/2026].
56. Ngô Lê Văn (2023), “Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và ý nghĩa tham khảo đối với Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Những vấn đề lý luận và thực tiễn công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức trong giai đoạn mới”* - Ban Tuyên giáo Trung ương.
57. Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc (2021), *Poverty Alleviation: China's Experience and Contribution (Giảm nghèo: Kinh nghiệm và đóng góp của Trung Quốc)*, Sách trắng, tháng 4/2021, tại trang <https://www.apraca.org/wp-content/uploads/2021/04/Poverty-Alleviation-Chinas-experience-and-contribution.pdf>, [truy cập ngày 19/9/2026].
58. Trần Khắc Việt (2020), *Tư tưởng của V.I.Lênin về nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản*, Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/tu-tuong-cua-v-i-lenin-ve-noi-dung-va-phuong->

thuc-cam-quyen-cua-dang-cong-san-405.html. Truy cập ngày 22/12/2025.

59. Trần Khắc Việt (2022), “Phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền và phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng - những vấn đề lý luận”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 528, tr.53-60.
60. Vũ Quang Vinh (2001), *Một số vấn đề cải cách mở cửa của Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Thanh niên.
61. Dương Trung Ý (2015), "Một số nhận thức về Đảng Cộng sản cầm quyền" Hội thảo khoa học": Hội thảo khoa học: Nâng cao vị thế, vai trò và trách nhiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay, do Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh tổ chức, Hạ Long tháng 1.

Tài liệu tiếng Anh

62. Boer, R. (2021). *The leadership of the communist party of China. Australian Marxist Review*, (71), 3-6.
<https://search.informit.org/doi/10.3316/informit.103327104844161>
63. Daniel Koss. (2021), “Party building as institutional bricolage: Asserting authority at the business frontier”, *The China Quarterly*, 248(S1), 222-243. <https://doi.org/10.1017/S0305741021000692>
64. Guo, D. (2020). “Xi’s leadership and party-centred governance in China”. *Chinese Political Science Review*, 5(4), 439-456.
65. Ishiyama, J. T. (1995). *Communist parties in transition: structures, leaders, and processes of democratization in Eastern Europe. Comparative Politics*, 147-166
66. Leutert, W. và Eaton, S. (2021), “Deepening not departure: Xi Jinping’s governance of China’s state-owned economy”, *The China Quarterly*, 248(S1), tr.200-221. DOI: 10.1017/S0305741021000795.

67. Li, R. và các cộng sự (2025), “The effects of a multifaceted poverty alleviation program on rural income and household behavior in China”, *American Economic Journal: Economic Policy*, 17(2), tr.319-357. DOI: 10.1257/pol.20210485, tại trang <https://www.aeaweb.org/articles?id=10.1257/pol.20210485>, [truy cập ngày 19/9/2026].
68. Lin, L. (2022). “Upholding the Leadership of The Communist Party of China Over Comprehensive Law-Based Governance of China”. *China Legal Sci.*, 10, 3.
69. Perry, E. J. (2024), “China’s governance in the ‘New Era’ of Xi Jinping”, *Perspectives on Politics*, 22(4), tr.1297-1303. DOI: 10.1017/S1537592724001683.
70. Qin, X. và Owen, C. (2023), “The CCP, campaign governance and COVID-19: Evidence from Shanghai”, *Journal of Chinese Political Science*, 28(4), tr.619-644. DOI: 10.1007/s11366-022-09838-8.
71. Shi, G., và Chen, S. (2020, March). “The Historical Process and Basic Experience of Upholding and Strengthening the Communist Party of China Leadership Since Reform and Opening up”. In *5th International Symposium on Social Science (ISSS 2019)* (pp. 317-323). Atlantis Press.
72. Snape, H. (2019), “Party leadership and legislating: Party documents through a party-state relationship lens”, *Chinese Law và Government*, 51(5-6), tr.299-314, công bố trực tuyến ngày 17/1/2023. DOI: 10.1080/00094609.2022.2132763, tại trang <https://eprints.gla.ac.uk/290359/>, [truy cập ngày 19/9/2026].
73. Strøm, K. (1990), “A behavioral theory of competitive political parties”, *American Journal of Political Science*, 34(2), tr.565-598. DOI: 10.2307/2111461.
74. Tsang, S., và Cheung, O. (2022). “Has Xi Jinping made China’s political system more resilient and enduring?”, *Third World Quarterly*, 43(1), 225-243.

75. World Bank group (2025), *Data for China*, Viet Nam, <https://data.worldbank.org/?locations=CN-VN&utm>.
76. Yu, B. (2019), “Why has Marxism, which originated in the West, succeeded in China?”, *International Critical Thought*, 9(4), 562-580. <https://doi.org/10.1080/21598282.2019.1697849>
77. 在中国共产党第二十次全国代表大会上的报告（2022 年 10 月 16 日，
https://jbm.cq.gov.cn/web/article/1365359817001222144/web/content_1365359817001222144.html
78. Zeng, J. (2014). *The Chinese Communist Party's capacity to rule: legitimacy, ideology, and party cohesion* (Doctoral dissertation, University of Warwick).
79. Zhang, Q. (2021). “The communist party leadership and rule of law: a tale of two reforms”. *Journal of contemporary China*, 30 (130), 578-595.
80. Zhou, Q. (2024). “The course of the communist party of China of leading Chinese people to conquer difficulties over the past century, and its summation of experience, and implication of the times”. In *MATEC Web of Conferences* (Vol. 395, p. 01057). EDP Sciences.

Tài liệu tiếng Trung

81. 编写组(2014), *党政领导干部选拔任用工作*, 中国言实出版社, 第 1 版.
82. 陈会林 (2017). *转型时期中国共产党执政党合法性基础探析*[J]. *理论观察*, (3) : 58-60.
83. 韩大元, (2014), *中国共产党依宪执政论析*, 中共中央党校学报, 18 (6), 5-9。
84. 胡伟 (2005), *民主执政: 中国共产党执政方式的新取向*, 学术月刊, (2), 16-22。

85. 林庭芳. 重思中国共产党执政方式的历史演变[J]. 重庆邮电大学学报 (社会科学版), 2011, 23 (2) : 1-5. DOI : 10.3969/j.issn.1673-8268.2011.02.001。
86. 刘红凇、谭雅丹 (2022), “党的领导逻辑中的执政权: 政治内涵与时代要求”, 治理研究, (4), tr.66-76. DOI: 10.15944/j.cnki.33-1010/d.2022.04.002.
87. 柳礼泉,黄瑶 (2015), 中国共产党依宪执政的基本要求与着力点论析, 湖湘论坛, (6), 16-19。
88. 刘新力(2008),现代化进程中党的领导制度与执政方式新论, 中央编译出版社。
89. 齐卫平 (2009), 试论中国共产党执政模式的基本特点, 长白学刊, (1), 52-56。
90. 秦利 (2009), 论政党建设与执政能力, 国防大学出版社。
91. 谭波 (2017), 我国“依宪执政”与“西方宪政民主”的本质区别, 理论月刊, (10), 5-9。
92. 田铭钊, 刘思妤 (2022). 习近平关于建设长期执政的马克思主义政党重要论述的核心要义、生成逻辑与实践路径[J]. 西华大学学报 (哲学社会科学版), 41 (6) : 1-9. DOI : 10.12189/j.issn.1672-8505.2022.06.001。
93. 王炳林 (2023), “中共党史党建学的核心议题和目标任务”, 中共党史研究, (3), tr.136-142.
94. 王长江(2005), 中国政治文明视野下的党的执政能力建设, 上海人民出版社。
95. 王海军(2010), 中国化马克思主义执政理论创新与发展的现实逻辑, 中共党史出版社。

96. 汪仕凯 (2023), *当代中国的国家治理观*, 中国治理评论集刊, (2), 28-44。
97. 汪仕凯 (2024), “全过程人民民主的基本内涵、时代条件和发展战略”,
公共治理研究, 36(6), tr.28-37. DOI: 10.13975/j.cnki.gdxz.2024.06.003.
98. 奚洁人 (2011), *中国共产党的执政能力与领导哲学*, 东方出版中心。
99. 谢嘉梁 (2013). *中国共产党执政理念探讨*[J]. *杭州电子科技大学学报*
(社会科学版), 2013, 9 (3) : 71-74。
100. 谢嘉梁. 关于中国共产党执政理念的深度解析. *河南广播电视大学学报*,
2012, 25 (1) : 55-59。
101. 熊辉(2010), *中国共产党领导方式和执政方式现代化研究*, 湖南人民
出版。
102. 熊若愚 (2016), *论习近平的依宪执政思想*, 理论视野, 10, 22-25。
103. 鄢一龙,白钢,章永乐,欧树军, 等 (2015), *中国共产党与中国社会主义*,
中国人民大学出版社。
104. 杨绍华(2008), *科学执政民主执政依法执政: 中国共产党执政方式问
题研究*, 人民出版社。
105. 于鸿君尹俊(2021), *习近平新时代中国特色社会主义思想研究方法初
探-基于 2012-2020 年 CNKI 收录文献的计量分析*, 中共中央党校 (国
家行政学院) 学报, 25 (1), 5-16 [https://xnewera.pku.edu.cn/docs/2021-
07/08553b7cebbf4ffabf119f1aacaba932.pdf](https://xnewera.pku.edu.cn/docs/2021-07/08553b7cebbf4ffabf119f1aacaba932.pdf)。
106. 于学强(2014), *中国共产党执政道路相关概念分析*,江西理工大学学报,
35 (6), 5-10。
107. 张恒山 (2014), *共产党依法执政是依法治国的关键*, 理论与改革杂志,
(6), 6-7。

108. 张强军 刘光斌, (2023), *中国共产党道路探索的回看、比较与远眺*, 湖南科技大学学报 (社会科学版), 26 (2) : 171-177. DOI : 10.13582/j.cnki.1672-7835.2023.02.022。
109. 张文显 (2022). *深刻把握坚持依宪治国、依宪执政的历史逻辑、理论逻辑和实践逻辑*[J]. 现代法学, 2022, 44 (5) : 3-24. DOI : 10.3969/j.issn.1001-2397.2022.05.01。
110. 章越松 (2010), *中国共产党执政理念研究*, 中国社会科学出版社。
111. 钟贵峰,孙保全(2025), *论中国共产党执政方式的特点*, 三峡大学学报: 人文社会科学版, 37 (4), 33-36。
112. 中国共产党,(2004),*加强党的执政能力建设若干问题学习问答*, 中共中央党校出版社。

PHỤ LỤC

Một số văn bản và sự kiện liên quan đến phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, 2012-2025

Thời điểm	Văn bản, sự kiện	Nguồn
4/12/2012	Tám quy định về tác phong, hội họp, văn bản, khảo sát và tiết kiệm.	[11]
23/10/2014	Quyết định Trung ương về quản lý đất nước theo pháp luật.	[4]
2018	Bổ sung Điều 1 Hiến pháp; xác lập cơ cấu giám sát nhà nước.	[18]
21/3/2018	Công bố phương án cải cách cơ cấu tổ chức Đảng và Nhà nước.	[5]
Cuối năm 2020	Kết quả giảm nghèo nông thôn theo chuẩn quốc gia: 98,99 triệu người năm 2012 ra khỏi diện nghèo; 832 huyện và 128.000 thôn ra khỏi diện nghèo.	[57, tr.13-14]
Mùa hè 2021	Khảo sát của Qin và Owen: 37 cuộc phỏng vấn tại tám khu dân cư thuộc ba quận ở Thượng Hải.	[70, tr.622-623]
16/10/2022	Báo cáo chính trị tại Đại hội XX.	[10]
7/12/2022	Thông báo điều chỉnh các biện pháp phòng, chống COVID-19.	[13]
Tháng 3/2023	Phương án cải cách cơ cấu tổ chức Đảng và Nhà nước.	[6]
Tháng 12/2023	Điều lệ xử lý kỷ luật Đảng; Luật Công ty sửa đổi.	[7; 55]
Năm 2024	Lập 877.000 hồ sơ vụ việc và xử lý kỷ luật 889.000 người theo thống kê kiểm tra kỷ luật, giám sát công bố tháng 1/2025.	[54]
21/5/2024	Nghị định số 781 về xử lý người quản lý doanh nghiệp nhà nước.	[41]
28/3/2025	Sửa đổi quy định về cán bộ cơ sở nông thôn thực hiện chức trách liên chính.	[8]
23/6/2025	Thông báo thanh tra môi trường tại Ô Hải, Nội Mông, nêu vi phạm và trách nhiệm thực hiện.	[12]